BỘ TÀI CHÍNH
CỤC THUẾ

Số: 8475 /CT-QLNT
V/v đăng tải Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, phản biện xã hội đối với dự thảo Nghị quyết của Quốc hội Ban hành chính sách đặc thù về xử lý tiền thuế nợ để tháo gỡ khó khăn cho người nộp thuế trong thực hiện luật quản lý thuế nhằm đáp ứng yêu cầu cấp bách trong thực hiện cam kết quốc tế về trao đổi thông tin theo yêu cầu

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 06 tháng 11 năm 2026

CỤC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ
ĐẾN: 14596
Ngày 10-11-2026
Chuyển:
Số và ký hiệu HS:

Kính gửi:
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Pháp luật quốc gia.

Ngày 26/10/2026, Bộ Tài chính đã có công văn số 17143/BTC-CT lấy ý kiến các Đoàn đại biểu Quốc hội, các Bộ ngành, địa phương, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam về hồ sơ dự án Nghị quyết của Quốc hội ban hành chính sách đặc thù về xử lý tiền thuế nợ để tháo gỡ khó khăn cho người nộp thuế trong thực hiện luật quản lý thuế nhằm đáp ứng yêu cầu cấp bách trong thực hiện cam kết quốc tế về trao đổi thông tin theo yêu cầu (sau đây gọi là dự án Nghị quyết của Quốc hội), đồng thời gửi đăng dự thảo trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, của Bộ Tài chính và Cổng Pháp luật Quốc gia để lấy ý kiến rộng rãi của nhân dân.

Cục Thuế đã nhận được ý kiến góp ý của một số Đoàn Đại biểu Quốc hội, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân đối với hồ sơ dự án Nghị quyết của Quốc hội.

Căn cứ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Cục Thuế xin gửi Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, phản biện xã hội để Cổng Thông tin điện tử Chính phủ đăng tải theo quy định.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý cơ quan./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Cao Anh Tuấn (để b/c);
- Cục trưởng (để b/c);
- Vụ PC - BTC;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính (để đăng tải);
- Lưu: VT, QLNT.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

BỘ TÀI CHÍNH CỤC THUẾ

Đặng Ngọc Minh

Số: 8475/CT-QLNT; 06/11/2026; 17:10:11

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm

BẢN TỔNG HỢP Ý KIẾN, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý, PHẢN BIỆN XÃ HỘI ĐỐI VỚI HỒ SƠ DỰ ÁN NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI BAN HÀNH CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ VỀ XỬ LÝ XÓA TIỀN THUẾ NỢ ĐỂ THÁO GỠ KHÓ KHĂN CHO NGƯỜI NỘP THUẾ TRONG THỰC HIỆN LUẬT QUẢN LÝ THUẾ NHẰM ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CẤP BÁCH TRONG THỰC HIỆN CAM KẾT QUỐC TẾ VỀ TRAO ĐỔI THÔNG TIN THEO YÊU CẦU

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Cơ quan chủ trì soạn thảo đã tổ chức lấy ý kiến đối với Hồ sơ dự án Nghị quyết ban hành chính sách đặc thù về xử lý xóa tiền thuế nợ để tháo gỡ khó khăn cho người nộp thuế trong thực hiện Luật Quản lý thuế nhằm đáp ứng yêu cầu cấp bách trong thực hiện cam kết quốc tế về trao đổi thông tin theo yêu cầu.

1. Tổng số cơ quan, tổ chức, cá nhân đã gửi xin ý kiến và tổng số ý kiến nhận được:

1. Tổng số cơ quan, tổ chức, cá nhân đã gửi xin ý kiến và tổng số ý kiến nhận được:

Ngày 26/10/2026, Bộ Tài chính đã ban hành Công văn số 17143/BTC-CT gửi các Đoàn đại biểu Quốc hội; các Bộ, cơ quan ngang Bộ; 34 UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; 34 Thuế tỉnh, thành phố; Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam; đồng thời đăng tải trên Cổng TTĐT Chính phủ, Cổng Pháp luật Quốc gia; Cổng TTĐT Bộ Tài chính để lấy ý kiến rộng rãi các đối tượng chịu sự tác động đối với bộ hồ sơ Nghị quyết của Quốc hội Ban hành chính sách đặc thù về xử lý tiền thuế nợ để tháo gỡ khó khăn cho người nộp thuế trong thực hiện luật quản lý thuế nhằm đáp ứng yêu cầu cấp bách về trao đổi thông tin theo yêu cầu. **Đến 05/11/2026,** Bộ Tài chính đã nhận được ý kiến tham gia của **73 đơn vị, tổ chức, cá nhân.**

2. Kết quả cụ thể như sau:

- Các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức, cá nhân có ý kiến nhất trí, không có ý kiến bổ sung (38 đơn vị) bao gồm:

+ Các Đoàn đại biểu Quốc hội: tỉnh Khánh Hòa, Cà Mau, Tuyên Quang, Gia Lai, Sơn La, Thái Nguyên, TP Hồ Chí Minh,

+ Các Bộ, ngành, cơ quan thuộc Chính phủ: Bộ Công thương, Bộ Văn hóa thể thao và du lịch, Thanh tra Chính phủ, Bộ Quốc phòng, Bộ Y tế, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Ngoại giao,

+ UBND các tỉnh, thành phố: Sở Tài chính tỉnh Lai Châu, STC tỉnh Sơn La,

+ Cơ quan thuế địa phương: Thuế tỉnh Lai Châu, Thuế tỉnh Quảng Trị, Thuế tỉnh Cà Mau, Thuế tỉnh Thanh Hóa, Thuế tỉnh Phú Thọ, Thuế TP Quảng Ninh, Thuế tỉnh Lào Cai, Thuế tỉnh Sơn La, Thuế tỉnh Thái Nguyên, Thuế tỉnh Lâm Đồng, Thuế tỉnh Vĩnh Long, Thuế tỉnh Tây Ninh, Thuế TP Đà Nẵng, Thuế tỉnh Đồng Tháp, Thuế tỉnh Đắk Lak, Thuế tỉnh Tuyên Quang, Thuế tỉnh Cao Bằng, Thuế tỉnh Điện Biên, Thuế tỉnh Vĩnh Long, Thuế tỉnh Quảng Ngãi, Thuế TP Bắc Ninh, Thuế tỉnh Khánh Hòa.

+ Các tổ chức khác: Không có ý kiến tham gia.

- Các bộ, ngành, địa phương, tổ chức cơ bản nhất trí và có một số ý kiến cụ thể (35 đơn vị) bao gồm:

+ Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: Chưa có ý kiến tham gia;

+ Các Đoàn đại biểu Quốc hội: Cao Bằng, Hưng Yên, TP Bắc Ninh, An Giang, Điện Biên, Lai Châu, Lạng Sơn, Nghệ An, Ninh Bình, Thanh Hóa, TP Hà Nội, Phú Thọ,

+ Các Bộ ngành, cơ quan thuộc Chính phủ: Bộ Công an, Bộ Dân tộc, Bộ Nông nghiệp và môi trường, Bộ Xây dựng,

+ UBND các tỉnh, thành phố: Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng,

+ Cơ quan thuế địa phương: Thuế TP Hà Nội, Thuế tỉnh An Giang, Thuế tỉnh Ninh Bình, Thuế tỉnh Nghệ An, Thuế TP Cần Thơ, Thuế tỉnh Hưng Yên, Thuế TP Hải Phòng, Thuế tỉnh Cao Bằng, Thuế tỉnh Hà Tĩnh,

+ Các cá nhân: Bùi Văn Năm, Hoàng Minh Đức, Nguyễn Thị Thu Thủy, Nguyễn Văn Cường, Trần Đức Quyền;

+ Các tổ chức khác: Công ty TNHH Phát triển năng lượng xanh Phú Quốc, Hội tư vấn thuế Việt Nam, Hội tư vấn và đại lý thuế TPHCM, Liên đoàn Thương mại và công nghiệp Việt Nam (VCCI),

Trên cơ sở ý kiến của các bộ, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân, Bộ Tài chính đã tổng hợp đầy đủ các ý kiến góp ý và giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý tại Phụ lục kèm theo.

Phụ lục
TỔNG HỢP Ý KIẾN, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN NHẬN TỪ 26/10/2026 ĐẾN NGÀY 05/11/2026

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Một số ý kiến góp ý chung về Dự thảo			
Căn cứ thực tiễn	Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Ngãi	Về căn cứ cấp bách và thời hạn áp dụng Mốc "kỳ rà soát của EU tháng 10/2026" nêu tại Tờ trình đã diễn ra trước khi Quốc hội xem xét Nghị quyết; Tờ trình cũng nêu Diễn đàn toàn cầu không khuyến nghị trực tiếp việc xóa nợ. Đề nghị cập nhật lý do cấp bách, tách bạch nội dung thực hiện khuyến nghị quốc tế (làm sạch, chấm dứt hiệu lực mã số thuế) với chính sách hỗ trợ trong nước; cân nhắc rút thời hạn áp dụng về hết năm 2027 để có kết quả trước đợt đánh giá chuyên sâu dự kiến vào quý II/2028.	**Cơ quan soạn thảo xin báo cáo như sau:** Thứ nhất, về căn cứ cấp bách: Tiếp thu ý kiến, cơ quan soạn thảo sẽ cập nhật Tờ trình, không tiếp tục viện dẫn kỳ rà soát của EU tháng 10/2026 như một mốc công việc sắp tới. Tính cấp bách xuất phát từ khối lượng lớn người nộp thuế trạng thái 03, 06 tồn đọng kéo dài; nghĩa vụ tài chính, hồ sơ chưa được xử lý dứt điểm đang cản trở việc khôi phục hoặc chấm dứt hiệu lực mã số thuế, làm tăng chi phí tuân thủ, chi phí quản lý và ảnh hưởng chất lượng dữ liệu. Các biện pháp theo quy trình thông thường chưa đủ để giải quyết sớm những vướng mắc này. Thứ hai, về mối quan hệ với khuyến nghị quốc tế: Diễn đàn toàn cầu không trực tiếp khuyến nghị xóa nợ thuế nhưng có khuyến nghị Việt Nam tập trung vào giám sát, xử lý pháp nhân không hoạt động và bảo đảm thông tin nhận dạng, quyền sở hữu, hồ sơ kế toán đầy đủ, cập nhật, sẵn có. Xóa nợ lệ phí môn bài và xóa tiền chậm nộp có điều kiện là giải pháp chính sách trong nước nhằm tháo gỡ rào cản tài chính, hỗ trợ xử lý tồn đọng và góp phần thực hiện yêu cầu đó. Việc xóa nợ không thay thế thủ tục về mã số thuế, đăng ký doanh nghiệp hoặc trách nhiệm lưu giữ, cung cấp thông tin. Thứ ba, về thời hạn áp dụng: Cơ quan soạn thảo ghi nhận đề nghị kết thúc chính sách vào cuối năm 2027 để sớm có kết quả phục vụ đánh giá chuyên sâu dự kiến quý II/2028. Tuy nhiên, thời hạn áp dụng chính sách không đồng nghĩa phải chờ đến khi kết thúc mới tổng hợp, đánh giá kết quả. Việc triển khai, cập nhật dữ liệu và ghi nhận tiến độ được thực hiện

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			thường xuyên; kết quả đến cuối năm 2027 có thể được tổng hợp phục vụ đánh giá trong khi tiếp tục giải quyết các trường hợp còn lại. Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ thời hạn đến hết ngày 30/6/2028 nhằm dành đủ thời gian thông tin, đối chiếu nghĩa vụ, huy động nguồn thanh toán nợ gốc và hoàn thiện hồ sơ, nhất là đối với người nộp thuế đã ngừng hoạt động lâu năm, khó liên hệ hoặc ở địa bàn khó khăn. Đồng thời, sẽ xác định tiến độ xử lý, tăng cường đôn đốc và tổng hợp kết quả đến cuối năm 2027, tránh dồn hồ sơ vào cuối thời hạn. Thời hạn cụ thể phục vụ đánh giá quốc tế sẽ được cập nhật theo thông tin chính thức, không coi việc xóa nợ hoặc kết thúc chính sách là điều kiện tự động đáp ứng yêu cầu đánh giá.
Về đánh giá tác động	Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Hưng Yên	Đề nghị đánh giá cụ thể tác động của chính sách đến thu NSNN, bao gồm cả ngân sách địa phương và thể hiện rõ trong Tờ trình Quốc hội.	Tiếp thu ý kiến, cơ quan soạn thảo sẽ bổ sung, làm rõ trong Tờ trình Quốc hội tác động của việc xử lý nợ lệ phí môn bài và tiền chậm nộp đối với ngân sách nhà nước, bao gồm ngân sách địa phương.
Về hình thức văn bản	Đoàn đại biểu Quốc hội TP Hà Nội	(1) Có ý kiến đề nghị tích hợp toàn bộ chính sách tại dự thảo Nghị quyết của Chính phủ vào 01 Nghị quyết của Quốc hội, vì các chính sách giảm mức phạt (khác Điều 77 Luật Xử lý vi phạm hành chính), miễn nộp hồ sơ khai thuế, chấm 2 dứt hiệu lực mã số thuế không qua thủ tục giải thể là các quy định khác luật, thuộc thẩm quyền Quốc hội; đồng thời điều kiện xóa tiền chậm nộp tại Nghị quyết của Quốc hội phụ thuộc trực tiếp vào số tờ khai, số tiền phạt theo Nghị quyết của Chính phủ, nếu hiệu lực lệch nhau sẽ không triển khai đồng bộ được. Đề xuất tên gọi "Nghị quyết ban hành một số cơ chế, chính sách đặc thù về quản lý thuế và xử lý tiền thuế nợ để tháo gỡ khó khăn cho người nộp thuế nhằm đáp ứng yêu cầu	**(1) Đối với ý kiến 1: Cơ quan chủ trì soạn thảo xin giải trình như sau:** Cơ quan chủ trì soạn thảo ghi nhận yêu cầu bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ giữa hai Nghị quyết. Tuy nhiên, việc xác định thẩm quyền phải căn cứ nội dung từng chính sách và phạm vi được pháp luật giao, không chỉ căn cứ mối liên hệ trong tổ chức thực hiện để tích hợp toàn bộ vào Nghị quyết của Quốc hội. Nghị quyết của Quốc hội tập trung quyết định chính sách đặc thù về xử lý lệ phí môn bài và tiền chậm nộp; Nghị quyết của Chính phủ xử lý các vướng mắc về hồ sơ, xử phạt và mã số thuế thuộc thẩm quyền. Cả 02 Nghị quyết sẽ có hiệu lực thi

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		cấp bách về trao đổi thông tin theo yêu cầu", bố cục 04 Chương, 10 Điều: Quy định chung; Chính sách đặc thù về hồ sơ khai thuế, xử phạt vi phạm hành chính và xử lý mã số thuế; Chính sách đặc thù về xử lý tiền thuế nợ; Điều khoản thi hành. (2) Có ý kiến đề nghị, trường hợp giữ hai Nghị quyết riêng: (1) Bổ sung vào Điều 7 dự thảo Nghị quyết của Quốc hội nội dung giao Chính phủ quy định chính sách đặc thù về hồ sơ khai thuế, mức phạt và xử lý mã số thuế, làm căn cứ trực tiếp cho Nghị quyết của Chính phủ; (2) Quy định hai Nghị quyết có hiệu lực cùng thời điểm, thống nhất thời điểm chốt trạng thái 03, 06; (3) Giải trình lý do dùng hình thức Nghị quyết của Chính phủ thay vì sửa Nghị định số 125/2020/NĐ-CP và việc áp dụng mức phạt thấp hơn chỉ cho một nhóm người nộp thuế. (3) Có ý kiến đề nghị rà soát, làm rõ căn cứ pháp lý và thẩm quyền ban hành đối với từng nhóm chính sách; thuyết minh cụ thể việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn; xây dựng bảng đối chiếu giữa hai dự thảo về đối tượng, điều kiện, trường hợp loại trừ, mốc thời gian, hậu quả pháp lý, tránh chồng chéo, mâu thuẫn.	hành trong cùng 01 ngày (ngày 21/11/2026) Việc xác định hồ sơ còn thiếu và tiền phạt phải nộp có liên quan trực tiếp đến điều kiện áp dụng chính sách xóa tiền chậm nộp. Vì vậy, tiếp thu yêu cầu thống nhất thời điểm hiệu lực, thời hạn áp dụng và hướng dẫn thực hiện liên thông; sử dụng chung hồ sơ, dữ liệu, xác định nghĩa vụ sau khi áp dụng chính sách xử phạt hợp pháp, không yêu cầu người nộp thuế thực hiện thủ tục riêng cho từng chính sách. Do đó, đề nghị chưa tích hợp toàn bộ hai dự thảo và thay đổi tên gọi, bố cục theo kiến nghị của đoàn Đại biểu. **(2) Đối với ý kiến 2, Cơ quan chủ trì soạn thảo xin giải trình như sau:** -Về đề nghị giao Chính phủ quy định các chính sách đặc thù Việc xác định thẩm quyền phải căn cứ từng nội dung chính sách. Đối với nội dung thuộc thẩm quyền Chính phủ, Chính phủ ban hành theo căn cứ pháp luật hiện hành, không cần bổ sung một quy định giao nhiệm vụ chung tại Nghị quyết của Quốc hội. Ngược lại, nếu nội dung khác luật, vượt thẩm quyền Chính phủ thì phải được Quốc hội xem xét, quyết định cụ thể; không thể khắc phục chỉ bằng quy định chung "giao Chính phủ quy định chính sách đặc thù". Do đó, đề nghị không bổ sung theo hướng giao chung như kiến nghị; tiếp tục rà soát, thuyết minh rõ căn cứ thẩm quyền của từng chính sách trong hồ sơ tương ứng. - Về bảo đảm đồng bộ giữa hai Nghị quyết Tiếp thu ý kiến, hai dự thảo cần thống nhất thời điểm hiệu lực, mốc xác định trạng thái 03, 06 và thời hạn thực hiện đối với các chính sách có liên quan. Việc triển khai phải liên thông từ xử lý hồ sơ khai thuế, xác định tiền phạt còn phải nộp đến xóa tiền chậm nộp và giải quyết thủ tục mã số thuế; sử dụng chung hồ sơ, dữ liệu, không yêu cầu người nộp thuế thực hiện thủ tục riêng cho từng chính sách. - Về hình thức nghị quyết của Chính phủ và áp dụng mức phạt

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			đặc thù: Khoản 2 Điều 14 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật cho phép Chính phủ ban hành nghị quyết để giải quyết vấn đề cấp bách, quan trọng trong thời gian, phạm vi cụ thể thuộc thẩm quyền; đồng thời có cơ chế điều chỉnh hiệu lực hoặc thí điểm chính sách khác với nghị định, nghị quyết của Chính phủ. Đây là căn cứ xem xét hình thức nghị quyết đối với giải pháp xử lý một lần các tồn đọng, có đối tượng và thời hạn xác định, thay vì sửa cơ chế xử phạt áp dụng thường xuyên. Tuy nhiên, hình thức này không tự cho phép quy định khác luật hoặc thay thế nghị định quy định chi tiết Việc áp dụng mức phạt thấp hơn cho nhóm 03, 06 do đặc điểm tồn đọng lịch sử, tính chất hành vi, điều kiện khắc phục và mục tiêu đưa người nộp thuế trở lại tuân thủ; không chỉ dựa vào trạng thái mã số thuế để dành ưu đãi. Chính sách giới hạn rõ hành vi, thời kỳ, điều kiện áp dụng để chống lợi dụng. Các nội dung này sẽ được làm rõ tại hồ sơ dự thảo Nghị quyết của Chính phủ. **(3) Đối với ý kiến 3, Cơ quan chủ trì soạn thảo xin giải trình như sau:** Tiếp thu ý kiến, cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, làm rõ căn cứ pháp lý, thẩm quyền đối với từng nhóm chính sách. Dự thảo Nghị quyết của Quốc hội tập trung xử lý lệ phí môn bài và tiền chậm nộp theo cơ chế đặc thù khác quy định hiện hành; dự thảo Nghị quyết của Chính phủ chỉ quy định nội dung thuộc thẩm quyền. Nội dung vượt thẩm quyền phải được chỉnh lý hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định, không mặc nhiên coi tính cấp bách là căn cứ để quy định khác luật. Về trình tự, thủ tục rút gọn, hồ sơ được hoàn thiện theo khoản 2 Điều 26 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, làm rõ yêu cầu xử lý cấp bách các tồn đọng thực tiễn, lý do cần trình tại kỳ họp đang diễn ra và quá trình lấy ý kiến, thẩm định, tiếp

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			thu.
Về việc xác minh tình trạng hoạt động thực tế của người nộp thuế	Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Phú Thọ	Dự thảo quy định không áp dụng chính sách đối với người nộp thuế có phát sinh hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc nghĩa vụ thuế từ hoạt động sản xuất, kinh doanh trong thời gian thuộc trạng thái 03, trạng thái 06, trừ trường hợp xử lý lệ phí môn bài theo quy định. Đồng thời, đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ tiêu chí và căn cứ xác định việc phát sinh hoạt động sản xuất, kinh doanh trong thời gian người nộp thuế thuộc trạng thái 03, trạng thái 06, nhất là trường hợp dữ liệu quản lý thuế, dữ liệu đăng ký kinh doanh, dữ liệu hóa đơn và các thông tin quản lý có liên quan chưa đầy đủ hoặc không thống nhất; làm rõ cách xử lý trường hợp dữ liệu quản lý có dấu hiệu phát sinh hoạt động sản xuất, kinh doanh nhưng chưa đủ căn cứ xác định người nộp thuế thực tế có hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc phát sinh nghĩa vụ thuế từ hoạt động này, làm cơ sở xác định việc áp dụng hay không áp dụng chính sách xóa tiền chậm nộp theo quy định.	**Cơ quan chủ trì soạn thảo xin giải trình như sau:** Việc loại trừ người nộp thuế có phát sinh hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc nghĩa vụ thuế từ hoạt động này trong thời gian ở trạng thái 03, 06 nhằm bảo đảm chính sách áp dụng đúng đối tượng thực tế đã ngừng hoạt động, tránh lợi dụng trạng thái đăng ký thuế để hưởng chính sách. Tiếp thu ý kiến, việc xác định phải căn cứ **nội dung, thời điểm thực tế phát sinh hoạt động và kỳ tính thuế của nghĩa vụ liên quan**, trên cơ sở đối chiếu hồ sơ khai thuế, dữ liệu hóa đơn, đăng ký kinh doanh, kết quả kiểm tra, xác minh và tài liệu hợp pháp khác. Không chỉ căn cứ thời điểm nộp hồ sơ khai bổ sung, lập hóa đơn điều chỉnh hoặc thu tiền để kết luận có hoạt động kinh doanh trong thời gian ở trạng thái 03, 06; cần phân biệt với việc xử lý giao dịch của các kỳ trước và trường hợp thanh lý tài sản, hàng hóa tồn kho được dự thảo quy định ngoại lệ. **Trường hợp dữ liệu thiếu, không thống nhất hoặc mới có dấu hiệu phát sinh hoạt động thì chưa đủ căn cứ để kết luận người nộp thuế thuộc trường hợp loại trừ.** Cơ quan thuế có trách nhiệm đối chiếu, xác minh, thông báo rõ nội dung cần làm rõ và tạo điều kiện để người nộp thuế giải trình, cung cấp tài liệu. Tuy nhiên, việc chưa đủ căn cứ loại trừ cũng không đồng nghĩa đương nhiên đủ điều kiện xóa nợ; quyết định xử lý phải dựa trên kết quả xác minh và đầy đủ điều kiện của Nghị quyết. Nội dung này cần được hướng dẫn thống nhất trong tổ chức thực hiện, làm rõ nguồn thông tin, trách nhiệm xác minh và căn cứ kết luận; **không đặt thêm thủ tục xác nhận riêng cho người nộp thuế, không loại trừ chỉ dựa trên dữ liệu nghi vấn và không kéo dài việc giải quyết mà không xác định rõ lý do.**

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Về đánh giá tác động	Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Thanh Hóa	Đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ cơ sở xác định phạm vi, đối tượng áp dụng; đánh giá số nợ có khả năng thu hồi và tác động đến ngân sách, bảo đảm tính hợp lý, công bằng giữa những người nộp thuế.	**Cơ quan chủ trì soạn thảo xin giải trình như sau:** **Về phạm vi, đối tượng áp dụng:** Chính sách tại Điều 4 không áp dụng đại trà mà giới hạn đối với người nộp thuế thuộc Điều 2, được xác định ở trạng thái 03, 06 đến ngày 21/11/2026 và đáp ứng các quy định của Nghị quyết. Phạm vi xử lý gồm nợ lệ phí môn bài phát sinh đến hết ngày 31/12/2025, tiền chậm nộp tương ứng và nghĩa vụ chưa khai, nộp, chưa được hạch toán theo khoản 3 Điều 4. Việc xử lý cả nghĩa vụ đã hạch toán và chưa hạch toán nhằm **bảo đảm các trường hợp có cùng điều kiện thực tế được áp dụng thống nhất, không phụ thuộc tiến độ ghi nhận nghĩa vụ trên hệ thống**. Đây là chính sách đặc thù xử lý tồn đọng; việc chấm dứt thu, nộp lệ phí môn bài từ ngày 01/01/2026 không tự làm mất các nghĩa vụ đã phát sinh trước đó. **Về khả năng thu hồi và tác động ngân sách:** Cần phân biệt số nợ đang theo dõi, nghĩa vụ dự kiến xác định thêm và số thực tế có khả năng thu hồi. Không thể đồng nhất toàn bộ giá trị danh nghĩa được xử lý với số giảm thu ngân sách thực tế; đồng thời cũng không thể mặc nhiên coi toàn bộ nợ của người nộp thuế trạng thái 03, 06 là không có khả năng thu. **Về bảo đảm công bằng:** Dự thảo giới hạn đối tượng, thời điểm và khoản được xử lý; loại trừ các trường hợp theo quy định và chỉ xóa số tiền còn nợ đáp ứng đầy đủ điều kiện. Khoản đã nộp đúng pháp luật không trở thành khoản nộp thừa do chính sách mới. Cơ quan soạn thảo ghi nhận sự khác biệt về lợi ích giữa người đã hoàn thành nghĩa vụ và người còn nợ; vì

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			vậy, chính sách nhằm mục tiêu xử lý một lần tồn đọng lịch sử, hiệu quả quản lý và các điều kiện kiểm soát cụ thể, không coi việc chưa chấp hành nghĩa vụ là căn cứ để đề xuất chính sách.
Về quy trình lấy ý kiến và quy trình rà soát, kiểm tra NNT	Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh An Giang	(1) - Bổ sung quy định cụ thể về quy trình rà soát, kiểm tra, đối chiếu chặt chẽ từng trường hợp người nộp thuế cụ thể. (2) - Cơ quan chủ trì soạn thảo thực hiện việc lấy ý kiến bảo đảm thời gian theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 30 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật	**(1) Về ý kiến thứ nhất, cơ quan soạn thảo xin giải trình như sau:** Tại dự thảo Nghị quyết đã quy định các điều kiện, nguyên tắc và trách nhiệm trong quá trình tổ chức thực hiện chính sách, cụ thể: - Tại khoản 2 Điều 1 quy định không áp dụng chính sách xóa tiền chậm nộp đối với các khoản tiền chậm nộp phát sinh từ khoản tiền thuế nợ gốc liên quan đến hành vi trốn thuế, gian lận thuế, sử dụng hóa đơn, chứng từ không hợp pháp; các khoản tiền thuế nợ liên quan đến vụ việc đang được thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử. Đây là cơ sở để cơ quan thuế rà soát, xác định và loại trừ các trường hợp không đủ điều kiện áp dụng chính sách. - Tại khoản 2 Điều 3 quy định việc xử lý xóa tiền chậm nộp phải bảo đảm người nộp thuế đã nộp đủ khoản tiền thuế nợ gốc phải nộp vào ngân sách nhà nước và đã nộp hồ sơ hợp lệ đề nghị khôi phục mã số thuế hoặc chấm dứt hiệu lực mã số thuế. Theo đó, việc áp dụng chính sách phải căn cứ vào tình trạng nghĩa vụ thuế và hồ sơ cụ thể của từng người nộp thuế, bảo đảm có cơ sở để kiểm tra, đối chiếu trước khi thực hiện. - Tại khoản 4 Điều 6 quy định trường hợp sau khi được áp dụng chính sách mà cơ quan quản lý thuế hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát hiện người nộp thuế thực tế không đáp ứng điều kiện thì cơ quan quản lý thuế có trách nhiệm phục hồi số tiền thuế nợ đã xử lý xóa. Đồng thời, khoản 5 Điều 6 giao Chính phủ tổ chức thực hiện Nghị quyết, xử lý nghiêm các hành vi lợi dụng chính sách để trốn thuế, gian lận thuế hoặc chiếm đoạt tiền thuế và báo cáo Quốc hội kết quả thực hiện. Như vậy, dự thảo Nghị quyết đã quy định các căn cứ để kiểm

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			soát đối tượng, điều kiện áp dụng chính sách; trách nhiệm của cơ quan quản lý thuế trong việc xử lý các trường hợp không đáp ứng điều kiện và trách nhiệm của Chính phủ trong tổ chức thực hiện, phòng ngừa, xử lý hành vi lợi dụng chính sách. Việc rà soát, kiểm tra, đối chiếu từng trường hợp người nộp thuế được thực hiện trên cơ sở hồ sơ quản lý thuế, dữ liệu quản lý thuế và các quy định về trình tự, thủ tục quản lý thuế hiện hành. Do đó, cơ quan chủ trì soạn thảo xin không tiếp thu ý kiến bổ sung quy trình rà soát, kiểm tra, đối chiếu riêng tại Nghị quyết, nhằm tránh quy định trùng lặp với quy trình nghiệp vụ quản lý thuế hiện hành, đồng thời bảo đảm tính linh hoạt trong tổ chức thực hiện; việc kiểm soát chặt chẽ từng trường hợp người nộp thuế vẫn được thực hiện theo các quy định đã được thiết kế tại dự thảo Nghị quyết và pháp luật về quản lý thuế có liên quan. **(2) Về ý kiến thứ hai: Cơ quan chủ trì soạn thảo xin giải trình như sau:** Điểm a khoản 1 Điều 30 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định việc lấy ý kiến trong giai đoạn lập đề xuất chính sách, trong đó cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến trả lời trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị. Dự án Nghị quyết được xây dựng theo trình tự, thủ tục rút gọn tại khoản 2 Điều 26. Vì vậy, việc lấy ý kiến dự thảo thực hiện theo điểm b khoản 4 Điều 51; trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, thời hạn ít nhất là 03 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị tham gia góp ý, thay vì áp dụng thời hạn tại Điều 30. Bộ Tài chính đã gửi lấy ý kiến tại Công văn số 17143/BTC-CT ngày 26/10/2026 và đăng tải hồ sơ dự thảo để tiếp nhận góp ý. Tiếp thu yêu cầu bảo đảm thời gian, cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát thời điểm gửi, nhận và thời hạn trả lời, bổ sung thông tin trong hồ sơ để chứng minh việc tuân thủ; đồng thời tổng hợp, tiếp thu, giải trình đầy đủ ý kiến nhận được trong quá trình hoàn thiện dự thảo.

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Về kỹ thuật và đối tượng xóa nợ lệ phí môn bài	Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Nghệ An	Tên dự án Nghị quyết chưa thống nhất giữa Công văn số 17143/BTC-CT, Tờ trình ("xử lý nợ thuế") và dự thảo Nghị quyết ("xử lý tiền thuế nợ... nhằm đáp ứng yêu cầu cấp bách về trao đổi thông tin theo yêu cầu"). Mặt khác, chính sách xóa nợ lệ phí môn bài tại Điều 4 áp dụng cho mọi người nộp thuế, không phân biệt đang hoạt động hay không, với mục tiêu chủ yếu là xử lý dứt điểm nghĩa vụ của khoản thu đã chấm dứt từ ngày 01/01/2026 theo Nghị quyết số 198/2025/QH15, không trực tiếp gắn với yêu cầu trao đổi thông tin. Đề nghị thống nhất tên gọi trong toàn bộ hồ sơ và điều chỉnh tên Nghị quyết phản ánh đầy đủ cả hai nhóm mục tiêu, bảo đảm tên gọi tương xứng với phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị quyết.	Cơ quan soạn thảo tiếp thu và đã rà soát, chỉnh tên dự án Nghị quyết khớp đúng giữa Nghị quyết và các tờ trình *(Dự án Nghị quyết của Quốc hội ban hành chính sách đặc thù về xử lý xóa tiền thuế nợ để tháo gỡ khó khăn cho người nộp thuế trong thực hiện Luật Quản lý thuế nhằm đáp ứng yêu cầu cấp bách trong thực hiện cam kết quốc tế về trao đổi thông tin theo yêu cầu).* Về việc xử lý xoá nợ lệ phí môn bài, tiếp thu ý kiến của Đại biểu, cơ quan soạn thảo chỉ đề xuất xoá nợ lệ phí môn bài cho NNT ở trạng thái ngừng hoạt động, không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký. Đối với NNT đang hoạt động, CQT tiếp tục tổ chức các biện pháp đôn đốc để thu hồi khoản tiền nợ này.
Về trình tự, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật	Bộ Dân tộc	Tại mục 1 Phần VII dự thảo Tờ trình: đề nghị rà soát việc xây dựng Nghị quyết theo trình tự, thủ tục rút gọn và việc bổ sung Nghị quyết vào Chương trình lập pháp bảo đảm phù hợp với quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025.	Cơ quan soạn thảo tiếp thu và hoàn thiện Tờ trình.
Về kỹ thuật	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Đề nghị rà soát Mục IV dự thảo Tờ trình thực hiện theo đúng mẫu số 02 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP).	Cơ quan soạn thảo tiếp thu và hoàn thiện Tờ trình.
Về kỹ thuật	Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng	1. Đối với dự thảo Tờ trình: Đề nghị Cơ quan soạn thảo sử dụng từ "hoặc" thay cho từ "và" khi đề cập tên của trạng thái 03, 06 vì đây là 02 trạng thái riêng biệt được quy định khác nhau đồng thời chỉnh sửa bổ sung đầy đủ tên trạng thái 06 tại mục 2.1 để phù hợp với nội dung	Cơ quan soạn thảo tiếp thu và hoàn thiện Tờ trình, dự thảo Nghị quyết và các tài liệu kèm theo.

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		thuyết minh về cơ sở thực tiễn của Tờ trình. 2. Tại dự thảo Nghị quyết - Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát các xác định rõ quy định tại khoản Điều 2 Dự thảo Nghị quyết áp dụng cho đối tượng thuộc trạng thái 06 và khoản Điều 2 Dự thảo Nghị quyết áp dụng cho đối tượng thuộc trạng thái 03 để thống nhất với nội dung thuyết minh tại Bản so sánh, thuyết minh và thống nhất 2 1 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 90/2026/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ Tài chính; với tên trạng thái được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 90/2026/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ Tài Chính; - Đề nghị Cơ quan soạn thảo rà soát, sắp xếp các điều khoản tại dự thảo phù hợp với phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của dự thảo: trạng thái 03 và trạng thái 06.	
Về thẩm quyền ban hành Quyết định hủy quyết định xóa nợ tiền thuế, tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp	Thuế tỉnh Tuyên Quang	Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét bổ sung, điều chỉnh quy định về thẩm quyền ban hành Quyết định hủy quyết định xóa nợ tiền thuế, tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp tại dự thảo Nghị quyết của Quốc hội, cụ thể: **Cơ sở thực tiễn:** Trong quá trình triển khai chiến dịch làm sạch mã số thuế, một số người nộp thuế thuộc trạng thái mã số thuế 03 (ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế), trạng thái 06 (không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký), sau khi phối hợp với cơ quan Công an, chính quyền địa phương đã xác minh được địa chỉ, thông tin. Sau khi được cơ quan thuế hướng dẫn, đôn đốc người nộp thuế đã thực hiện nộp đầy đủ các khoản nợ vào ngân sách nhà nước, bao gồm cả khoản tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp trước đây đã được xóa theo Nghị quyết số 94/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội. Theo quy định tại Nghị quyết số 94/2019/QH14 của Quốc hội và Thông tư số 69/2020/TT-BTC của Bộ Tài	**Cơ quan soạn thảo xin báo cáo như sau:** Đối với người nộp thuế đáp ứng đầy đủ điều kiện tại khoản 1 Điều 5 dự thảo Nghị quyết, khoản 2 Điều này đã đề xuất kế thừa kết quả xóa tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp theo Nghị quyết số 94/2019/QH14. Theo đó, không phải thực hiện thủ tục hủy quyết định và thu hồi khoản đã được xóa đúng quy định chỉ vì người nộp thuế quay lại kinh doanh. Cách xử lý này trực tiếp tháo gỡ vướng mắc, không cần thực hiện bước hủy quyết định rồi tiếp tục xem xét xóa lại theo chính sách mới. Đối với khoản người nộp thuế đã nộp vào ngân sách nhà nước trước khi Nghị quyết có hiệu lực, cần đối chiếu căn cứ thu và hồ sơ xử lý. Khoản đã nộp đúng nghĩa vụ không được xác định lại chỉ vì sau đó có chính sách mới; khoản thu không đúng hoặc vượt nghĩa vụ được xử lý theo pháp luật về quản lý thuế. Việc đã nộp tiền không tự thay thế thủ tục hủy quyết định nếu trường hợp đó thực sự thuộc diện phải hủy theo quy định. Đối với trường hợp vẫn phải hủy quyết định xóa nợ nhưng không thuộc phạm vi kế thừa tại Điều 5, đề nghị giao cơ quan

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		chính hướng dẫn thi hành có quy định về trình tự, thủ 2 tục hủy khoanh nợ tiền thuế, hủy xóa tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp, quy định: trường hợp quyết định xóa nợ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ký ban hành. Do đó, để thực hiện nộp NSNN và hoàn tất thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế, thì cơ quan thuế phải trình UBND tỉnh ban hành Quyết định hủy Quyết định đã xóa nợ trước đây. Theo đó, Thuế tỉnh đề xuất sửa đổi, bổ sung theo hướng giao thẩm quyền ký Quyết định hủy xóa nợ cho "Thủ trưởng cơ quan thuế quản lý trực tiếp" đối với các trường hợp người nộp thuế đã được xóa nợ theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 94/2019/QH14[1]. Lý do: Việc phân cấp cho Thủ trưởng cơ quan thuế trực tiếp quản lý sẽ giúp cắt giảm các thủ tục hành chính trình UBND tỉnh ban hành, đảm bảo tính kịp thời, giúp cơ quan thuế chủ động rà soát, xử lý dứt điểm các vướng mắc phát sinh trên địa bàn một cách nhanh chóng và hiệu quả hơn.	chuyên môn tiếp tục rà soát cơ chế thẩm quyền để đề xuất xử lý phù hợp. Nội dung giao Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự tại khoản 3 Điều 6 dự thảo chỉ áp dụng đối với việc xử lý theo Điều 4, Điều 5, chưa phải căn cứ chuyển toàn bộ thẩm quyền hủy quyết định đã ban hành theo Nghị quyết số 94/2019/QH14 cho Thủ trưởng cơ quan thuế quản lý trực tiếp. Trên cơ sở đó, cơ quan soạn thảo đề nghị xử lý trước các trường hợp thuộc chính sách mới theo cơ chế kế thừa tại Điều 5; không bổ sung quy định chuyển thẩm quyền hủy quyết định một cách chung cho mọi trường hợp. Trường hợp xóa nợ sai đối tượng, điều kiện hoặc có hành vi lợi dụng vẫn phải được rà soát, thu hồi và xử lý đúng thẩm quyền.
Về tên gọi Nghị quyết	Thuế tỉnh Hà Tĩnh	Đề nghị sửa lại: *"Nghị quyết ban hành chính sách đặc thù về xử lý tiền thuế nợ để tháo gỡ khó khăn cho người nộp thuế trong thực hiện Luật Quản lý thuế nhằm đáp ứng yêu cầu cấp bách về trao đổi thông tin ~~theo yêu cầu~~"* Lý do: Tránh trùng lắp.	Cụm từ "trao đổi thông tin theo yêu cầu" trong tên gọi Nghị quyết xác định cụ thể việc thực hiện cam kết quốc tế về trao đổi thông tin theo yêu cầu phục vụ mục đích thuế gắn với yêu cầu cấp bách đặt ra khi xây dựng chính sách. Nếu bỏ cụm từ "theo yêu cầu", tên gọi sẽ mang nghĩa rộng, bao gồm cả các hình thức trao đổi thông tin tự động hoặc tự nguyện, chưa phản ánh chính xác yêu cầu thực tiễn và mục tiêu xây dựng Nghị quyết. **Do đó, đề nghị giữ nguyên tên gọi như dự thảo.**
Về lỗi kỹ thuật	Thuế tỉnh Hà Tĩnh	*Đề nghị sửa đổi, quy định thống nhất: Lỗi diễn đạt, thuật ngữ và tính thống nhất giữa các văn bản:* Tại các điều khoản của dự thảo Nghị quyết của Quốc hội và Nghị quyết của Chính phủ, có chỗ dùng cụm từ *"người nộp thuế ở trạng thái ngừng hoạt động nhưng*	Cơ quan soạn thảo tiếp thu rà soát dự thảo Nghị quyết

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế (trạng thái 03) hoặc không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký (trạng thái 06)", có chỗ viết gọn là *"người nộp thuế quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1"*. Để đảm bảo tính quy phạm, chặt chẽ và tránh rườm rà, nên định nghĩa tên viết tắt ngay từ Điều 1 (ví dụ: "...sau đây gọi là NNT ở trạng thái 03 hoặc trạng thái 06") và sử dụng xuyên suốt ở các điều khoản sau.	
Về tổ chức thực hiện	Hội tư vấn và đại lý thuế TPHCM	- Bảo đảm liên thông giữa hai Nghị quyết: thống nhất thời điểm hiệu lực, thời hạn áp dụng và ban hành một quy trình hướng dẫn chung, để NNT chỉ thực hiện một bộ hồ sơ khôi phục hoặc chấm dứt hiệu lực mã số thuế mà được đồng thời áp dụng tất cả các chính sách đặc thù. - Cho phép đại lý thuế được NNT ủy quyền thực hiện toàn bộ thủ tục thay NNT (kể cả trường hợp NNT không còn chữ ký số), và phát huy vai trò của các tổ chức xã hội – nghề nghiệp trong tuyên truyền, hỗ trợ NNT. Do thời gian áp dụng Nghị quyết ngắn (đến hết 30/6/2028), cơ quan thuế cần sớm công khai danh sách NNT thuộc diện áp dụng và hướng dẫn chi tiết ngay khi Nghị quyết có hiệu lực. - Định kỳ công bố kết quả xử lý theo từng nhóm trạng thái và địa bàn, vừa phục vụ giám sát của Quốc hội, vừa là bằng chứng về tiến bộ của Việt Nam đối với các yếu tố A.1, A.2 trong kỳ đánh giá của GF.	**Cơ quan soạn thảo xin giải trình như sau:** **1. Về bảo đảm liên thông giữa hai Nghị quyết** Tiếp thu ý kiến, việc hoàn thiện và tổ chức thực hiện hai Nghị quyết sẽ bảo đảm thống nhất về thời điểm hiệu lực, thời hạn áp dụng và hướng dẫn nghiệp vụ, gắn việc xử lý nghĩa vụ thuế với giải quyết thủ tục khôi phục hoặc chấm dứt hiệu lực mã số thuế. Dự thảo Nghị quyết sau chỉnh lý đã quy định nguyên tắc không phát sinh thủ tục hành chính riêng tại khoản 1 Điều 3; đồng thời, khoản 3 Điều 6 quy định người nộp thuế không phải lập hồ sơ đề nghị xử lý xóa nợ. Theo đó, cơ quan thuế sử dụng hồ sơ khôi phục hoặc chấm dứt hiệu lực mã số thuế và dữ liệu quản lý để xem xét đồng thời các chính sách mà người nộp thuế đáp ứng điều kiện, không yêu cầu lập riêng hồ sơ cho từng chính sách. Riêng việc xử lý lệ phí môn bài theo Điều 4 được thực hiện trên cơ sở dữ liệu quản lý thuế, không yêu cầu người nộp thuế nộp hồ sơ đề nghị. **2. Về đại lý thuế, hỗ trợ người nộp thuế và công khai thông tin** Cơ quan soạn thảo thống nhất ý kiến phát huy vai trò của đại lý thuế và các tổ chức xã hội – nghề nghiệp trong tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người nộp thuế. Việc đại lý thuế thực hiện thủ tục thay người nộp thuế phải bảo đảm phạm vi dịch vụ, căn cứ đại diện và trách nhiệm theo pháp luật; không quy định theo hướng được thực hiện toàn bộ thủ tục mà không phân biệt nội dung và điều kiện thực hiện.

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			Cơ quan thuế sẽ chủ động rà soát, thông tin đến người nộp thuế có khả năng thuộc diện áp dụng và công khai hướng dẫn ngay khi chính sách có hiệu lực. Danh sách rà soát phục vụ thông tin, hỗ trợ, không thay thế việc xác định đầy đủ điều kiện hưởng chính sách. Khoản 3 Điều 6 dự thảo đã quy định công khai kết quả xử lý trên trang thông tin điện tử và gửi thông tin qua tài khoản giao dịch thuế điện tử của người nộp thuế, nếu có. **3. Về công bố kết quả và phục vụ đánh giá quốc tế** Tiếp thu ý kiến, trong tổ chức thực hiện sẽ tổng hợp, công bố định kỳ kết quả theo nhóm trạng thái và địa bàn, làm rõ số trường hợp đã xử lý nghĩa vụ, đã khôi phục hoặc chấm dứt hiệu lực mã số thuế và số còn tồn đọng; phục vụ giám sát và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp cuối năm 2028 theo khoản 5 Điều 6 dự thảo Nghị quyết Đối với đánh giá của Diễn đàn toàn cầu, kết quả này cần đi kèm thông tin về việc lưu giữ, khả năng tiếp cận và cung cấp thông tin sở hữu, định danh và hồ sơ kế toán theo các yếu tố A.1, A.2. Vì vậy, số lượng mã số thuế được xử lý và số nợ được xóa là thông tin hỗ trợ đánh giá tiến độ, và góp phần chứng minh việc đáp ứng các yêu cầu này.
Cơ chế hoàn trả, bù trừ	Công ty TNHH Phát triển năng lượng xanh Phú Quốc; Ông Hoàng Minh Đức; Ông Trần Đức Quyền	Đề nghị hoàn trả hoặc bù trừ lệ phí môn bài, tiền chậm nộp đã nộp thuộc phạm vi dự kiến được xóa theo Nghị quyết đối với người nộp thuế trạng thái 03, 06, trong khoảng thời gian từ khi triển khai Chiến dịch "Làm sạch mã số thuế" đến ngày Nghị quyết có hiệu lực; trường hợp không hoàn tiền thì cho phép bù trừ vào nghĩa vụ phát sinh sau khi khôi phục mã số thuế hoặc nghĩa vụ khác theo hướng dẫn. Nêu ví dụ một trường hợp gia đình đã nộp gần 72 triệu đồng, đề nghị bảo đảm công bằng cho người tuân thủ sớm.	**Về ý kiến này, cơ quan soạn thảo xin giải trình như sau:** Chính sách xóa tiền thuế nợ đối với người nộp thuế trạng thái 03, 06 tại dự thảo Nghị quyết được xây dựng nhằm xử lý các khoản tiền thuế nợ còn tồn tại cơ quan thuế của người nộp thuế thuộc đối tượn54eg và đáp ứng đủ điều kiện được xóa theo quy định. Đối với các khoản lệ phí môn bài, tiền chậm nộp mà người nộp thuế đã thực tế nộp vào ngân sách nhà nước, nghĩa vụ tài chính tương ứng đã được hoàn thành, không còn là khoản tiền thuế nợ để xem xét xóa theo chính sách này. Theo khoản 1 và khoản 2 Điều 15 Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15, việc bù trừ hoặc hoàn trả khoản nộp thừa được thực hiện trên cơ sở số tiền đã nộp lớn hơn số tiền phải nộp. Đối với lệ phí môn bài, tiền chậm nộp đã nộp đúng nghĩa

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			vụ theo quy định pháp luật, nghĩa vụ tương ứng đã được hoàn thành. Việc ban hành chính sách xóa các khoản còn nợ không làm thay đổi căn cứ xác định nghĩa vụ đã hoàn thành và không làm phát sinh khoản nộp thừa đối với số tiền đã nộp Việc hoàn trả hoặc bù trừ các khoản đã nộp theo kiến nghị sẽ làm mở rộng phạm vi chính sách từ xử lý các khoản tiền thuế nợ sang hoàn trả các nghĩa vụ tài chính đã hoàn thành, không phù hợp với mục tiêu và nguyên tắc xây dựng chính sách xóa nợ. Để tránh cách hiểu khác, cơ quan soạn thảo đã chỉnh lý lại nội dung khoản 3 Điều 3 dự thảo Nghị quyết như sau: " *3. Việc xử lý xóa tiền thuế nợ theo Nghị quyết này chỉ áp dụng đối với số tiền thuộc phạm vi và đáp ứng đầy đủ điều kiện xóa nợ theo quy định tại Nghị quyết này mà người nộp thuế chưa nộp vào ngân sách nhà nước tại thời điểm cơ quan quản lý thuế thực hiện xử lý xóa nợ. Cơ quan quản lý thuế có trách nhiệm kịp thời xác định khoản tiền thuế nợ đáp ứng đầy đủ điều kiện xử lý xóa theo Nghị quyết này để không áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế đối với khoản tiền thuế nợ đủ điều kiện được xử lý xóa.*
Phạm vi áp dụng, xử phạt đã ban hành	Ông Nguyễn Văn Cường	Đề nghị doanh nghiệp trạng thái 03, 06 đang hoàn thiện thủ tục khôi phục/chấm dứt hiệu lực MST không bị loại khỏi chính sách chỉ vì đã có quyết định xử phạt hành chính trong quá trình này. Phân biệt khoản phạt đã nộp với chưa nộp; nghiên cứu miễn/giảm khoản chưa nộp thuộc phạm vi chính sách, điều chỉnh hoặc thu hồi quyết định nếu có căn cứ.	**Về ý kiến này, cơ quan soạn thảo xin giải trình như sau:** Theo dự thảo Nghị quyết, việc đã có quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong quá trình thực hiện thủ tục khôi phục hoặc chấm dứt hiệu lực mã số thuế không phải là căn cứ loại trừ người nộp thuế khỏi đối tượng được xem xét xử lý nợ. Việc áp dụng chính sách tại Nghị quyết này được xác định căn cứ đối tượng, tính chất khoản nợ và các điều kiện quy định tại Nghị quyết; trong đó vẫn phải tuân thủ các trường hợp loại trừ tại khoản 2 Điều 1 và khoản 2 Điều 2. Đối với tiền phạt vi phạm hành chính, dự thảo Nghị quyết không đề xuất cơ chế miễn, giảm riêng chỉ vì người nộp thuế đang thực hiện thủ tục khôi phục hoặc chấm dứt hiệu lực mã số thuế. Khoản tiền phạt đã nộp đúng quy định được xác định là nghĩa vụ đã hoàn thành; khoản chưa nộp và còn phải thi

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			hành tiếp tục được thực hiện theo pháp luật. Theo khoản 2 Điều 3 dự thảo Nghị quyết, tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính thuộc khoản nghĩa vụ (tiền thuế nợ gốc) phải nộp đủ để được xem xét xóa tiền chậm nộp theo Điều 5. Quy định này vừa tạo điều kiện xử lý nghĩa vụ tồn đọng, vừa bảo đảm trách nhiệm chấp hành quyết định xử phạt. Việc không quy định cơ chế miễn, giảm tiền phạt riêng tại Nghị quyết không làm hạn chế quyền được xem xét miễn, giảm theo pháp luật hiện hành. Trường hợp có căn cứ xác định quyết định xử phạt có sai sót hoặc được ban hành không đúng quy định thì cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện đính chính, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hoặc ban hành quyết định mới theo quy định pháp luật; việc thuộc đối tượng được xử lý nợ theo Nghị quyết không tự làm phát sinh căn cứ thay đổi quyết định xử phạt. Riêng tiền phạt chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế có hiệu lực trước ngày 01/7/2013 đã được dự thảo đưa vào phạm vi xử lý cùng tiền chậm nộp tại khoản 1 Điều 1, được xem xét xóa khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện của Nghị quyết.
Hồ sơ khai thuế, lệ phí môn bài	Bà Nguyễn Thị Thu Thủy	Đề nghị chỉ miễn nộp tờ khai và lệ phí môn bài trong trường hợp không phát sinh doanh thu đối với các kỳ sau ngày cơ quan thuế thông báo doanh nghiệp không hoạt động tại địa chỉ đăng ký; nghĩa vụ trước thời điểm này vẫn phải thực hiện.	**Về ý kiến này, cơ quan soạn thảo xin giải trình như sau:** Dự thảo Nghị quyết quy định chính sách đặc thù nhằm xử lý dứt điểm nghĩa vụ lệ phí môn bài còn tồn đọng của người nộp thuế thuộc đối tượng áp dụng, gắn với việc chấm dứt thu, nộp lệ phí môn bài từ ngày 01/01/2026. Theo đó, Điều 4 quy định xóa khoản nợ lệ phí môn bài phát sinh đến hết ngày 31/12/2025; đối với nghĩa vụ phát sinh trong thời gian này nhưng chưa khai, nộp và chưa được hạch toán trên Hệ thống thông tin quản lý thuế thì không phải khai, nộp lệ phí môn bài. Cách xử lý này bảo đảm thống nhất giữa nghĩa vụ đã được hạch toán và nghĩa vụ chưa được hạch toán, tránh phải thực hiện kê khai, hạch toán thêm chỉ để xử lý xóa nợ. Thời điểm cơ quan thuế thông báo người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký phản ánh thời điểm cơ quan

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			thuế xác minh, ghi nhận tình trạng quản lý, không nhất thiết trùng với thời điểm người nộp thuế thực tế ngừng hoạt động. Vì vậy, nếu chỉ xử lý nghĩa vụ của các kỳ sau ngày thông báo thì những trường hợp có cùng thời gian ngừng hoạt động thực tế có thể được xử lý khác nhau do thời điểm phát hiện, ban hành thông báo khác nhau; đồng thời chưa giải quyết được các nghĩa vụ tồn đọng trước ngày thông báo đang gây vướng mắc khi hoàn tất thủ tục về mã số thuế. Để bảo đảm chặt chẽ, điểm b khoản 2 Điều 2 dự thảo đã loại trừ người nộp thuế có phát sinh hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc nghĩa vụ thuế từ hoạt động sản xuất, kinh doanh trong thời gian ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế hoặc không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký. Như vậy, dự thảo kiểm soát đối tượng theo tình trạng hoạt động thực tế và nghĩa vụ phát sinh, thay vì chỉ dựa vào tiêu chí không phát sinh doanh thu sau ngày thông báo. Trên cơ sở đó, cơ quan soạn thảo đề nghị giữ phạm vi xử lý lệ phí môn bài theo Điều 4 dự thảo, không bổ sung giới hạn chỉ áp dụng đối với các kỳ sau ngày cơ quan thuế ban hành thông báo. Việc xử lý này chỉ áp dụng đối với lệ phí môn bài và các khoản thuộc phạm vi Nghị quyết; không miễn nghĩa vụ kê khai các loại thuế khác hoặc xóa các nghĩa vụ tài chính khác ngoài phạm vi được quy định.
Khoản đã khoanh nợ, xóa nợ	Bà Nguyễn Thị Thu Thủy	Đề nghị không giảm tiếp tiền chậm nộp đối với khoản đã khoanh nợ, xóa nợ; chỉ xem xét tiền chậm nộp phát sinh thêm nếu giải tỏa khoanh nợ.	**Cơ quan soạn thảo xin giải trình như sau:** Theo Điều 5 dự thảo Nghị quyết, việc xóa tiền chậm nộp gắn với điều kiện người nộp thuế nộp đủ tiền thuế nợ gốc phải nộp và nộp đầy đủ hồ sơ hợp lệ đề nghị khôi phục hoặc chấm dứt hiệu lực mã số thuế trong thời hạn quy định. Vì vậy, số tiền được xem xét xử lý là tiền chậm nộp còn nợ thuộc phạm vi Nghị quyết, không chỉ giới hạn ở phần phát sinh thêm sau khi chấm dứt khoanh nợ. Nếu chỉ xử lý phần phát sinh thêm thì phần tiền chậm nộp tồn đọng trước đó vẫn có thể tiếp tục gây vướng mắc cho việc hoàn tất thủ tục về mã số thuế, dù người nộp thuế đã đáp ứng các điều kiện của chính sách.

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			Riêng trường hợp đã được xóa tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp theo Nghị quyết số 94/2019/QH14, khoản 2 Điều 5 dự thảo quy định việc kế thừa kết quả xử lý khi người nộp thuế đáp ứng điều kiện của chính sách mới, không phải xóa thêm lần nữa đối với cùng khoản tiền. Trên cơ sở đó, cơ quan soạn thảo đề nghị giữ phạm vi xử lý theo dự thảo; đồng thời, khi tổ chức thực hiện phải đối chiếu đầy đủ dữ liệu khoanh nợ, xóa nợ và nghĩa vụ còn phải nộp, bảo đảm xử lý đúng khoản, đúng số tiền, không trùng lặp và không mở rộng sang các khoản ngoài phạm vi Nghị quyết.
Thời điểm áp dụng miễn lệ phí môn bài	Bà Nguyễn Thị Thu Thủy	Đề nghị làm rõ năm bắt đầu áp dụng miễn khai, miễn lệ phí môn bài.	**Cơ quan soạn thảo xin giải trình như sau:** Tại khoản 3 Điều 4 dự thảo Nghị quyết đã được chỉnh lý như sau: "*3. Người nộp thuế quy định tại Điều 2 Nghị quyết này có nghĩa vụ khai, nộp lệ phí môn bài phát sinh đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025 nhưng chưa thực hiện khai, nộp và chưa được hạch toán trên Hệ thống thông tin quản lý thuế thì không phải khai, nộp lệ phí môn bài và không bị tính tiền chậm nộp đối với nghĩa vụ này*". Quy định này nhằm xử lý nghĩa vụ lệ phí môn bài của các năm trước còn tồn đọng, chưa thực hiện khai, nộp và chưa được hạch toán trên Hệ thống thông tin quản lý thuế đối với người nộp thuế thuộc đối tượng áp dụng; không phải quy định miễn khai, miễn nộp bắt đầu từ một năm mới. Theo phạm vi tại khoản 1 Điều 1, nghĩa vụ được xem xét xử lý bao gồm cả thuế môn bài theo pháp luật có hiệu lực trước ngày 01/01/2017 và lệ phí môn bài phát sinh đến hết ngày 31/12/2025. Do đó, dự thảo không giới hạn một năm bắt đầu áp dụng chung; đối với từng người nộp thuế, phạm vi xử lý được xác định từ năm thực tế phát sinh nghĩa vụ thuế môn bài, lệ phí môn bài còn tồn đọng đến hết năm 2025, bảo đảm đúng đối tượng và các trường hợp loại trừ của Nghị quyết.
	Công ty TNHH Phát triển năng	Lệ phí môn bài là khoản thu gắn liền với quản lý, cấp phép hoặc xác nhận điều kiện hoạt động kinh doanh ban đầu/thường niên của tổ chức, hộ cá nhân kinh doanh.	**Cơ quan soạn thảo xin giải trình như sau:** Theo điểm b khoản 1 Điều 38 Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15, phí, lệ phí thuộc các khoản thu khác do cơ

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	lượng xanh Phú Quốc	Hiện nay các Thuế cơ sở đang cho khoản lệ phí môn bài là khoản nợ thuế của NNT dẫn tới khó khăn trong việc kê khai và nộp thuế.	quan quản lý thuế quản lý thu. Khoản 4 Điều 4 của Luật quy định tiền thuế nợ bao gồm tiền thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt do cơ quan quản lý thuế quản lý thu mà người nộp thuế chưa nộp ngân sách nhà nước khi hết thời hạn nộp. Vì vậy, khoản lệ phí môn bài phát sinh đúng quy định nhưng quá hạn chưa nộp được theo dõi trong tiền thuế nợ là phù hợp với pháp luật. Đối với ý kiến phản ánh việc theo dõi nợ lệ phí môn bài gây khó khăn trong kê khai, nộp thuế, cần làm rõ cụ thể vướng mắc về thủ tục, trạng thái mã số thuế, biện pháp quản lý đang áp dụng hoặc việc xử lý trên hệ thống. Việc có khoản nợ lệ phí môn bài không đồng nghĩa người nộp thuế đương nhiên bị hạn chế thực hiện mọi thủ tục kê khai, nộp thuế; từng trường hợp phải được giải quyết theo đúng căn cứ, điều kiện và thẩm quyền quy định. Nhằm tháo gỡ các nghĩa vụ tồn đọng của người nộp thuế thuộc đối tượng áp dụng, Điều 4 dự thảo Nghị quyết đã quy định xử lý xóa nợ lệ phí môn bài và tiền chậm nộp có liên quan; đồng thời không yêu cầu khai, nộp đối với nghĩa vụ thuộc phạm vi xử lý nhưng chưa được hạch toán trên Hệ thống thông tin quản lý thuế. Đây là cơ sở để giải quyết dứt điểm khoản tồn đọng, cập nhật nghĩa vụ trên hệ thống và tạo điều kiện hoàn tất thủ tục khôi phục hoặc chấm dứt hiệu lực mã số thuế.
Khôi phục MST	Công ty TNHH Phát triển năng lượng xanh Phú Quốc	NNT đã được giải quyết theo Nghị quyết nhưng có nhu cầu tiếp tục hoạt động kinh doanh được quyền đề nghị cơ quan thuế khôi phục MST. Thời hạn đề nghị khôi phục không quá 30 ngày kể từ ngày được xóa nợ thuế hoặc lệ phí môn bài.	**Về ý kiến này, cơ quan soạn thảo xin giải trình như sau:** Việc khôi phục mã số thuế được thực hiện theo điều kiện, hồ sơ, trình tự và thời hạn quy định tại pháp luật về quản lý thuế. Việc được xử lý nợ theo Nghị quyết không thay thế các điều kiện khôi phục mã số thuế, đồng thời không phải là căn cứ để đặt thêm thời hạn hạn chế quyền đề nghị khôi phục của người nộp thuế. Theo Điều 5 dự thảo Nghị quyết, việc nộp đầy đủ hồ sơ hợp lệ đề nghị khôi phục hoặc chấm dứt hiệu lực mã số thuế là một trong các điều kiện để được xem xét xóa tiền chậm nộp. Vì vậy, quy định người nộp thuế đề nghị khôi phục mã số thuế

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được xóa nợ chưa phù hợp với trình tự xử lý này. Khoản 3 Điều 6 dự thảo đã quy định việc khôi phục mã số thuế thực hiện theo pháp luật về quản lý thuế. Do đó, cơ quan soạn thảo đề nghị không bổ sung thời hạn 30 ngày nêu trên, bảo đảm thống nhất thủ tục và không phát sinh yêu cầu riêng đối với người nộp thuế được xử lý nợ theo Nghị quyết.
Các ý kiến đóng góp cụ thể vào Dự thảo Nghị quyết			
Về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và trường hợp loại trừ (Điều 1, Điều 2)	Đại biểu Quốc hội TP Hà Nội	(1) - Có ý kiến đề nghị quy định rõ thời điểm chốt dữ liệu trạng thái 03, 06 trên Hệ thống thông tin quản lý thuế, cách xử lý trường hợp trạng thái thay đổi trong quá trình giải quyết; liệt kê cụ thể các nhóm đối tượng tại khoản 2 Điều 2, trong đó có đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức khoa học và công nghệ, đơn vị trực thuộc cơ sở giáo dục đại học chấm dứt hoạt động do sắp xếp bộ máy (gắn với trách nhiệm kế thừa nghĩa vụ, không chỉ căn cứ loại hình tổ chức). (2) Có ý kiến đề nghị sửa khoản 2 Điều 2 để không bỏ sót trường hợp đã bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoặc thực tế ngừng hoạt động từ trước nhưng do dữ liệu chưa đồng bộ nên được cập nhật trạng thái sau ngày Nghị quyết có hiệu lực như sau: "2. Người nộp thuế được cơ quan thuế xác định ở trạng thái ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế (trạng thái 03) hoặc không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký với cơ quan thuế (trạng thái 06) tính đến ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, bao gồm cả trường hợp người nộp thuế đã bị cơ quan có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc văn bản tương đương hoặc đã 3 thực tế ngừng hoạt động từ trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành và được cơ quan thuế xác minh, cập nhật sang trạng thái 03, trạng	**(1) Về ý kiến 1, Cơ quan chủ trì soạn thảo xin giải trình như sau:** – Về thời điểm xác định trạng thái và xử lý thay đổi trong quá trình giải quyết: Khoản 1 Điều 2 dự thảo đã xác định ngày 21/11/2026 là mốc xác định người nộp thuế thuộc trạng thái 03, 06. Cơ quan thuế phải lưu giữ dữ liệu tại mốc này và lịch sử thay đổi để đối chiếu; không lấy trạng thái tại ngày xử lý hồ sơ thay thế mốc xác định đối tượng. Việc người nộp thuế chuyển trạng thái do thực hiện thủ tục khôi phục hoặc chấm dứt hiệu lực mã số thuế sau mốc trên không tự làm mất quyền được xem xét chính sách. Tuy nhiên, nếu kết quả xác minh cho thấy trạng thái ghi nhận không đúng thực tế hoặc thuộc trường hợp loại trừ thì phải xác định lại điều kiện áp dụng. Trường hợp đã xử lý xóa nhưng sau đó phát hiện không đáp ứng điều kiện thì thực hiện khoản 4 Điều 6. – Về các tổ chức, đơn vị chấm dứt hoạt động do sắp xếp bộ máy: Điều 2 xác định đối tượng theo tình trạng đăng ký, thực tế hoạt động và điều kiện áp dụng, không chỉ theo loại hình tổ chức. Vì vậy, không cần liệt kê riêng mọi loại hình như đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức khoa học và công nghệ hoặc đơn vị thuộc cơ sở giáo dục đại học. cơ quan thuế phải căn cứ quyết định sắp xếp, hồ sơ bàn giao và quy định liên quan để xác định chủ thể tiếp tục thực hiện nghĩa vụ. Việc chấm dứt hoạt động của đơn vị cũ không đương nhiên làm chấm dứt nghĩa vụ hoặc tạo căn cứ xóa nợ khi nghĩa vụ đã được chuyển giao cho chủ thể kế thừa.

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		thái 06 trong thời gian thực hiện Nghị quyết này." (3) Có ý kiến về khoản 4 Điều 1, đề nghị: + Việc loại trừ tại điểm a khoản 4 Điều 1 phải căn cứ kết luận, quyết định bằng văn bản hoặc bản án của cơ quan có thẩm quyền; vụ việc đang thanh tra, điều tra thì tạm dừng giải quyết, nếu kết luận không vi phạm thì người nộp thuế được tiếp tục hưởng chính sách. + Sửa khoản 4 Điều 1 theo hướng chỉ loại trừ khoản tiền chậm nộp của kỳ có phát sinh hoạt động kinh doanh mà người nộp thuế không tự giác kê khai, nộp đủ (thay vì loại trừ toàn bộ người nộp thuế), để thống nhất với khoản 3 Điều 2 dự thảo Nghị quyết của Chính phủ như sau: "4. Nghị quyết này không áp dụng đối với: a) Khoản tiền thuế nợ phát sinh từ hành vi trốn thuế, gian lận thuế, sử dụng hóa đơn, chứng từ không hợp pháp đã có kết luận, quyết định xử lý hoặc bản án của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; khoản tiền thuế nợ liên quan đến vụ việc đang được thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử (trừ trường hợp sau khi có kết luận thanh tra, kiểm tra hoặc quyết định giải quyết của cơ quan có thẩm quyền xác định người nộp thuế không có hành vi trốn thuế, gian lận thuế, sử dụng hóa đơn, chứng từ không hợp pháp); b) Khoản tiền chậm nộp phát sinh từ nghĩa vụ thuế của kỳ tính thuế mà người nộp thuế có phát sinh hoạt động sản xuất, kinh doanh trong thời gian không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký hoặc ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế mà người nộp thuế không tự giác kê khai và nộp đủ số tiền thuế gốc phát sinh của kỳ tính thuế đó, trừ việc xử lý lệ phí môn bài và tiền chậm nộp lệ phí môn bài quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này."	Đối với đơn vị phụ thuộc, việc áp dụng điểm a khoản 2 Điều 2 phải căn cứ quan hệ pháp lý và tình trạng của tổ chức chủ quản, không tự mở rộng khái niệm chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh sang mọi đơn vị trực thuộc. Cơ quan quản lý thuế sẽ phải rà soát xác định đúng chủ thể, tránh bỏ sót hoặc xóa nghĩa vụ thuộc trách nhiệm kế thừa. **(2) Đối với ý kiến 2, Cơ quan chủ trì soạn thảo xin giải trình như sau:** Dự thảo Nghị quyết đã quy định tại khoản 1 Điều 2 mốc xác định người nộp thuế ở trạng thái 03, 06 là ngày 21/11/2026, nhằm thống nhất đối tượng áp dụng và hạn chế việc chuyển trạng thái trong thời gian thực hiện để hưởng chính sách. Cơ quan chủ trì soạn thảo ghi nhận trường hợp dữ liệu cập nhật chậm, chưa phản ánh đúng tình trạng pháp lý trước mốc này. Tuy nhiên, cần phân biệt điều chỉnh sai lệch dữ liệu có căn cứ với bổ sung đối tượng mới được xác định ở trạng thái 03, 06 sau thời điểm chốt. Trường hợp có quyết định thu hồi giấy chứng nhận hoặc tài liệu của cơ quan có thẩm quyền trước ngày 21/11/2026 phải được rà soát cùng hồ sơ quản lý thuế để xác định nguyên nhân, thời điểm và căn cứ điều chỉnh; không chỉ căn cứ ngày cập nhật trên hệ thống để kết luận. Đối với đề xuất bao gồm mọi trường hợp "thực tế ngừng hoạt động" trước ngày Nghị quyết có hiệu lực nhưng được xác minh trong thời gian thực hiện, phạm vi này rộng, khó kiểm chứng đối với các thời kỳ đã qua và có thể làm thay đổi số lượng đối tượng, tác động ngân sách so với phương án đã đánh giá. Do đó, đề nghị chưa bổ sung theo toàn bộ nội dung kiến nghị. Tiếp thu yêu cầu rà soát, xử lý sai lệch dữ liệu để tránh bỏ sót trường hợp có đầy đủ căn cứ thuộc phạm vi của Nghị quyết. **(3) Đối với ý kiến 3, Cơ quan chủ trì soạn thảo xin giải trình như sau:** – Về căn cứ loại trừ và trường hợp đang được xác minh, xử lý: Tiếp thu yêu cầu xác định rõ căn cứ, việc loại trừ phải dựa trên hồ sơ, kết luận, quyết định, bản án hoặc văn bản của cơ quan

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			có thẩm quyền, xác định cụ thể khoản nợ liên quan; không chỉ căn cứ thông tin nghi vấn để loại trừ toàn bộ nghĩa vụ của người nộp thuế. Đối với vụ việc đang được thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử, chưa xử lý xóa khoản nợ thuộc nội dung đang được xem xét; các khoản khác đáp ứng đầy đủ điều kiện được giải quyết theo Nghị quyết. Khi có đủ căn cứ xác định khoản nợ không thuộc trường hợp loại trừ thì tiếp tục xem xét, không yêu cầu kết luận phải xác định người nộp thuế hoàn toàn không có vi phạm khác. Khoản 2 Điều 6 dự thảo Nghị quyết đã bổ sung cơ chế tiếp tục giải quyết sau ngày 30/6/2028 đối với trường hợp có hồ sơ hợp lệ được tiếp nhận và đã nộp đủ nợ gốc chậm nhất ngày này nhưng còn chờ kết luận của cơ quan có thẩm quyền. Quy định bảo đảm người đủ điều kiện không mất quyền được xem xét do thời gian giải quyết vụ việc kéo dài. **– Về đề nghị chỉ loại trừ tiền chậm nộp của kỳ có hoạt động nhưng không tự giác kê khai, nộp thuế:** Đề nghị không tiếp thu nội dung này. Điểm b khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị quyết xác định đối tượng theo thực tế hoạt động, không chỉ theo mức độ tự giác kê khai, nộp thuế. Người vẫn kinh doanh trong thời gian ở trạng thái 03, 06 không thuộc nhóm thực tế đã ngừng hoạt động mà chính sách tập trung xử lý, trừ trường hợp thanh lý tài sản, hàng hóa tồn kho. Nếu chỉ loại trừ phần tiền chậm nộp chưa tự giác kê khai, nộp đủ thì người thực tế vẫn kinh doanh nhưng chưa cập nhật đúng trạng thái có thể được hưởng chính sách, trong khi người đang hoạt động, đăng ký đúng trạng thái không được áp dụng, chưa bảo đảm công bằng. Quy định tại Nghị quyết của Chính phủ về việc phải nộp hồ sơ khai thuế khi có phát sinh nghĩa vụ nhằm xác định trách nhiệm kê khai, không đồng nghĩa người nộp thuế đương nhiên thuộc đối tượng được xóa tiền chậm nộp. Hai chính sách có mục tiêu, điều kiện khác nhau nên không mâu thuẫn. Do đó, đề nghị giữ tiêu chí loại trừ tại Điều 2 và cơ chế bảo lưu việc xem

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			xét tại khoản 2 Điều 6 như dự thảo.
Điều 1, Điều 2 về phạm vi, đối tượng áp dụng	Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Hưng Yên	Đề nghị quy định rõ tiêu chí, căn cứ và trình tự xác định các trường hợp bị loại trừ để bảo đảm áp dụng thống nhất giữa cơ quan thuế các địa phương.	**Cơ quan soạn thảo xin báo cáo như sau:** Dự thảo Nghị quyết sau chỉnh lý trên cơ sở tiếp thu ý kiến đã quy định các trường hợp loại trừ tại khoản 2 Điều 1 và khoản 2 Điều 2. Việc xác định phải căn cứ hồ sơ, dữ liệu và thông tin có thẩm quyền, không chỉ dựa vào trạng thái mã số thuế hoặc nhận định chủ quan của cơ quan thuế. Tiếp thu ý kiến của đoàn đại biểu, trong trình tự xử lý do Chính phủ quy định theo khoản 3 Điều 6, sẽ làm rõ căn cứ đối chiếu, trách nhiệm xác minh, phối hợp cung cấp thông tin và thông báo kết quả. Trong đó, khoản nợ liên quan đến hành vi vi phạm hoặc vụ việc đang được xử lý phải được xác định cụ thể theo nội dung, kỳ tính thuế và phạm vi nghĩa vụ; tình trạng hoạt động của người nộp thuế, đơn vị chủ quản được đối chiếu với dữ liệu đăng ký, khai thuế, hóa đơn và thông tin liên quan. Không đồng nhất việc khai bổ sung nghĩa vụ của kỳ trước với hoạt động kinh doanh trong thời gian ngừng hoạt động. Việc cụ thể hóa nhằm thống nhất cách xác định và tổ chức thực hiện giữa các địa phương, không bổ sung đối tượng loại trừ, điều kiện hoặc hồ sơ đối với người nộp thuế ngoài quy định của Nghị quyết.
Khoản 1 Điều 1: *Điều 1. Phạm vi điều chỉnh* *Nghị quyết này quy định việc xử lý tiền thuế nợ gồm:* *1. Xóa nợ lệ phí môn bài và tiền chậm nộp của khoản nợ lệ phí môn bài.*	Bộ Công an	Đề nghị bổ sung cụm từ "miễn kê khai, nộp" vào trước cụm từ "lệ phí môn bài" tại khoản 1 Điều 1 (phạm vi điều chỉnh) để thống nhất với khoản 2 Điều 7 (điều khoản thi hành).	**Cơ quan soạn thảo xin báo cáo như sau:** Nội dung không phải khai, nộp lệ phí môn bài tại khoản 2 Điều 7 của bản lấy ý kiến đã được chuyển vào khoản 3 Điều 4 dự thảo hoàn thiện, gắn với việc xử lý nghĩa vụ phát sinh đến hết ngày 31/12/2025 nhưng chưa khai, nộp và chưa được hạch toán trên Hệ thống thông tin quản lý thuế. Không bổ sung cụm từ "miễn kê khai, nộp" ngay trước "lệ phí môn bài" tại khoản 1 Điều 1 vì sẽ làm câu "xử lý xóa nợ lệ phí môn bài" không rõ nghĩa và có thể dẫn đến cách hiểu miễn khai, nộp cho toàn bộ đối tượng, không giới hạn theo khoản 3 Điều 4. Quy định này là cách xử lý nghĩa vụ tồn đọng chưa

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			được hạch toán, tránh yêu cầu kê khai, xác lập thêm nghĩa vụ chỉ để xóa nợ, không phải chính sách miễn khai, nộp chung. Do đó, cơ quan soạn thảo đề nghị giữ cách quy định tại khoản 3 Điều 4 để xác định đầy đủ đối tượng, phạm vi và điều kiện áp dụng.
Khoản 3 Điều 1: *3. Xóa tiền chậm nộp của người nộp thuế ở trạng thái ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế (trạng thái 03) hoặc không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký (trạng thái 06) tính đến thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.*	Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Cao Bằng	Cụm từ "tính đến thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thi hành" tại khoản 3 Điều 1 có thể được hiểu là thời điểm xác định người nộp thuế ở trạng thái 03, 06, hoặc là thời điểm chốt số tiền chậm nộp được xóa. Trong khi đó, điểm a khoản 1 Điều 5 xác định số tiền chậm nộp được xóa là số phát sinh đến ngày người nộp thuế nộp đủ tiền thuế nợ gốc. Đề nghị sửa khoản 3 Điều 1 theo hướng tách bạch hai nội dung: (i) thời điểm xác định người nộp thuế thuộc trạng thái 03, 06; (ii) phạm vi số tiền chậm nộp được xóa, thống nhất với khoản 1 Điều 5. Đồng thời, đề nghị giải trình cơ sở lựa chọn thời điểm xác định đối tượng và biện pháp phòng ngừa việc chuyển trạng thái nhằm hưởng chính sách.	**Cơ quan soạn thảo đã rà soát và chỉnh lý tại khoản 1 Điều 1 như sau:** *1. Nghị quyết này quy định chính sách đặc thù về việc xử lý xóa nợ lệ phí môn bài, bao gồm cả thuế môn bài theo quy định của pháp luật có hiệu lực trước ngày 01/1/2017 và tiền chậm nộp, bao gồm cả tiền phạt chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế có hiệu lực trước ngày 01/7/2013 (sau đây gọi là tiền thuế nợ) của người nộp thuế được cơ quan thuế xác định ở trạng thái ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế hoặc không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký tính đến ngày 21 tháng 11 năm 2026.*
Khoản 3 Điều 1: *3. Xóa tiền chậm nộp của người nộp thuế ở trạng thái ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế (trạng thái 03) hoặc không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký (trạng thái 06) tính đến thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.*	Thuế tỉnh Hưng Yên	Khoản 3 Điều 1 Dự thảo Nghị quyết của Quốc hội quy định: "...3. Xóa tiền chậm nộp của người nộp thuế ở trạng thái ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế (trạng thái 03) hoặc không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký (trạng thái 06) tính đến thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thi hành". Trước thời điểm cơ quan thuế rà soát và chính thức ban hành Thông báo trạng thái 03, 06, sẽ có khoảng thời gian trống NNT thực tế bỏ địa điểm kinh doanh, ngừng hoạt động và không nộp hồ sơ kê khai. Công chức thực thi tại Thuế cơ sở sẽ lúng túng trong việc xác định: sẽ xóa toàn bộ tiền chậm nộp (bao gồm cả tiền chậm nộp phát sinh khi NNT còn đang hoạt động bình thường ở trạng thái 00, kéo dài đến nay), hay chỉ xóa phần tiền	**Cơ quan soạn thảo xin báo cáo như sau:** Tại khoản 1 Điều 1 và khoản 1 Điều 2 dự thảo Nghị quyết sau chỉnh lý đã xác định ngày 21/11/2026 là mốc xác định người nộp thuế thuộc trạng thái 03, 06 để áp dụng chính sách; không phải mốc bắt đầu tính tiền chậm nộp được xóa. Phạm vi số tiền được xử lý được quy định riêng tại Điều 5. Theo điểm a khoản 1 Điều 5, tiền chậm nộp được xem xét xóa là số phát sinh đến ngày người nộp thuế nộp đủ nợ gốc phải nộp, chậm nhất ngày 30/6/2028. Vì vậy, không chỉ giới hạn ở phần phát sinh trong thời gian người nộp thuế được ghi nhận trạng thái 03, 06; bao gồm cả phần phát sinh trước thời điểm chuyển trạng thái, kể cả khi còn ở trạng thái đang hoạt động, nếu thuộc phạm vi và đáp ứng đầy đủ điều kiện của Nghị quyết. Trường hợp không còn nợ gốc đến ngày

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		chậm nộp phát sinh trong khoảng thời gian NNT bị cơ quan thuế khóa trạng thái 03, 06? Đề nghị ban soạn thảo cần sửa đổi khoản 3 Điều 1 cho cụ thể để đảm bảo áp dụng thống nhất, tránh gây ra vướng mắc trong quá trình thực hiện.	21/11/2026 nhưng còn tiền chậm nộp được xem xét theo điểm b khoản 1 Điều 5. Cách quy định này nhằm xử lý khoản tiền chậm nộp tồn đọng đang cản trở việc hoàn thành nghĩa vụ và thủ tục về mã số thuế, đồng thời tránh để phạm vi được xử lý phụ thuộc vào thời điểm cơ quan thuế phát hiện, cập nhật trạng thái. Do đó, không phải tách tiền chậm nộp theo từng giai đoạn trước và sau khi chuyển sang trạng thái 03, 06. Việc xử lý không đồng nghĩa xóa toàn bộ tiền chậm nộp của mọi người nộp thuế thuộc hai trạng thái này. Cơ quan quản lý thuế phải đối chiếu từng khoản nghĩa vụ, loại trừ khoản nợ theo khoản 2 Điều 1, kiểm tra đối tượng theo Điều 2 và điều kiện tại Điều 3, Điều 5. Người nộp thuế thực tế vẫn kinh doanh trong thời gian được xác định ở trạng thái 03, 06 không thuộc đối tượng áp dụng theo điểm b khoản 2 Điều 2. Tiếp thu ý kiến, nội dung phân biệt giữa mốc xác định đối tượng và phạm vi tiền chậm nộp được xóa sẽ được làm rõ trong thuyết minh và trình tự tổ chức thực hiện, bảo đảm áp dụng thống nhất.
Khoản 4 Điều 1: *4. Nghị quyết này không áp dụng đối với:* *a) Khoản tiền thuế nợ liên quan đến hành vi trốn thuế, gian lận thuế, sử dụng hóa đơn, chứng từ không hợp pháp; khoản tiền thuế nợ liên quan đến vụ việc đang được thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử.* *b) Người nộp thuế có phát sinh hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc nghĩa vụ thuế từ hoạt động sản*	Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Cao Bằng	Đề nghị làm rõ: - Tại điểm b: phân biệt trường hợp người nộp thuế thực tế phát sinh hoạt động sản xuất, kinh doanh trong thời gian ngừng hoạt động hoặc không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký với trường hợp khai bổ sung nghĩa vụ thuế của kỳ tính thuế trước thời gian đó. - Tại điểm a: căn cứ xác định khoản tiền thuế nợ "liên quan đến" hành vi trốn thuế, gian lận thuế, sử dụng hóa đơn, chứng từ không hợp pháp hoặc vụ việc đang được thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử; phạm vi khoản nợ được coi là liên quan và thời điểm xác định vụ việc "đang" được xử lý. - Cơ chế xử lý khi có kết luận khoản nợ không thuộc trường hợp loại trừ, kể cả trường hợp kết luận được ban hành sau ngày 30/6/2028.	**Cơ quan soạn thảo xin giải trình, tiếp thu như sau:** **Thứ nhất, về phân biệt hoạt động kinh doanh trong thời gian ngừng hoạt động với khai bổ sung nghĩa vụ của kỳ trước** Quy định loại loại trừ tại điểm b khoản 4 Điều 1 là áp dụng đối với người nộp thuế thực tế có hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc phát sinh nghĩa vụ thuế từ hoạt động trong thời gian được xác định ngừng hoạt động hoặc không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký. Trường hợp người nộp thuế khai bổ sung hoặc cơ quan có thẩm quyền xác định lại nghĩa vụ của kỳ tính thuế trước thời gian này thì không chỉ căn cứ ngày nộp hồ sơ hoặc ngày xác định nghĩa vụ để kết luận người nộp thuế có hoạt động trong thời gian ngừng hoạt động. Cơ quan thuế phải đối chiếu kỳ tính thuế, thời điểm giao dịch, hoạt động thực tế và căn cứ phát sinh nghĩa vụ. Khoản nghĩa vụ bổ sung vẫn phải được xử lý

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
xuất, kinh doanh trong thời gian không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký hoặc ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế, trừ việc xử lý lệ phí môn			theo quy định và tính vào tiền thuế nợ gốc phải nộp nếu thuộc phạm vi xác định điều kiện tại Điều 5. Tiếp thu ý kiến, cơ quan soạn thảo sẽ làm rõ nội dung này để tránh loại trừ người nộp thuế chỉ vì thực hiện khai bổ sung, hoàn thiện nghĩa vụ của kỳ trước tại khoản 2 Điều 6 như sau: *Trường hợp người nộp thuế đã đáp ứng đầy đủ điều kiện về hồ sơ và nộp đủ tiền thuế nợ gốc phải nộp chậm nhất ngày 30 tháng 6 năm 2028 nhưng chưa được xử lý xóa tiền chậm nộp do phải chờ kết luận, quyết định hoặc văn bản của cơ quan có thẩm quyền để xác định khoản nợ có thuộc trường hợp loại trừ quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này hay không thì cơ quan quản lý thuế tiếp tục xem xét, giải quyết sau ngày 30 tháng 6 năm 2028 khi có đủ căn cứ xác định khoản nợ không thuộc trường hợp loại trừ.* **Thứ hai, về căn cứ và phạm vi khoản nợ "liên quan đến" hành vi vi phạm hoặc vụ việc đang được xử lý** Việc loại trừ NNT thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 phải có căn cứ từ hồ sơ, quyết định, kết luận hoặc văn bản của cơ quan có thẩm quyền xác định hành vi, nội dung và phạm vi vụ việc; không chỉ dựa trên nghi ngờ hoặc việc người nộp thuế có tên trong một vụ việc. Cơ quan quản lý thuế phải xác định cụ thể khoản nợ theo loại nghĩa vụ, kỳ tính thuế, giao dịch và số tiền thuộc nội dung đang được xác minh, xử lý hoặc gắn với hành vi vi phạm. Tiền chậm nộp tính trên khoản nghĩa vụ đó được xác định tương ứng. Không mặc nhiên loại trừ toàn bộ các khoản nợ khác của cùng người nộp thuế nếu có đủ căn cứ tách biệt và các khoản này đáp ứng điều kiện của Nghị quyết. Tình trạng vụ việc "đang" được thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử được kiểm tra tại thời điểm xem xét, quyết định xóa nợ, căn cứ văn bản tố tụng, quyết định thanh tra và thông tin chính thức của cơ quan có thẩm quyền về tình trạng xử lý. Trường hợp chưa xác định được phần nghĩa vụ liên quan, cơ quan quản lý thuế phối hợp làm rõ trước khi quyết định, không tự suy đoán phạm vi được xóa.

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			Thứ ba, về xử lý khi có kết luận khoản nợ không thuộc trường hợp loại trừ Khi đã xác định được khoản nợ không thuộc trường hợp loại trừ, cơ quan quản lý thuế tiếp tục xem xét theo đầy đủ điều kiện của Nghị quyết; việc vụ việc kết thúc thanh tra, điều tra không đồng nghĩa khoản nợ đương nhiên được xóa. Đối với trường hợp kết luận được ban hành sau ngày 30/6/2028, cơ quan soạn thảo tiếp thu để bổ sung quy định chuyển tiếp tại Điều 6. Theo đó, người nộp thuế đã nộp hồ sơ hợp lệ và hoàn thành điều kiện về nợ gốc đúng hạn, nhưng khoản tiền chậm nộp chưa thể được xử lý do phải chờ kết quả của cơ quan có thẩm quyền, được tiếp tục xem xét sau thời điểm này nếu kết quả xác định khoản nợ không thuộc trường hợp loại trừ. Cơ quan thuế phải ghi nhận hồ sơ, điều kiện đã hoàn thành và lý do chưa giải quyết để làm căn cứ tiếp tục xử lý. Quy định chuyển tiếp không gia hạn thời gian nộp hồ sơ, thanh toán nợ gốc hoặc mở rộng đối tượng; chỉ bảo đảm quyền được xem xét của người nộp thuế đã đáp ứng điều kiện đúng hạn.
Khoản 4 Điều 1: *4. Nghị quyết này không áp dụng đối với:* *a) Khoản tiền thuế nợ liên quan đến hành vi trốn thuế, gian lận thuế, sử dụng hóa đơn, chứng từ không hợp pháp; khoản tiền thuế nợ liên quan đến vụ việc đang được thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử.* *b) Người nộp thuế có phát sinh hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc nghĩa vụ*	Đoàn đại biểu Quốc hội TP Bắc Ninh	Tại điểm a khoản 4 Điều 1 dự thảo Nghị quyết quy định không áp dụng đối với *"khoản tiền thuế nợ liên quan đến vụ việc đang được thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử"*. Về cơ bản, Đoàn ĐBQH thành phố nhất trí với mục tiêu ngăn ngừa việc lợi dụng chính sách xóa nợ để trốn thuế, gian lận thuế. Tuy nhiên, việc khoản nợ đang được thanh tra, điều tra hoặc xem xét theo thủ tục tố tụng chưa đủ để khẳng định khoản nợ đó phát sinh từ hành vi vi phạm thuộc trường hợp không được hưởng chính sách. Kết quả giải quyết có thể xác định không có vi phạm hoặc chỉ có vi phạm đối với một phần nghĩa vụ. Do đó, cần phân biệt khoản nợ đã có căn cứ xác định thuộc trường hợp loại trừ với khoản nợ đang được xác minh, chưa có kết luận để có cách xử lý phù hợp. Mặt khác, cụm từ *"liên quan đến vụ việc"* có phạm vi	**Cơ quan soạn thảo xin báo cáo như sau:** Tại dự thảo Nghị quyết sau khi chỉnh lý tiếp thu ý kiến đã quy định nội dung loại trừ tại khoản 2 Điều 1; cơ chế tiếp tục giải quyết sau thời hạn áp dụng chính sách được bổ sung tại khoản 2 Điều 6. Thứ nhất, về phạm vi khoản nợ bị loại trừ: Khoản 2 Điều 1 quy định theo khoản tiền thuế nợ có liên quan, không loại trừ toàn bộ nghĩa vụ của người nộp thuế chỉ vì người đó đang có vụ việc được thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử. Cơ quan quản lý thuế phải căn cứ hồ sơ, quyết định hoặc văn bản của cơ quan có thẩm quyền để xác định cụ thể khoản nợ, kỳ tính thuế và nghĩa vụ thuộc nội dung đang được xem xét. Các khoản khác có đủ căn cứ tách biệt và đáp ứng đầy đủ điều kiện của Nghị quyết vẫn được xem xét xử lý. Thứ hai, về khoản đang được xác minh: Việc chưa xử lý

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
thuế từ hoạt động sản xuất, kinh doanh trong thời gian không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký hoặc ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế, trừ việc xử lý lệ phí môn		rộng, chưa xác định rõ căn cứ và mức độ liên quan, có thể dẫn đến việc loại trừ toàn bộ các khoản nợ của NNT, mặc dù chỉ một số khoản thuộc nội dung đang được xem xét. Trong khi đó, khoản 1 Điều 7 dự thảo giới hạn thời gian áp dụng chính sách đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2028. Nếu kết quả xác minh được ban hành sau thời điểm này, NNT có thể mất cơ hội được hưởng chính sách dù đã hoàn thành các điều kiện thuộc trách nhiệm của mình. Điều này có thể dẫn đến sự khác biệt về quyền lợi giữa những trường hợp có cùng điều kiện thực chất nhưng được giải quyết vào các thời điểm khác nhau, chưa bảo đảm nguyên tắc bình đẳng tại Điều 16 Hiến pháp. Vì vậy, đề nghị chỉnh lý điểm a khoản 4 Điều 1 theo hướng chỉ tạm dừng xem xét xóa nợ đối với khoản có liên quan trực tiếp đến nội dung đang được xác minh; tiếp tục giải quyết các khoản khác đáp ứng đầy đủ điều kiện. Cơ quan thuế phải thông báo rõ căn cứ, khoản nợ và phạm vi tạm dừng để NNT biết, thực hiện quyền giải trình, khiếu nại theo pháp luật. Đồng thời, đề nghị bổ sung tại khoản 3 Điều 7 cơ chế bảo lưu quyền được xem xét đối với người đã hoàn thành các điều kiện thuộc trách nhiệm của mình trong thời hạn áp dụng Nghị quyết nhưng còn chờ kết quả xác minh. Khi có kết quả của cơ quan có thẩm quyền, khoản nợ không thuộc trường hợp loại trừ được tiếp tục xem xét theo Nghị quyết, kể cả khi thời hạn áp dụng chính sách đã kết thúc; khoản nợ được xác định thuộc trường hợp loại trừ thì không được xóa. Quy định như vậy vừa kiểm soát nguy cơ trục lợi, vừa bảo đảm người đủ điều kiện không chịu bất lợi do thời gian giải quyết của cơ quan nhà nước kéo dài.	xóa nợ trong thời gian chờ kết quả không đồng nghĩa đã kết luận khoản nợ phát sinh từ hành vi vi phạm. Cơ quan quản lý thuế phải làm rõ căn cứ, phạm vi khoản chưa được giải quyết và thông báo cho người nộp thuế biết, bảo đảm quyền giải trình, khiếu nại theo pháp luật. Khi có kết quả của cơ quan có thẩm quyền, việc xem xét được thực hiện theo tính chất từng khoản nghĩa vụ và đầy đủ điều kiện của Nghị quyết. Thứ ba, về bảo lưu quyền được xem xét sau ngày 30/6/2028: Tiếp thu ý kiến, khoản 2 Điều 6 đã bổ sung trường hợp người nộp thuế có hồ sơ hợp lệ và nộp đủ nợ gốc phải nộp chậm nhất ngày 30/6/2028 nhưng chưa được xử lý do phải chờ kết luận, quyết định hoặc văn bản xác định khoản nợ có thuộc trường hợp loại trừ hay không. Sau thời điểm này, nếu có đủ căn cứ xác định khoản nợ không thuộc trường hợp loại trừ, cơ quan quản lý thuế tiếp tục xem xét, giải quyết theo Nghị quyết. Quy định bổ sung bảo đảm người đã hoàn thành các điều kiện đúng hạn không mất quyền được xem xét chỉ vì quá trình xác minh của cơ quan nhà nước kéo dài; không gia hạn thời gian hoàn thành nghĩa vụ hoặc mặc nhiên công nhận quyền được xóa nợ. Trường hợp kết quả chỉ xác định một phần nghĩa vụ thuộc trường hợp loại trừ thì phần đó không được xóa, phần còn lại được xem xét khi đáp ứng đầy đủ điều kiện. Các yêu cầu về xác định khoản nợ, thông báo lý do chưa giải quyết và phối hợp cập nhật kết quả sẽ được cụ thể hóa trong trình tự xử lý do Chính phủ quy định theo khoản 3 Điều 6, bảo đảm thống nhất, minh bạch và không phát sinh thêm thủ tục hành chính đối với người nộp thuế.
Khoản 4 Điều 1: *4. Nghị quyết này không*	Hội tư vấn và đại lý thuế TPHCM	Điểm b khoản 4 Điều 1 loại trừ toàn bộ NNT có phát sinh hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc nghĩa vụ thuế trong thời gian ở trạng thái 03, 06. Quy định này có thể	**Cơ quan soạn thảo xin giải trình như sau:** Tiếp thu một phần ý kiến, tại điểm b khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị quyết đã bổ sung ngoại lệ đối với **người nộp thuế phát**

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
áp dụng đối với: *a) Khoản tiền thuế nợ liên quan đến hành vi trốn thuế, gian lận thuế, sử dụng hóa đơn, chứng từ không hợp pháp; khoản tiền thuế nợ liên quan đến vụ việc đang được thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử.* *b) Người nộp thuế có phát sinh hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc nghĩa vụ thuế từ hoạt động sản xuất, kinh doanh trong thời gian không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký hoặc ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế, trừ việc xử lý lệ phí môn bài*		loại trừ cả những trường hợp chỉ phát sinh giao dịch nhỏ lẻ, mang tính kết thúc hoạt động (thanh lý tài sản, thu hồi công nợ cũ) và NNT đã tự giác kê khai, nộp đủ thuế. HTCAA kiến nghị thu hẹp phạm vi loại trừ theo hướng: chỉ loại trừ NNT có phát sinh hoạt động nhưng không kê khai, nộp thuế; hoặc chỉ không xóa phần tiền chậm nộp tương ứng với nghĩa vụ thuế phát sinh trong thời gian đó.	**sinh hoạt động thanh lý tài sản, hàng hóa tồn kho.** Quy định này nhằm phân biệt hoạt động xử lý tài sản để kết thúc kinh doanh với việc thực tế tiếp tục sản xuất, kinh doanh trong thời gian ở trạng thái 03, 06. Đối với việc thu hồi công nợ cũ, nếu chỉ là thu tiền của giao dịch đã phát sinh trước thời gian ngừng hoạt động, không kèm theo hoạt động cung cấp hàng hóa, dịch vụ mới, thì không mặc nhiên được coi là tiếp tục sản xuất, kinh doanh. Cơ quan thuế căn cứ hồ sơ, chứng từ và thời kỳ phát sinh nghĩa vụ để xác định, không chỉ căn cứ thời điểm nhận tiền. Tuy nhiên, **không tiếp thu đề xuất chỉ loại trừ người nộp thuế có hoạt động nhưng không kê khai, nộp thuế hoặc chỉ loại trừ phần tiền chậm nộp tương ứng**. Chính sách được xây dựng để xử lý tồn đọng của người nộp thuế thực tế đã ngừng hoạt động; việc kê khai, nộp thuế đầy đủ không làm thay đổi thực tế người nộp thuế vẫn đang kinh doanh. Nếu mở rộng theo kiến nghị, người nộp thuế vẫn hoạt động nhưng chưa cập nhật đúng trạng thái đăng ký thuế có thể được hưởng chính sách, trong khi người nộp thuế đang hoạt động và đăng ký đúng trạng thái không được áp dụng, chưa bảo đảm công bằng. Do đó, đề nghị giữ tiêu chí loại trừ theo thực tế hoạt động, đồng thời áp dụng ngoại lệ nêu trên để không loại trừ các trường hợp chỉ xử lý tài sản, hàng hóa tồn kho nhằm kết thúc hoạt động.
Khoản 2 Điều 2: "*2. Người nộp thuế được cơ quan thuế xác định ở trạng thái ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế (trạng thái 03) hoặc không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký với cơ quan thuế (trạng*	Thuế TP Hải Phòng	Đề nghị bổ sung thêm đoạn văn bản sau để phù hợp với quy định tại khoản 3, Điều 1 phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết và phân biệt rõ đối tượng áp dụng 2 theo tinh thần, xử lý tồn tại, vướng mắc NNT 03-06: " ... "tính đến thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thi hành". Như vậy, nội dung sau đề xuất điều chỉnh: "*2. Người nộp thuế được cơ quan thuế xác định ở trạng thái ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế (trạng thái 03) hoặc không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký với cơ quan thuế (trạng thái 06) tính đến*	**Cơ quan soạn thảo xin báo cáo như sau:** Tiếp thu ý kiến, khoản 1 Điều 2 dự thảo Nghị quyết đã bổ sung mốc *"tính đến ngày 21 tháng 11 năm 2026"*, thống nhất với khoản 1 Điều 1 và ngày dự kiến Nghị quyết có hiệu lực thi hành. Việc xác định rõ mốc thời gian nhằm giới hạn đối tượng xử lý tồn đọng, tạo căn cứ thống nhất để rà soát dữ liệu; không mở rộng chính sách sang người nộp thuế chuyển sang trạng thái 03, 06 sau mốc này. Đây là mốc xác định đối tượng, không phải thời điểm chốt số tiền chậm nộp được xóa; phạm vi và

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
thái 06).		*thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thi hành".*	điều kiện xử lý thực hiện theo các điều khoản tương ứng của Nghị quyết.
Điều 3: Nguyên tắc xử lý nợ	Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Hưng Yên	Đề nghị làm rõ cách xử lý đối với người nộp thuế đã hoàn thành nghĩa vụ trước ngày Nghị quyết có hiệu lực, theo hướng không hoàn trả, không bù trừ nếu phù hợp với chính 2 sách được lựa chọn; đồng thời tăng cường thông tin, tuyên truyền để tránh phát sinh tâm lý chây ỳ, trông chờ được xóa nợ đối với các khoản thu khác	**Cơ quan soạn thảo xin báo cáo như sau:** Tiếp thu ý kiến, khoản 3 Điều 3 dự thảo đã xác định việc xóa nợ chỉ áp dụng đối với số tiền thuộc phạm vi, đáp ứng đầy đủ điều kiện và chưa nộp vào ngân sách nhà nước tại thời điểm cơ quan quản lý thuế thực hiện xóa nợ. Theo đó, khoản đã nộp đúng nghĩa vụ trước ngày Nghị quyết có hiệu lực không thuộc diện xử lý, không phụ thuộc việc đã hoàn tất thủ tục khôi phục hoặc chấm dứt hiệu lực mã số thuế hay chưa. Chính sách không xác định lại nghĩa vụ đã hoàn thành đúng pháp luật và không làm phát sinh quyền hoàn trả, bù trừ đối với khoản này. Khoản nộp thừa, nộp nhầm hoặc thu không đúng quy định vẫn được xử lý theo pháp luật về quản lý thuế. Đồng thời, việc tổ chức thực hiện sẽ gắn với thông tin, tuyên truyền rõ đây là chính sách đặc thù, có thời hạn, xử lý một lần các nghĩa vụ tồn đọng trong phạm vi xác định; không áp dụng xóa nợ đại trà hoặc định kỳ. Người nộp thuế vẫn phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ ngoài phạm vi được xử lý và nghĩa vụ mới phát sinh. Cơ quan quản lý thuế chủ động hướng dẫn, công khai điều kiện, kết quả thực hiện và tiếp tục quản lý, thu hồi các khoản phải nộp, hạn chế tâm lý trì hoãn, trông chờ được xóa nợ đối với các khoản thu khác
Về điều kiện và phạm vi xóa tiền chậm nộp (Điều 3, Điều 5)	Đoàn đại biểu Quốc hội TP Hà Nội	(1)- Có ý kiến đề nghị tách bạch các điều kiện (nộp đủ nợ gốc; nộp hồ sơ hợp lệ khôi phục hoặc chấm dứt hiệu lực mã số thuế; thời hạn và thời điểm xác định số tiền được xóa; đối chiếu, xác nhận của cơ quan thuế); làm rõ xử lý khoản nợ đang khiếu nại, được gia hạn hoặc đang cưỡng chế; nghiên cứu cho nộp nợ gốc theo tiến độ đối với doanh nghiệp khó khăn nếu có căn cứ pháp lý. (2)- Có ý kiến đề nghị bổ sung tại điểm a khoản 2 Điều 5: trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế số tiền	**(1) Về ý kiến 1, Cơ quan chủ trì soạn thảo xin giải trình như sau:** **– Về phân định điều kiện, thời hạn và số tiền được xóa:** Khoản 1 Điều 5 dự thảo Nghị quyết xác định hai điều kiện: người nộp thuế đã nộp đủ nợ gốc phải nộp và có hồ sơ hợp lệ đề nghị khôi phục hoặc chấm dứt hiệu lực mã số thuế được cơ quan thuế tiếp nhận chậm nhất ngày 30/6/2028. Đối với trường hợp còn nợ gốc, tiền chậm nộp được xem xét xóa tính đến ngày thực tế nộp đủ nợ gốc, chậm nhất ngày 30/6/2028; trường hợp không còn nợ gốc đến ngày 21/11/2026 thì xử lý số tiền

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		thuế nợ gốc phải nộp; bổ sung tại khoản 3 Điều 5 người nộp thuế đã được xóa theo Nghị quyết số 94/2019/QH14 không phải nộp lại số đã được xóa. (3) - Có ý kiến đề nghị bổ sung việc xóa cả tiền chậm nộp tiền phạt vi phạm hành chính (0,05%/ngày) và cho phép bù trừ số tiền nộp thừa vào nợ gốc khi xác định điều kiện, sửa khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 5 như sau: "1. Xóa số tiền chậm nộp (bao gồm tiền chậm nộp tiền thuế, các khoản thu khác và tiền chậm nộp tiền phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn) quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị quyết này đối với người nộp thuế đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này, gồm: (...)" "b) Người nộp thuế đã thanh toán đủ tiền thuế nợ gốc chậm nhất vào ngày kết thúc thời hạn áp dụng Nghị quyết quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị quyết này (hoặc trong thời hạn giải quyết hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị quyết này). Trường hợp không còn tiền thuế nợ gốc phải thanh toán hoặc số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa của người nộp thuế trên Hệ thống thông tin quản lý thuế bằng hoặc lớn hơn số tiền thuế nợ gốc phải nộp sau khi bù trừ thì được xác định là đáp ứng điều kiện này trên cơ sở dữ liệu đã được cơ quan thuế đối chiếu, xác nhận." (4) Có ý kiến đề nghị làm rõ nguyên tắc "không hoàn trả, không bù trừ" tại khoản 3 Điều 3 chỉ áp dụng với hồ sơ đã giải quyết xong trước ngày Nghị quyết có hiệu lực, không mâu thuẫn với việc bù trừ tiền nộp thừa khi giải quyết hồ sơ.	chậm nộp còn nợ theo điểm b khoản 1 Điều 5. Việc kiểm tra, đối chiếu dữ liệu để xác định điều kiện thuộc trách nhiệm của cơ quan quản lý thuế, không phải thủ tục xác nhận riêng mà người nộp thuế phải thực hiện. Khoản 2 Điều 6 bảo đảm tiếp tục giải quyết sau ngày 30/6/2028 đối với trường hợp đã đáp ứng điều kiện đúng hạn nhưng chưa xử lý xong. **– Về khoản nợ đang khiếu nại, được gia hạn hoặc đang cưỡng chế:** Các tình trạng này không tự làm phát sinh quyền được xóa, cũng không tự là căn cứ loại trừ. Cơ quan thuế phải xác định nghĩa vụ còn phải nộp, hiệu lực của quyết định liên quan và các điều kiện của Nghị quyết. Đối với khoản đang khiếu nại, việc xử lý phải tính đến quyết định giải quyết và quyết định tạm đình chỉ, nếu có, tránh xác định sai nghĩa vụ. Đối với khoản được gia hạn, phải căn cứ thời hạn nộp và chế độ tính tiền chậm nộp tương ứng, không tính hoặc xóa khoản tiền chậm nộp không có căn cứ phát sinh. Đối với khoản đang cưỡng chế, thực hiện khoản 3 Điều 3: kịp thời xác định khoản đủ điều kiện xóa để không áp dụng cưỡng chế đối với khoản đó; các nghĩa vụ khác tiếp tục được xử lý theo quy định. – Về nộp nợ gốc theo tiến độ: Dự thảo NQ không yêu cầu nộp nợ gốc một lần. Người nộp thuế được thực hiện nộp dần khi đáp ứng điều kiện của pháp luật về quản lý thuế; tuy nhiên, để hưởng chính sách tại Điều 5 vẫn phải nộp đủ nợ gốc và có hồ sơ hợp lệ được tiếp nhận chậm nhất ngày 30/6/2028. Việc cam kết hoặc đang thực hiện tiến độ thanh toán không thay thế điều kiện nộp đủ. **(2) Về ý kiến 2, Cơ quan chủ trì soạn thảo xin giải trình như sau:** **– Về đề nghị thông báo số nợ gốc trong 05 ngày làm việc:** Cơ quan chủ trì soạn thảo ghi nhận yêu cầu thông tin kịp thời để người nộp thuế hoàn thành nghĩa vụ. Việc rà soát, xác định và thông báo số nợ gốc được thực hiện trong quá trình giải quyết hồ sơ khôi phục hoặc chấm dứt hiệu lực mã số thuế, căn

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			cứ dữ liệu quản lý thuế, chứng từ nộp ngân sách và kết quả điều chỉnh nghĩa vụ hợp pháp. Đề nghị không bổ sung thời hạn riêng 05 ngày tại Điều 5, nhằm tránh hình thành một bước thủ tục độc lập với quy trình đăng ký thuế hiện hành. Trong tổ chức thực hiện, cơ quan thuế phải chủ động thông tin sớm, không yêu cầu người nộp thuế lập hồ sơ đề nghị xác nhận nợ và không làm kéo dài thời hạn giải quyết hồ sơ. **– Về khoản đã được xóa theo Nghị quyết số 94/2019/QH14:** Nội dung này đã được thể hiện tại khoản 2 Điều 5 dự thảo ngày 04/11: người nộp thuế đáp ứng khoản 1 Điều 5, đã được xóa tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp theo Nghị quyết số 94/2019/QH14 thì không phải thực hiện khoản 4 Điều 3 Nghị quyết đó. Theo đó, người đủ điều kiện không phải nộp lại khoản đã được xóa đúng quy định chỉ vì quay lại hoạt động; tránh việc thu hồi rồi tiếp tục xử lý xóa cùng một khoản tiền. Tuy nhiên, không bổ sung quy định chung "không phải nộp lại số đã được xóa" vì có thể bị hiểu là bao gồm cả khoản đã xử lý sai đối tượng, điều kiện. Đề nghị giữ cách quy định có điều kiện như dự thảo. **(3) Về ý kiến 3, Cơ quan chủ trì soạn thảo xin giải trình như sau:** **– Về đề nghị xóa tiền chậm nộp tiền phạt vi phạm hành chính:** Cần phân biệt tiền chậm nộp tiền thuế, khoản thu khác với khoản phải nộp thêm do chậm thi hành quyết định phạt vi phạm hành chính, được tính theo mức 0,05%/ngày theo pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. Đây cũng không phải "tiền phạt chậm nộp" theo pháp luật quản lý thuế trước ngày 01/7/2013 được bao gồm tại Điều 1 dự thảo. Dự thảo NQ xác định tiền phạt vi phạm hành chính thuộc tiền thuế nợ gốc phải thanh toán không đồng nghĩa khoản chậm nộp tiền phạt đương nhiên thuộc phạm vi được xóa. Ý kiến đề xuất bổ sung khoản này làm mở rộng chính sách, cần đánh giá riêng về căn cứ pháp lý, số tiền, tác động ngân sách và sự thống nhất với pháp luật xử lý vi phạm hành chính. Do đó, đề

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			nghị chưa bổ sung theo kiến nghị, không mở rộng phạm vi bằng cách giải thích chung thuật ngữ "tiền chậm nộp". **– Về bù trừ khoản nộp thừa để hoàn thành nợ gốc:** Người nộp thuế có khoản nộp thừa hợp pháp được xử lý bù trừ với nghĩa vụ còn phải nộp theo Điều 15 Luật Quản lý thuế. Phần nợ gốc đã được thanh toán bằng bù trừ đúng quy định được tính khi xác định điều kiện hoàn thành nghĩa vụ, không yêu cầu nộp thêm tiền cho cùng khoản đó. Tuy nhiên, không chỉ căn cứ số dư nộp thừa hiển thị bằng hoặc lớn hơn nợ gốc để kết luận đã nộp đủ. Cần xác định khoản nộp thừa đủ điều kiện bù trừ, chưa được hoàn hoặc sử dụng cho nghĩa vụ khác, và kết quả bù trừ đã làm thanh toán nghĩa vụ tương ứng. Việc kiểm tra, cập nhật thuộc trách nhiệm cơ quan quản lý thuế, không đặt thêm thủ tục đối chiếu, xác nhận riêng cho người nộp thuế. **– Về thời hạn hoàn thành nghĩa vụ:** Cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị không bổ sung phương án cho phép thanh toán trong thời gian cơ quan thuế tiếp tục giải quyết hồ sơ sau khi hết thời hạn áp dụng. Theo Điều 5 và khoản 2 Điều 6 dự thảo NQ, người nộp thuế phải hoàn thành nợ gốc, kể cả phần được bù trừ hợp pháp, và có hồ sơ hợp lệ được tiếp nhận chậm nhất ngày 30/6/2028. Cơ chế chuyển tiếp chỉ cho phép hoàn tất việc giải quyết, không gia hạn thời gian đáp ứng điều kiện. **(4) Về ý kiến 4, Cơ quan chủ trì soạn thảo xin giải trình như sau:** Khoản 3 Điều 3 dự thảo NQ đã được chỉnh lý theo hướng chỉ xử lý xóa số tiền thuộc phạm vi, đáp ứng đầy đủ điều kiện và chưa nộp vào ngân sách nhà nước tại thời điểm cơ quan quản lý thuế thực hiện xử lý xóa nợ; không còn gắn với điều kiện hồ sơ khôi phục hoặc chấm dứt hiệu lực mã số thuế đã được giải quyết xong trước ngày Nghị quyết có hiệu lực. Theo đó, khoản đã nộp đúng nghĩa vụ không được xác định lại để hoàn trả, bù trừ chỉ vì có chính sách xóa nợ, không phụ thuộc hồ sơ mã số thuế đã hoàn tất hay đang giải quyết.

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			Cần phân biệt trường hợp này với khoản nộp thừa được xác định theo pháp luật về quản lý thuế. Khoản nộp thừa hợp pháp vẫn được xem xét bù trừ với nghĩa vụ còn phải nộp hoặc hoàn trả theo quy định; phần nợ gốc đã được thanh toán bằng bù trừ hợp pháp được tính khi xác định điều kiện áp dụng Điều 5. Vì vậy, hai nội dung không mâu thuẫn: Nghị quyết không tự làm phát sinh quyền hoàn trả, bù trừ đối với khoản đã nộp đúng, nhưng không hạn chế quyền xử lý khoản nộp thừa hợp pháp. Đề nghị giữ cách quy định như dự thảo, không giới hạn nguyên tắc chỉ đối với hồ sơ đã giải quyết xong.
Điều 3: *3. Không hoàn trả, bù trừ khoản tiền thuế nợ thuộc phạm vi của Nghị quyết này mà người nộp thuế đã nộp tiền thuế nợ vào ngân sách nhà nước và đã được cơ quan có thẩm quyền giải quyết khôi phục mã số thuế hoặc chấm dứt hiệu lực mã số thuế trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.*	Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Lạng Sơn	Đề nghị xem xét, bổ sung quy định tại Điều 3 về phương thức xử lý đối với người nộp thuế đã hoàn thành nghĩa vụ trước ngày Nghị quyết có hiệu lực, theo hướng không hoàn trả, không bù trừ nếu phù hợp với chính sách được lựa chọn.	Tiếp thu ý kiến, khoản 3 Điều 3 dự thảo đã quy định chỉ xử lý xóa đối với số tiền thuộc phạm vi, đáp ứng đầy đủ điều kiện và chưa nộp vào ngân sách nhà nước tại thời điểm cơ quan quản lý thuế thực hiện xử lý xóa nợ. Theo đó, khoản đã nộp đúng nghĩa vụ không còn là khoản nợ để xử lý; chính sách mới không xác định lại nghĩa vụ đã hoàn thành và không tự làm phát sinh khoản nộp thừa để hoàn trả, bù trừ, không phụ thuộc việc thủ tục mã số thuế đã hoàn tất hay chưa. Trường hợp có khoản nộp thừa, nộp nhầm hoặc khoản thu không đúng quy định thì được xử lý theo pháp luật về quản lý thuế.
Về chính sách xóa tiền chậm nộp và cơ chế miễn trừ do trở ngại pháp lý xuyên biên giới (Điều 3 và Điều 5 Dự thảo)	Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Lai Châu	Đối với chính sách xóa toàn bộ tiền chậm nộp quy định tại Dự thảo Nghị quyết chưa dự liệu các trường hợp người nộp thuế (đặc biệt là các doanh nghiệp, Tập đoàn đa quốc gia) chậm cung cấp thông tin hoặc chậm nộp hồ sơ xuất phát từ rào cản bảo mật bắt buộc của pháp luật nước sở tại hoặc các sự kiện bất khả kháng xuyên biên giới. Do đó, nhằm tránh việc áp đặt trách nhiệm pháp lý bất hợp lý và bảo đảm tính bình đẳng, đề nghị bổ sung thêm một khoản vào Điều 3 quy định: "Trường hợp	**Cơ quan soạn thảo xin giải trình như sau:** Đề xuất bổ sung cơ chế gia hạn thời hạn và miễn trừ xử phạt đối với trường hợp phát sinh rào cản bảo mật bắt buộc theo pháp luật nước sở tại hoặc sự kiện bất khả kháng xuyên biên giới là nội dung chính sách riêng, có phạm vi điều chỉnh, đối tượng và điều kiện áp dụng khác với chính sách xử lý nợ tại dự thảo Nghị quyết. Việc xem xét cơ chế này cần làm rõ căn cứ xác định rào cản bảo mật hoặc sự kiện bất khả kháng, hồ sơ chứng minh, thẩm quyền xác nhận, thời hạn được gia hạn và

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		người nộp thuế chậm cung cấp thông tin hoặc chậm nộp hồ sơ khai thuế do rào cản bảo mật bắt buộc của pháp luật nước sở tại hoặc sự kiện bất khả kháng xuyên biên giới có xác nhận hợp lệ thì được xem xét gia hạn thời hạn và miễn trừ xử phạt vi phạm hành chính."	phạm vi miễn trừ trách nhiệm; đồng thời cần đánh giá tác động đối với công tác quản lý thuế và xử lý vi phạm hành chính. Tại cuộc họp Hội đồng thẩm định, đối với các đề xuất chính sách có phạm vi rộng, không trực tiếp gắn với mục tiêu của Nghị quyết, ý kiến chỉ đạo là ghi nhận để tiếp tục nghiên cứu, đánh giá, chưa bổ sung vào dự thảo do cần có thời gian đánh giá tác động và bảo đảm tiến độ trình Quốc hội.
Khoản 3 Điều 3: *3. Không hoàn trả, bù trừ khoản tiền thuế nợ thuộc phạm vi của Nghị quyết này mà người nộp thuế đã nộp tiền thuế nợ vào ngân sách nhà nước và đã được cơ quan có thẩm quyền giải quyết khôi phục mã số thuế hoặc chấm dứt hiệu lực mã số thuế trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.*	Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Cao Bằng	Khoản 3 Điều 3 chỉ quy định không hoàn trả, bù trừ đối với người nộp thuế đã nộp tiền *và* đã được giải quyết khôi phục hoặc chấm dứt hiệu lực mã số thuế trước ngày Nghị quyết có hiệu lực. Cách quy định này có thể dẫn đến cách hiểu khác nhau đối với trường hợp đã nộp tiền nhưng chưa hoàn tất thủ tục mã số thuế. Đề nghị quy định rõ: không hoàn trả, bù trừ các khoản thuộc phạm vi Nghị quyết đã nộp đúng vào ngân sách nhà nước trước ngày Nghị quyết có hiệu lực; khoản nộp thừa, nộp nhầm được xác định theo pháp luật về quản lý thuế thì xử lý theo pháp luật về quản lý thuế. Đồng thời, làm rõ cách xử lý số tiền bị thu, khấu trừ, kể cả qua biện pháp cưỡng chế, đối với khoản nợ thuộc diện được xóa trong thời gian từ ngày Nghị quyết có hiệu lực đến khi cơ quan thuế hoàn thành việc xóa nợ.	**Cơ quan soạn thảo xin giải trình như sau:** **1. Về khoản đã nộp trước ngày Nghị quyết có hiệu lực** Khoản 3 Điều 3 đã được chỉnh lý, không còn gắn việc xử lý nợ với điều kiện đã hoàn tất thủ tục khôi phục hoặc chấm dứt hiệu lực mã số thuế. Khoản đã nộp đúng nghĩa vụ trước ngày Nghị quyết có hiệu lực không thuộc số tiền còn nợ để xem xét xóa, kể cả trường hợp chưa hoàn tất thủ tục về mã số thuế. **2. Về khoản nộp thừa, nộp nhầm** Việc tra soát, điều chỉnh, bù trừ hoặc hoàn trả khoản nộp thừa, nộp nhầm, khoản thu không đúng quy định thực hiện theo pháp luật về quản lý thuế. Nghị quyết không làm hạn chế quyền được xử lý các khoản này. **3. Về khoản bị thu, khấu trừ hoặc cưỡng chế thu trong thời gian chờ xóa nợ** Người nộp thuế ở trạng thái 03, 06 có thể không còn hoạt động kinh doanh nhưng vẫn còn tiền trong tài khoản hoặc khoản tiền được nhận từ giao dịch, quan hệ tài chính trước đây. Do đó, vẫn có khả năng phát sinh việc cưỡng chế trích tiền để thu khoản nợ đang theo dõi trong thời gian cơ quan quản lý thuế chưa hoàn thành xử lý xóa nợ. Theo đó, việc tổ chức thực hiện cần bảo đảm rà soát, xác định kịp thời khoản đủ điều kiện xóa, đồng bộ việc xử lý nợ với điều chỉnh nghĩa vụ và biện pháp cưỡng chế có liên quan. **Cơ quan soạn thảo tiếp thu chỉnh lý tại khoản 3 Điều 3 dự thảo Nghị quyết như sau:** *"3. Việc xử lý xóa tiền thuế nợ theo Nghị quyết này chỉ áp*

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			dụng đối với số tiền thuộc phạm vi và đáp ứng đầy đủ điều kiện xóa nợ theo quy định tại Nghị quyết này mà người nộp thuế chưa nộp vào ngân sách nhà nước tại thời điểm cơ quan quản lý thuế thực hiện xử lý xóa nợ. Cơ quan quản lý thuế có trách nhiệm kịp thời xác định khoản tiền thuế nợ đáp ứng đầy đủ điều kiện xử lý xóa theo Nghị quyết này để không áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế đối với khoản tiền thuế nợ đủ điều kiện được xử lý xóa."
Điều 3 – Nguyên tắc xử lý nợ	Thuế thành phố Hà Nội	Sửa Điều 3 cụ thể như sau: *"Điều 3. Nguyên tắc xử lý **tiền thuế nợ*** *1. Bảo đảm đúng đối tượng, đúng điều kiện, công khai, minh bạch; không làm phát sinh thủ tục hành chính riêng đối với việc xử lý **tiền thuế** nợ theo Nghị quyết này.* ***...Tiền thuế nợ gốc quy định tại Nghị quyết này là tiền thuế, tiền phạt vi phạm hành chính do cơ quan quản lý thuế thực hiện và các khoản thu khác do cơ quan quản lý thuế quản lý thu theo quy định tại điểm a và b khoản 1 Điều 38 Luật Quản lý thuế, không bao gồm khoản nợ lệ phí môn bài được xóa theo Điều 4 Nghị quyết này.*** Lý do: - Phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 4 Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 quy định giải thích từ ngữ về *"Tiền thuế nợ"* - Bổ sung quy định về tiền thuế nợ gốc phù hợp quy định tại điểm a, điểm b Khoản 1 Điều 38 Luật quản lý thuế số 108/2025/QH15.	**Cơ quan soạn thảo cơ bản tiếp thu và chỉnh lý dự thảo Nghị quyết như sau:** *Tiền thuế nợ gốc quy định tại khoản này là tiền thuế, tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính và các khoản thu khác quy định tại điểm b khoản 1 Điều 38 Luật Quản lý thuế (trừ lệ phí môn bài).*
Khoản 3 Điều 3: *3. Không hoàn trả, bù trừ khoản tiền thuế nợ thuộc phạm vi của Nghị quyết này mà người nộp thuế đã*	Thuế TP Hải Phòng	+ Sửa "tiền thuế nợ" thành "tiền chậm nộp còn nợ"do đối tượng của Nghị quyết là xóa tiền chậm nộp. + Bổ sung nội dung : trường hợp đang được cơ quan thuế giải quyết khôi phục mã số thuế hoặc chấm dứt hiệu lực mã số thuế thì giải quyết như thế nào?	**Cơ quan soạn thảo xin báo cáo như sau:** Thứ nhất, về đề nghị thay "tiền thuế nợ" bằng "tiền chậm nộp còn nợ": Phạm vi Nghị quyết bao gồm cả xóa nợ lệ phí môn bài và tiền chậm nộp, không chỉ riêng tiền chậm nộp. Vì vậy, đề nghị giữ thuật ngữ "tiền thuế nợ", đồng thời giới hạn

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
nộp tiền thuế nợ vào ngân sách nhà nước và đã được cơ quan có thẩm quyền giải quyết khôi phục mã số thuế hoặc chấm dứt hiệu lực mã số thuế trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.		Vì sẽ xảy ra tình huống: Đến thời điểm Nghị quyết có hiệu lực thi hành cơ quan thuế đang giải quyết hồ sơ chấm dứt hiệu lực, khôi phục MST, nhưng NNT đã nộp hết tiền chậm nộp trước ngày Nghị quyết có hiệu lực và sau ngày NQ có hiệu lực cơ quan thuế vẫn đang tiếp tục giải quyết (trong thời hạn quy định). Vì vậy về nguyên tắc, các khoản tiền chậm nộp, NNT đã nộp trước thời điểm NQ có hiệu lực thi hành thì không được hoàn trả hoặc bù trừ . Vì vậy nội dung có thể điều chỉnh như sau: "3. Không hoàn trả, bù trừ khoản tiền chậm nộp thuộc phạm vi của Nghị quyết này mà người nộp thuế đã nộp tiền chậm nộp còn nợ vào ngân sách nhà nước và đã được cơ quan có thẩm quyền giải quyết khôi phục mã số thuế hoặc chấm dứt hiệu lực mã số thuế trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành". Trường hợp NNT đã nộp tiền chậm nộp trước ngày Nghị quyết có hiệu lực thi hành, nhưng cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền tiếp tục giải quyết và hoàn thành chấm dứt hiệu lực mã số thuế, khôi phục mã số thuế sau ngày Nghị quyết có hiệu lực thi hành thì số tiền chậm nộp đã nộp trước ngày Nghị quyết có hiệu lực thi hành không được hoàn trả hoặc bù trừ.	rõ số tiền thuộc phạm vi và đáp ứng đầy đủ điều kiện xóa theo Nghị quyết để tránh hiểu là chỉ xử lý tiền chậm nộp còn nợ Thứ hai, về trường hợp đã nộp tiền nhưng chưa hoàn tất thủ tục mã số thuế: Tiếp thu ý kiến, khoản 3 Điều 3 dự thảo Nghị quyết đã được chỉnh lý theo hướng chỉ áp dụng đối với số tiền thuộc phạm vi, đáp ứng đầy đủ điều kiện xóa nợ mà người nộp thuế chưa nộp vào ngân sách nhà nước tại thời điểm cơ quan quản lý thuế thực hiện xóa nợ; không còn gắn với điều kiện đã được giải quyết khôi phục hoặc chấm dứt hiệu lực mã số thuế. Theo đó, khoản tiền đã nộp đúng nghĩa vụ trước ngày Nghị quyết có hiệu lực không còn là khoản nợ để xem xét xóa, không phụ thuộc hồ sơ mã số thuế đã được giải quyết xong hay vẫn đang giải quyết. Việc cơ quan có thẩm quyền hoàn tất thủ tục sau ngày Nghị quyết có hiệu lực không làm phát sinh quyền hoàn trả hoặc bù trừ khoản đã nộp theo chính sách này. Đối với khoản nộp thừa, nộp nhầm hoặc thu không đúng quy định, việc điều chỉnh, bù trừ, hoàn trả vẫn thực hiện theo pháp luật về quản lý thuế. Như vậy, nội dung chỉnh lý đã bao quát tình huống được nêu, không cần bổ sung riêng theo thời điểm hoàn tất thủ tục mã số thuế.
Về xóa nợ lệ phí môn bài (Điều 4, khoản 2 Điều 7)	Đại biểu Quốc hội TP Hà Nội	(1) Có ý kiến đề nghị làm rõ cơ sở lựa chọn mốc 31/12/2025, thời điểm hạch toán khoản nợ thuộc phạm vi xử lý, cách xử lý sai lệch dữ liệu; tiêu chí, nguồn dữ liệu, kiểm soát ngoại lệ và trách nhiệm phê duyệt khi xử lý tự động; bảo đảm không xóa nợ đối với người nộp thuế đang hoạt động thực tế có nghĩa vụ chưa được ghi nhận. (2) Có ý kiến đề nghị bổ sung vào Điều 4: thời hạn hoàn thành xóa nợ không quá 06 tháng kể từ ngày Nghị quyết có hiệu lực; cơ chế kiểm soát ngoại lệ, lưu vết; chấm dứt biện pháp cưỡng chế trong 03 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định xóa nợ; bổ sung tại khoản 2 Điều 7 nội dung không xử phạt về thời hạn nộp hồ sơ khai lệ phí	**(1) Về ý kiến 1, Cơ quan chủ trì soạn thảo xin giải trình như sau:** – Về mốc ngày 31/12/2025 và thời điểm hạch toán: Ngày 31/12/2025 là thời điểm kết thúc giai đoạn phát sinh nghĩa vụ lệ phí môn bài trước khi chấm dứt việc thu, nộp từ ngày 01/01/2026. Đây là mốc xác định nghĩa vụ thuộc phạm vi xử lý, không phải hạn cuối hạch toán khoản nợ trên hệ thống. Điều 4 dự thảo đã phân biệt khoản nợ được hạch toán với nghĩa vụ phát sinh đến hết năm 2025 nhưng chưa khai, nộp và chưa hạch toán. Cách thiết kế này bảo đảm trường hợp có cùng điều kiện được xử lý thống nhất, không phụ thuộc tiến độ cập nhật dữ liệu. Khoản được xóa vẫn phải đáp ứng nguyên tắc

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		môn bài đối với nghĩa vụ được miễn. (3) Có ý kiến đề nghị chuyển nội dung miễn khai, nộp lệ phí môn bài tại khoản 2 Điều 7 vào Điều 4; đồng thời thuyết minh cơ sở xóa nợ lệ phí môn bài 4 cho tất cả người nộp thuế (kể cả người đang hoạt động bình thường), số người và số tiền của từng nhóm, bảo đảm công bằng với người đã nộp đúng hạn.	còn chưa nộp tại thời điểm xử lý theo khoản 3 Điều 3. – Về dữ liệu, sai lệch và trách nhiệm xử lý: Cơ quan quản lý thuế căn cứ dữ liệu đăng ký thuế, nghĩa vụ phải nộp, chứng từ thanh toán, kết quả xử lý trước đây và thông tin liên quan để xác định đối tượng, khoản tiền đủ điều kiện. Khi dữ liệu thiếu hoặc không thống nhất, phải tra soát, điều chỉnh, xác minh trước khi quyết định; không mặc nhiên xóa chỉ vì hệ thống chưa ghi nhận nghĩa vụ. Khoản 3 Điều 6 quy định xử lý trên cơ sở dữ liệu, không đồng nghĩa cho phép xóa tự động mà không kiểm soát. Quy trình nghiệp vụ phải xác định rõ tiêu chí lựa chọn, kiểm tra trùng lặp, trường hợp loại trừ, hồ sơ cần xác minh và trách nhiệm phê duyệt theo thẩm quyền; lưu giữ căn cứ, lịch sử xử lý để kiểm tra, hậu kiểm. Trường hợp phát hiện người nộp thuế không đáp ứng điều kiện thì phục hồi khoản nợ đã xử lý xóa theo khoản 4 Điều 6. – Về người nộp thuế thực tế đang hoạt động: Điểm b khoản 2 Điều 2 đã loại trừ người nộp thuế có phát sinh hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc nghĩa vụ thuế từ hoạt động này trong thời gian ở trạng thái 03, 06, trừ trường hợp thanh lý tài sản, hàng hóa tồn kho. Vì vậy, việc chưa ghi nhận nghĩa vụ trên hệ thống không tạo căn cứ hưởng chính sách. Cơ quan thuế phải đối chiếu thực tế hoạt động và các nguồn thông tin liên quan, bảo đảm không xử lý xóa cho trường hợp chỉ mang trạng thái ngừng hoạt động trên dữ liệu nhưng vẫn thực tế kinh doanh. **(2) Về ý kiến 2, Cơ quan chủ trì soạn thảo xin giải trình như sau:** – Về thời hạn hoàn thành xóa nợ trong 06 tháng: Cơ quan chủ trì soạn thảo ghi nhận yêu cầu xử lý sớm. Tuy nhiên, số lượng đối tượng lớn, dữ liệu lịch sử cần rà soát, có trường hợp phải xác minh nên chưa phù hợp để quy định một thời hạn chung cho mọi trường hợp. Đề nghị xác định tiến độ thực hiện theo từng nhóm, ưu tiên xử lý ngay trường hợp đủ căn cứ; không để người nộp thuế phải chờ đợt xử lý tập trung

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			khi đang giải quyết hồ sơ khôi phục hoặc chấm dứt hiệu lực mã số thuế. – Về kiểm soát ngoại lệ và lưu vết: Tiếp thu để cụ thể hóa trong quy trình hướng dẫn nghiệp vụ: kiểm tra đối tượng, khoản nợ, điều kiện, trường hợp loại trừ và kết quả đã xử lý; trường hợp dữ liệu thiếu, mâu thuẫn phải xác minh trước khi phê duyệt. Cơ quan quản lý thuế lưu giữ căn cứ, người phê duyệt và lịch sử điều chỉnh trên hệ thống để phục vụ hậu kiểm, xác định trách nhiệm; không phát sinh hồ sơ đề nghị riêng cho người nộp thuế. – Về chấm dứt biện pháp cưỡng chế trong 03 ngày làm việc: Khoản 3 Điều 3 dự thảo Nghị quyết đã yêu cầu cơ quan quản lý thuế kịp thời xác định khoản nợ đủ điều kiện xóa để không áp dụng cưỡng chế đối với khoản đó. Sau khi xử lý, cơ quan thuế phải cập nhật nghĩa vụ, rà soát và chấm dứt hoặc điều chỉnh biện pháp liên quan theo thẩm quyền, thời hạn pháp luật quy định. Đề nghị không đặt thời hạn chung 03 ngày cho mọi biện pháp; đồng thời không chấm dứt toàn bộ việc cưỡng chế nếu vẫn còn nghĩa vụ khác đủ điều kiện áp dụng. – Về không xử phạt chậm nộp hồ sơ khai lệ phí môn bài: Nội dung không phải khai, nộp lệ phí môn bài đã được chuyển quy định tại khoản 3 Điều 4. **(3) Về ý kiến 3, Cơ quan chủ trì soạn thảo xin giải trình như sau:** – Về vị trí quy định không phải khai, nộp lệ phí môn bài: Tiếp thu ý kiến, nội dung này đã được chuyển từ khoản 2 Điều 7 tại dự thảo NQ lấy ý kiến sang khoản 3 Điều 4 dự thảo Nghị quyết sau chỉnh lý, bảo đảm tập trung, thống nhất các chính sách xử lý nghĩa vụ lệ phí môn bài. – Về phạm vi, đối tượng và số liệu tác động: Dự thảo Nghị quyết không xóa nợ lệ phí môn bài cho tất cả người nộp thuế. Chính sách chỉ áp dụng đối với người nộp thuế thuộc Điều 2, ở trạng thái 03, 06 tính đến ngày 21/11/2026 và đáp ứng các quy định của Nghị quyết; không mở rộng sang người đang hoạt động bình thường.

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			Theo số liệu đánh giá căn cứ dữ liệu trên Hệ thống, khoảng 710.000 người nộp thuế trạng thái 03, 06 có nợ gốc lệ phí môn bài đã hạch toán khoảng 1.250 tỷ đồng, tiền chậm nộp tương ứng khoảng 438 tỷ đồng. Ngoài ra, nghĩa vụ chưa hạch toán của gần 02 triệu người nộp thuế được ước tính khoảng 15.000 tỷ đồng theo giả định số lượng 02 triệu NNT sẽ quay trở lại làm thủ tục về mã số thuế. – Về bảo đảm công bằng: Việc xử lý cả nghĩa vụ đã hạch toán và chưa hạch toán nhằm bảo đảm các trường hợp có cùng điều kiện được áp dụng thống nhất, không phụ thuộc tiến độ ghi nhận dữ liệu. Khoản đã nộp đúng pháp luật không trở thành khoản nộp thừa do chính sách mới. Cơ quan soạn thảo ghi nhận sự khác biệt về lợi ích với người đã nộp đúng hạn; vì vậy, chính sách được giới hạn về đối tượng, phạm vi và thời gian, gắn với mục tiêu xử lý một lần tồn đọng lịch sử, giảm chi phí quản lý và tháo gỡ vướng mắc về mã số thuế, không lấy việc chậm chấp hành làm căn cứ hưởng lợi.
Điều 4: Xóa nợ lệ phí môn bài và tiền chậm nộp lệ phí môn bài	Thuế tỉnh Hưng Yên	Theo pháp luật quản lý thuế các thời kỳ, môn bài được gọi là "Thuế môn bài" cho đến hết năm 2016, và chuyển thành "Lệ phí môn bài" từ ngày 01/01/2017. Tuy nhiên, tại Điều 4 của Dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về xóa nợ lệ phí môn bài và tiền chậm nộp lệ phí môn bài hiện chỉ ghi *"...1. Xóa khoản nợ lệ phí môn bài phát sinh đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được hạch toán, theo dõi trên Hệ thống thông tin quản lý thuế và tiền chậm nộp của khoản nợ này. 2. Cơ quan thuế căn cứ cơ sở dữ liệu quản lý thuế thực hiện xử lý xóa nợ trên Hệ thống thông tin quản lý thuế đối với các khoản nợ lệ phí môn bài và tiền chậm nộp lệ phí môn bài quy định tại khoản 1 Điều này."* Đối với các doanh nghiệp, hộ kinh doanh ngừng, bỏ kinh doanh tại địa chỉ đã đăng ký với cơ quan thuế, trạng thái 03, 06 tồn đọng trên 10 năm (như đề cập tại Điều 4 Dự thảo của Chính phủ), còn có các khoản được theo dõi,	**Cơ quan soạn thảo xin báo cáo như sau:** Tiếp thu ý kiến tại khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị quyết sau chỉnh lý đã bổ sung quy định lệ phí môn bài bao gồm thuế môn bài theo pháp luật có hiệu lực trước ngày 01/01/2017; tiền chậm nộp bao gồm tiền phạt chậm nộp theo pháp luật quản lý thuế có hiệu lực trước ngày 01/7/2013. Quy định này được áp dụng thống nhất trong toàn bộ Nghị quyết, bao gồm việc xử lý tại Điều 4. Theo đó, các khoản nợ thuế môn bài của thời kỳ trước năm 2017 và tiền chậm nộp có liên quan được xem xét xử lý khi đáp ứng đầy đủ đối tượng, phạm vi và điều kiện của Nghị quyết, không bị bỏ sót do thay đổi tên gọi hoặc mã tiểu mục hạch toán. Cơ quan quản lý thuế phải đối chiếu bản chất, nguồn gốc và thời kỳ phát sinh nghĩa vụ; không chỉ căn cứ mã tiểu mục hiện đang theo dõi để xác định khoản được xóa. Với quy định bao quát tại Điều 1, không cần lặp lại cụm từ "thuế môn bài" tại từng điều, khoản. Nội dung về thẩm quyền,

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		quản lý trên hệ thống thuộc các tiểu mục cũ của Thuế môn bài (hiện được theo dõi chuyển đổi ở tiểu mục 4949). Nếu Quốc hội ban hành Nghị quyết chỉ ghi "Lệ phí môn bài", Thuế cơ sở sẽ vi phạm pháp luật nếu tự ý áp dụng để xóa nợ cho các khoản "Thuế môn bài". Đề nghị ban soạn thảo hiệu chỉnh tiêu đề và nội dung Điều 4 Dự thảo của Quốc hội thành: "Điều 4. Xóa nợ thuế môn bài, lệ phí môn bài và tiền chậm nộp của khoản nợ này". Tương tự, tại khoản 1 Điều 4, điểm a khoản 2 và điểm a.1, a.2 khoản 2 Điều 6 đều phải bổ sung cụm từ "thuế môn bài" để đảm bảo cơ quan thuế có đủ căn cứ pháp lý xử lý triệt để các khoản nợ đọng lịch sử.	trình tự xử lý tại Điều 6 của bản lấy ý kiến đã được chuyển sang văn bản do Chính phủ quy định theo khoản 3 Điều 6 dự thảo hoàn thiện; khi xây dựng sẽ bảo đảm thống nhất phạm vi xử lý, bao gồm cả nợ thuế môn bài và các khoản liên quan của thời kỳ trước.
Khoản 1 Điều 4 – Xóa nợ môn bài	Thuế thành phố Hà Nội; Thuế TP Cần Thơ	Đề nghị bao quát cả "thuế môn bài" theo quy định trước 01/01/2017 và "tiền phạt chậm nộp" theo quy định trước 01/7/2013, bên cạnh lệ phí môn bài và tiền chậm nộp; áp dụng với khoản phát sinh đến hết 31/12/2025 được hạch toán, theo dõi trên hệ thống.	**Cơ quan soạn thảo tiếp thu và hoàn thiện tại khoản 1 Điều 1 như sau:** *1. Nghị quyết này quy định chính sách đặc thù về việc xử lý xóa nợ lệ phí môn bài (bao gồm thuế môn bài theo quy định của pháp luật có hiệu lực trước ngày 01/1/2017) và tiền chậm nộp (bao gồm tiền phạt chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế có hiệu lực trước ngày 01/7/2013) của người nộp thuế được cơ quan thuế xác định ở trạng thái ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế hoặc không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký tính đến ngày 21 tháng 11 năm 2026.*
Điều 4:	Hội tư vấn thuế Việt Nam	Đề nghị chỉ xóa nợ lệ phí môn bài và tiền chậm nộp lệ phí môn bài của NNT kể từ thời điểm ngừng hoạt động (thời điểm cơ quan thuế chuyển sang trạng thái 06, 03) và trường hợp NNT đang ở trạng thái hoạt động nhưng không phát sinh doanh thu trong năm tính thuế. Riêng đối với NNT đang hoạt động, có phát sinh doanh thu, còn nợ lệ phí môn bài và tiền chậm nộp lệ phí môn bài của thời gian đang hoạt động thì đề nghị cân nhắc có thêm phương án chỉ xóa tiền chậm nộp lệ phí môn bài phát sinh từ ngày 1/1/2026 là thời điểm chính sách thu lệ	**Cơ quan soạn thảo xin giải trình như sau:** **Thứ nhất,** dự thảo Nghị quyết xác định trạng thái 03, 06 đến ngày 21/11/2026 là căn cứ xác định đối tượng áp dụng, không phải mốc bắt đầu xác định khoản nợ được xử lý. Điều 4 quy định xử lý nợ lệ phí môn bài phát sinh đến hết ngày 31/12/2025 và tiền chậm nộp tương ứng nhằm tháo gỡ các nghĩa vụ tồn đọng của người nộp thuế thuộc đối tượng áp dụng. Nếu chỉ xử lý khoản phát sinh sau ngày chuyển trạng thái thì chưa giải quyết đầy đủ tồn đọng; đồng thời, có thể tạo khác biệt giữa các trường hợp có cùng tình trạng thực tế nhưng

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		phí môn bài bãi bỏ nhằm đảm bảo bình đẳng với NNT khác.	được cơ quan thuế cập nhật trạng thái vào các thời điểm khác nhau. Do đó, đề nghị giữ phạm vi xử lý như dự thảo. **Thứ hai,** không phát sinh doanh thu trong một năm chưa đủ căn cứ xác định người nộp thuế đã thực tế ngừng hoạt động. Việc bổ sung nhóm này sẽ mở rộng đối tượng ngoài phạm vi xử lý tồn đọng của người nộp thuế trạng thái 03, 06 được xác định tại Điều 2. Vì vậy, đề nghị không bổ sung đối tượng theo kiến nghị. **Thứ ba, về đề nghị xóa tiền chậm nộp phát sinh từ ngày 01/01/2026 cho người nộp thuế đang hoạt động, có doanh thu:** Việc chấm dứt thu, nộp lệ phí môn bài từ ngày 01/01/2026 không đồng nghĩa với xóa các nghĩa vụ đã phát sinh trước thời điểm này. Nếu bổ sung chính sách theo kiến nghị sẽ mở rộng phạm vi hỗ trợ sang người nộp thuế đang hoạt động, chưa phù hợp với mục tiêu xử lý tồn đọng của dự thảo. Để bảo đảm công bằng và phòng ngừa lợi dụng, dự thảo đã giới hạn đối tượng, điều kiện áp dụng; loại trừ người nộp thuế thực tế vẫn phát sinh hoạt động sản xuất, kinh doanh trong thời gian ở trạng thái 03, 06; trừ trường hợp thanh lý tài sản, hàng hóa tồn kho; đồng thời chỉ xử lý số tiền còn nợ, đáp ứng đầy đủ điều kiện theo Nghị quyết.
Điều 5	Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Hưng Yên	Đề nghị: (i) làm rõ cách xác định việc "nộp đủ nợ gốc" và thời điểm xác định hồ sơ hợp lệ, nhất là trường hợp hồ sơ được nộp đúng hạn nhưng được cơ quan có thẩm quyền xử lý sau thời hạn, để bảo đảm quyền lợi chính đáng của người nộp thuế; (ii) cân nhắc quy định thời hạn áp dụng tại khoản 1 Điều 7 đủ dài để người nộp thuế, nhất là người nộp thuế ở khu vực nông thôn, có điều kiện tiếp cận và thực hiện; (iii) làm rõ phương án xử lý đối với trường hợp người nộp thuế không còn khả năng nộp nợ gốc.	**Cơ quan chủ trì soạn thảo xin giải trình như sau:** **(i) Về xác định việc nộp đủ nợ gốc và hồ sơ hợp lệ** "Nộp đủ nợ gốc" là hoàn thành số tiền thuế, tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính và các khoản thu khác phải nộp thuộc phạm vi xác định tại khoản 2 Điều 1 dự thảo, trừ lệ phí môn bài. Cơ quan quản lý thuế căn cứ dữ liệu quản lý, chứng từ nộp ngân sách và kết quả điều chỉnh nghĩa vụ hợp pháp để xác định; không yêu cầu người nộp thuế thực hiện thủ tục đối chiếu, xác nhận riêng. Theo khoản 1 Điều 5, hồ sơ đề nghị khôi phục hoặc chấm dứt hiệu lực mã số thuế phải **đầy đủ, hợp lệ và được cơ quan thuế tiếp nhận chậm nhất ngày 30/6/2028**. Mốc này được xác định theo việc tiếp nhận hồ sơ hợp lệ, không phải ngày cơ

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			quan thuế hoàn tất giải quyết. Việc nộp hồ sơ còn thiếu trước thời hạn không đương nhiên đáp ứng điều kiện. Khoản 2 Điều 6 đã quy định cơ quan thuế tiếp tục giải quyết sau ngày 30/6/2028 đối với trường hợp đáp ứng đầy đủ điều kiện về hồ sơ và nộp đủ nợ gốc chậm nhất ngày này, kể cả trường hợp phải chờ kết luận của cơ quan có thẩm quyền để xác định khoản nợ có thuộc diện loại trừ hay không. Quy định này bảo đảm quyền lợi không bị ảnh hưởng do thời gian xử lý của cơ quan nhà nước. **(ii) Về thời hạn áp dụng** Khoản 1 Điều 6 dự thảo Nghị quyết quy định áp dụng chính sách từ ngày 21/11/2026 đến hết ngày 30/6/2028, khoảng 19 tháng, đồng thời có cơ chế tiếp tục giải quyết hồ sơ đủ điều kiện sau thời hạn này. Thời gian áp dụng nhằm tạo điều kiện tiếp cận, thực hiện nhưng vẫn bảo đảm tính chất xử lý một lần các tồn đọng lịch sử. Đề nghị giữ thời hạn như dự thảo; đồng thời tăng cường thông tin trực tiếp, hỗ trợ tại cơ sở và hướng dẫn dễ tiếp cận, nhất là đối với người nộp thuế ở khu vực nông thôn, không chỉ thông báo qua phương thức điện tử. **(iii) Về trường hợp không còn khả năng nộp nợ gốc** Điều kiện nộp đủ nợ gốc tại Điều 5 áp dụng cho chính sách xóa tiền chậm nộp của Nghị quyết, không thay thế cơ chế khoanh nợ, xóa nợ theo pháp luật về quản lý thuế. Trường hợp không còn khả năng thanh toán, cơ quan thuế phải rà soát, phân loại và xem xét xử lý theo các điều kiện tương ứng của pháp luật hiện hành; không mặc nhiên yêu cầu nộp đủ nợ gốc để được xem xét theo cơ chế này. Trường hợp chưa đáp ứng điều kiện xóa nợ theo luật thì tiếp tục quản lý, xử lý theo quy định; không xóa nợ gốc chỉ dựa trên trạng thái 03, 06 hoặc việc người nộp thuế tự xác định không còn khả năng tài chính.
Điều 5: Về điều kiện nộp đủ nợ gốc	Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh	Trên thực tế, phần lớn các đối tượng thuộc trạng thái 03 và 06 đã ngừng hoạt động trong thời gian rất dài (có hơn	**Cơ quan chủ trì soạn thảo xin giải trình như sau:**

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Ninh Bình	529 nghìn trường hợp ngừng hoạt động trên 10 năm), tài sản đã thanh lý hoặc không còn, hồ sơ sổ sách thất lạc. Việc yêu cầu bắt buộc phải nộp đủ 100% nợ gốc mới được xem xét xóa tiền chậm nộp đối với các trường hợp không còn khả năng thanh toán sẽ tiếp tục tạo ra rào cản lớn, khiến người nộp thuế không có động lực quay lại hoàn tất thủ tục. Do đó, đề nghị Ban soạn thảo nghiên cứu phân hóa rõ nhóm đối tượng thực sự không còn khả năng thanh toán nợ gốc (đã có xác minh của cơ quan thuế, cơ quan công an hoặc đang thực hiện thủ tục phá sản theo quy định tại Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15) để có cơ chế xử lý linh hoạt hơn (như áp dụng khoanh nợ gốc kèm điều kiện xóa tiền chậm nộp hoặc áp dụng trình tự xử lý theo thủ tục pháp lý rút gọn), nhằm bảo đảm mục tiêu làm sạch dứt điểm cơ sở dữ liệu mã số thuế phục vụ đánh giá chuyên sâu của Diễn đàn Toàn cầu vào quý II/2028.	Cơ quan chủ trì soạn thảo ghi nhận khó khăn của người nộp thuế đã ngừng hoạt động lâu năm, không còn khả năng thanh toán. Tuy nhiên, **thời gian ngừng hoạt động kéo dài chưa đủ để xác định không còn khả năng thu hồi nợ**; cần phân biệt tình trạng hoạt động, tài sản, chủ thể có trách nhiệm và điều kiện xử lý từng khoản nợ. Điều kiện nộp đủ nợ gốc tại Điều 5 áp dụng đối với cơ chế đặc thù nhằm khuyến khích thu hồi nghĩa vụ gốc và hoàn tất thủ tục mã số thuế. Điều kiện này **không thay thế hoặc hạn chế cơ chế khoanh nợ, xóa nợ theo Luật Quản lý thuế**. Trường hợp thực sự không còn khả năng thanh toán phải được rà soát, phân loại và xử lý theo các điều kiện tương ứng của pháp luật hiện hành; không chỉ hướng dẫn người nộp thuế nộp đủ nợ gốc để hưởng chính sách tại Điều 5. Việc đã có xác minh của cơ quan thuế, cơ quan công an hoặc đang thực hiện thủ tục phá sản là căn cứ phục vụ xem xét, nhưng chưa đồng nghĩa đã đáp ứng đầy đủ điều kiện xóa nợ. Đề xuất khoanh nợ gốc đồng thời xóa tiền chậm nộp sẽ hình thành cơ chế hỗ trợ khác với phương án thu đủ nợ gốc của dự thảo Nghị quyết, cần đánh giá riêng về đối tượng, khả năng thu hồi, tác động ngân sách và kiểm soát lợi dụng. Do đó, đề nghị chưa bổ sung cơ chế này hoặc thủ tục rút gọn làm thay đổi điều kiện xử lý nợ tại Nghị quyết. **Tiếp thu yêu cầu phân hóa đối tượng**, việc tổ chức thực hiện cần xác định rõ: nhóm còn khả năng thanh toán để vận động áp dụng Điều 5; nhóm đủ điều kiện xử lý theo Luật để giải quyết theo cơ chế tương ứng; nhóm chưa đủ căn cứ thì xác minh, làm rõ hướng xử lý, tránh kéo dài hồ sơ không có lý do cụ thể. Mục tiêu chuẩn hóa dữ liệu phục vụ đánh giá quốc tế phải gắn với phản ánh đúng tình trạng thực tế, lưu giữ thông tin và

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			tiếp tục quản lý nghĩa vụ chưa được xử lý hợp pháp; không đồng nhất việc làm sạch dữ liệu với xóa toàn bộ nợ hoặc chấm dứt mọi mã số thuế tồn đọng trước thời điểm đánh giá.
Khoản 2 Điều 5	Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Điện Biên	Tại khoản 2 Điều 5 dự thảo Nghị quyết dẫn chiếu quy định của Luật Quản lý thuế. Để bảo đảm đúng quy định về việc viện dẫn văn bản tại Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐCP ngày 01/4/2025, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, chỉnh lý dẫn chiếu "...theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 38 Luật Quản lý thuế" thành "...theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 38 Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15".	**Tiếp thu ý kiến**, cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, bổ sung số, ký hiệu của Luật Quản lý thuế tại lần viện dẫn đầu tiên, bảo đảm xác định chính xác văn bản được viện dẫn và thống nhất trong toàn bộ dự thảo. Tại dự thảo sau chỉnh lý, nội dung xác định tiền thuế nợ gốc đã được chuyển về khoản 2 Điều 1 và dẫn chiếu **điểm b khoản 1 Điều 38**, không còn dẫn chiếu điểm a và điểm b như bản dự thảo được góp ý. Theo đó, chỉnh lý thành: **"...quy định tại điểm b khoản 1 Điều 38 Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 (trừ lệ phí môn bài)"**.
Khoản 2 Điều 5	Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Thanh Hóa	Dự thảo quy định người nộp thuế phải thanh toán đầy đủ tiền thuế nợ gốc, bao gồm cả tiền xử phạt vi phạm hành chính do cơ quan quản lý thuế thực hiện. Đề nghị làm rõ cách xác định số tiền phạt phải thanh toán đối với trường hợp được áp dụng mức phạt đặc thù theo dự thảo Nghị quyết của Chính phủ, bảo đảm thống nhất giữa hai chính sách và thuận lợi trong tổ chức thực hiện.	Cơ quan soạn thảo xin giải trình như sau: Tiếp thu ý kiến, số tiền phạt vi phạm hành chính phải thanh toán để đáp ứng điều kiện nộp đủ nợ gốc tại Điều 5 được xác định theo **nghĩa vụ thực tế còn phải nộp sau khi áp dụng chính sách đặc thù tại Nghị quyết của Chính phủ**, nếu người nộp thuế thuộc đối tượng và đáp ứng đầy đủ điều kiện áp dụng. Cụ thể, trường hợp chưa ban hành quyết định xử phạt thì xác định số tiền phạt theo chính sách đặc thù; trường hợp đã ban hành quyết định thì việc điều chỉnh, giảm tiền phạt phải được thực hiện theo đúng cơ chế, thẩm quyền quy định tại Nghị quyết của Chính phủ. **Phần tiền phạt đã được giảm hợp pháp không tính vào số nợ gốc phải nộp để được xóa tiền chậm nộp.** Cơ quan quản lý thuế có trách nhiệm cập nhật số tiền phạt còn phải nộp trên hệ thống, thông tin cho người nộp thuế và phối hợp xử lý trong cùng quá trình giải quyết hồ sơ khôi phục hoặc chấm dứt hiệu lực mã số thuế; không yêu cầu người nộp thuế nộp thêm hồ sơ xác nhận riêng về số tiền phạt.

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			Việc được áp dụng chính sách đặc thù về xử phạt **không đồng nghĩa đương nhiên được xóa tiền chậm nộp**; người nộp thuế vẫn phải đáp ứng đầy đủ đối tượng, phạm vi và điều kiện của Nghị quyết của Quốc hội.
Điều 5:	Bộ Xây dựng	Điều 5 dự thảo quy định việc xóa tiền chậm nộp phải gắn với kết quả thu hồi đủ khoản tiền thuế nợ gốc. Quy định này bảo đảm không thất thu ngân sách đối với phần nợ gốc, vừa tạo động lực để người nộp thuế tự nguyện hoàn thành nghĩa vụ. Tuy nhiên, đề nghị nghiên cứu, bổ sung cơ chế xử lý đối với các trường hợp nợ gốc quá nhỏ hoặc chi phí cưỡng chế thu hồi nợ gốc lớn hơn số thu thực tế, tránh việc cơ quan thuế tiếp tục tốn kém nguồn lực theo dõi các khoản nợ không có khả năng thu hồi này.	**Cơ quan chủ trì soạn thảo xin giải trình như sau:** Cơ quan chủ trì soạn thảo ghi nhận yêu cầu nâng cao hiệu quả quản lý, tránh sử dụng nguồn lực thu hồi nợ không tương xứng với số tiền có khả năng thu. Tuy nhiên, giá trị khoản nợ nhỏ hoặc chi phí cưỡng chế lớn hơn số dự kiến thu không đồng nghĩa khoản nợ không còn khả năng thu hồi. Việc xử lý cần căn cứ tình trạng tài sản, khả năng thanh toán, tuổi nợ và các biện pháp thu hồi đã thực hiện. Điều 5 dự thảo được xây dựng theo hướng xóa tiền chậm nộp có điều kiện để khuyến khích người nộp thuế nộp đủ nợ gốc và thực hiện thủ tục khôi phục hoặc chấm dứt hiệu lực mã số thuế. Nếu bổ sung ngoại lệ không phải nộp đủ nợ gốc theo tiêu chí chi phí thu hồi, chính sách sẽ mở rộng sang xóa nợ gốc, cần có tiêu chí xác định, phương pháp tính chi phí, cơ chế kiểm soát và đánh giá tác động ngân sách đầy đủ để bảo đảm áp dụng thống nhất, tránh tùy nghi. Do đó, đề nghị giữ điều kiện nộp đủ nợ gốc tại Điều 5. Các khoản nợ đáp ứng điều kiện xóa theo pháp luật về quản lý thuế tiếp tục được xử lý theo quy định tương ứng. Đối với khoản nợ nhỏ, tiếp thu để nghiên cứu cơ chế quản lý phù hợp trên cơ sở đánh giá khả năng thu hồi và chi phí thực tế; trước mắt, tăng cường xử lý tự động, áp dụng biện pháp thu nợ phù hợp với mức độ rủi ro để giảm chi phí quản lý.
Điểm a khoản 2 Điều 5: *a) Người nộp thuế đã nộp đầy đủ hồ sơ hợp lệ đề nghị khôi phục mã số thuế hoặc chấm dứt hiệu lực*	Bộ Công an	Điểm a khoản 2 Điều 5 quy định điều kiện xoá tiền chậm nộp đối với người nộp thuế ở trạng thái 03, trạng thái 06 là "Người nộp thuế đã thực hiện thủ tục khôi phục mã số thuế hoặc chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo quy định của pháp luật quản lý thuế trước ngày Nghị	**Cơ quan soạn thảo xin báo cáo như sau:** Tiếp thu ý kiến, khoản 1 Điều 5 dự thảo đã được chỉnh lý, xác định điều kiện là người nộp thuế đã nộp đủ nợ gốc phải nộp và nộp đầy đủ hồ sơ hợp lệ đề nghị khôi phục hoặc chấm dứt hiệu lực mã số thuế, được cơ quan thuế tiếp nhận chậm

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
mã số thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế, được cơ quan thuế tiếp nhận chậm nhất vào ngày kết thúc thời hạn áp dụng Nghị quyết quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị quyết này.		quyết này hết hiệu lực thi hành". Tuy nhiên, trong thực tế có thể xảy ra trường hợp người nộp thuế đã nộp hồ sơ (đầy đủ, hợp lệ) lên cơ quan thuế đảm bảo thời gian trước ngày Nghị quyết hết hiệu lực thi hành nhưng do thời gian xử lý của cơ quan thuế không đảm bảo hoàn thành các thủ tục khôi phục mã số thuế hoặc chấm dứt hiệu lực mã số thuế sau ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì có được hưởng chính sách đặc thù của Nghị quyết này hay không? Vì vậy, cần nghiên cứu bổ sung vào dự thảo Nghị quyết hoặc thuyết minh làm rõ để thống nhất thực hiện.	nhất ngày 30/6/2028; không yêu cầu phải hoàn tất việc giải quyết thủ tục mã số thuế trước ngày này. Đồng thời, khoản 2 Điều 6 quy định cơ quan quản lý thuế tiếp tục giải quyết sau ngày 30/6/2028 đối với trường hợp đã đáp ứng đầy đủ điều kiện đúng hạn nhưng chưa hoàn thành việc xóa tiền chậm nộp hoặc giải quyết thủ tục về mã số thuế. Như vậy, trường hợp người nộp thuế đã nộp đủ nợ gốc và có hồ sơ đầy đủ, hợp lệ được tiếp nhận đúng hạn vẫn được xem xét hưởng chính sách, dù cơ quan thuế hoàn tất xử lý sau thời hạn áp dụng. Quy định này bảo đảm quyền lợi không phụ thuộc tiến độ giải quyết của cơ quan nhà nước, nhưng không gia hạn thời gian hoàn thiện hồ sơ hoặc thanh toán nghĩa vụ đối với trường hợp chưa đáp ứng điều kiện đúng hạn.
Điểm b khoản 2 Điều 5: *b) Người nộp thuế đã thanh toán đủ tiền thuế nợ gốc chậm nhất vào ngày kết thúc thời hạn áp dụng Nghị quyết quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị quyết này. Trường hợp không còn tiền thuế nợ gốc phải thanh toán thì được xác định là đáp ứng điều kiện này trên cơ sở dữ liệu đã được cơ quan thuế đối chiếu, xác nhận.* *Tiền thuế nợ gốc quy định tại Điều này là tiền thuế, tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính do cơ quan quản lý thuế thực hiện và các khoản thu khác theo quy định tại*	Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Cao Bằng	Đề nghị quy định cơ quan thuế xác định, đối chiếu và thông báo cho người nộp thuế số tiền thuế nợ gốc phải nộp để làm căn cứ đáp ứng điều kiện tại điểm b khoản 2 Điều 5, bảo đảm số tiền nộp được hạch toán đúng khoản phải nộp, không phân bổ vào khoản tiền chậm nộp thuộc diện xem xét xóa.	Tại điểm c khoản 5 Điều 16 Thông tư số 90/2026/TT-BTC đã quy định trách nhiệm của cơ quan thuế trong việc lập danh sách các hồ sơ khai thuế còn thiếu, tình hình sử dụng hóa đơn, số tiền thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước phải nộp hoặc còn nợ khi tiếp nhận hồ sơ đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế của người nộp thuế; đồng thời, người nộp thuế có trách nhiệm hoàn thành các nghĩa vụ thuế theo quy định. Như vậy, quy định hiện hành đã xác định trách nhiệm của cơ quan thuế trong việc rà soát, thông báo các nghĩa vụ tài chính còn phải thực hiện của người nộp thuế, làm cơ sở để người nộp thuế thực hiện nghĩa vụ nộp thuế. Do đó, không cần thiết bổ sung quy định riêng về việc cơ quan thuế xác định, đối chiếu và thông báo số tiền thuế nợ gốc tại Nghị quyết này, nhằm tránh trùng lặp với quy định hiện hành.

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
điểm a, b khoản 1 Điều 38 Luật Quản lý thuế, không bao gồm khoản nợ lệ phí môn bài được xóa theo Điều 4 Nghị quyết này.			
Điều 5	Thuế tỉnh Hà Tĩnh	Về điều kiện xóa tiền chậm nộp gắn với nộp đủ nợ gốc: Đối với các hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh hoặc doanh nghiệp siêu nhỏ đã ngừng hoạt động trên 10 năm, việc truy thu toàn bộ nợ gốc (nếu có phát sinh ngoài môn bài) đôi khi vẫn gặp khó khăn do chủ doanh nghiệp đã mất tích, già yếu hoặc không còn khả năng tài chính. Đề nghị cần bổ sung hướng dẫn chi tiết hoặc tiêu chí phân loại rõ hơn đối với các khoản nợ gốc quá cũ mà xác định chắc chắn không có khả năng thu hồi (ví dụ xem xét áp dụng đồng bộ với các điều kiện xóa nợ theo Luật Quản lý thuế) để cơ quan thuế địa phương có cơ sở xử lý dứt điểm, tránh việc treo hồ sơ kéo dài.	**Cơ quan chủ trì soạn thảo xin giải trình như sau:** Cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp thu yêu cầu phân loại, hướng dẫn xử lý các khoản nợ tồn đọng lâu năm, không còn khả năng thu hồi, tránh kéo dài việc giải quyết hồ sơ. Cần phân biệt chính sách xóa tiền chậm nộp có điều kiện tại Điều 5 dự thảo với cơ chế xóa tiền thuế nợ theo Luật Quản lý thuế. Điều kiện nộp đủ nợ gốc tại Điều 5 nhằm khuyến khích thu hồi nghĩa vụ còn có khả năng thực hiện; không thay thế hoặc hạn chế việc xem xét xóa nợ đối với trường hợp đáp ứng điều kiện của Luật. Điểm c khoản 1 Điều 21 Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 đã quy định việc xóa khoản tiền thuế nợ quá 10 năm kể từ ngày hết thời hạn nộp, không có khả năng thu hồi và đã áp dụng biện pháp cưỡng chế theo quy định. Do đó, thời gian ngừng hoạt động trên 10 năm không đồng nhất với tuổi nợ trên 10 năm và không đương nhiên đủ điều kiện xóa nợ. Tình trạng mất tích, già yếu hoặc khó khăn tài chính cũng cần được xem xét cùng các căn cứ pháp lý, tài sản và khả năng thực hiện nghĩa vụ, không sử dụng riêng làm căn cứ xóa nợ. Theo đó, trong tổ chức thực hiện, cơ quan thuế cần rà soát, phân loại rõ: khoản đủ điều kiện xóa nợ theo Luật thì lập hồ sơ xử lý theo quy định; khoản chưa đủ điều kiện thì xác định cụ thể căn cứ còn thiếu và hướng xử lý, không chỉ yêu cầu người nộp thuế nộp đủ nợ gốc để được áp dụng Điều 5. Việc hướng dẫn nhằm thống nhất áp dụng các cơ chế hiện có, không đặt thêm điều kiện hoặc mở rộng trường hợp xóa nợ ngoài quy định.

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Điểm b khoản 2 Điều 5: *b) Người nộp thuế đã thanh toán đủ tiền thuế nợ gốc chậm nhất vào ngày kết thúc thời hạn áp dụng Nghị quyết quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị quyết này. Trường hợp không còn tiền thuế nợ gốc phải thanh toán thì được xác định là đáp ứng điều kiện này trên cơ sở dữ liệu đã được cơ quan thuế đối chiếu, xác nhận. Tiền thuế nợ gốc quy định tại Điều này là tiền thuế, tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính do cơ quan quản lý thuế thực hiện và các khoản thu khác theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 38 Luật Quản lý thuế, không bao gồm khoản nợ lệ phí môn bài được xóa theo Điều 4 Nghị quyết này.*	Thuế tỉnh Nghệ An	**Đề nghị sửa đổi:** *"Tiền thuế nợ gốc quy định tại Điều này là tiền thuế, tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính do cơ quan quản lý thuế thực hiện và các khoản thu khác theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 38 Luật Quản lý thuế, không bao gồm khoản nợ lệ phí môn bài được xóa theo Điều 4 Nghị quyết này."* **Lý do:** điểm 1 khoản 1 Điều 38 Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 quy định: *"a) Tổ chức thực hiện quản lý thu đối với các loại thuế theo quy định của của pháp luật về thuế, **tiền chậm nộp,** tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính do cơ quan quản lý thuế thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;"*	**Tiếp thu chỉnh lý tại dự thảo Nghị quyết như sau:** *"Tiền thuế nợ gốc quy định tại khoản này là tiền thuế, tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính và các khoản thu khác quy định tại điểm b khoản 1 Điều 38 Luật Quản lý thuế (trừ lệ phí môn bài)."*
Khoản 2 Điều 5	Hội tư vấn thuế Việt Nam	Bổ sung điểm a khoản 2 "Điều kiện xóa tiền chậm nộp" đối với các trường hợp xóa nợ có tiền nợ gốc nhỏ (đến 02 triệu đồng/doanh nghiệp, 01 triệu đồng/cá nhân) thì sau khi cơ quan thuế (CQT) xóa tiền nợ gốc, sẽ xóa luôn tiền chậm nộp của khoản nợ này. Tại điểm b khoản 2 Điều này cần làm rõ điều kiện xóa tiền chậm nộp: việc xác định NNT 03, 06 đã nộp đủ tiền thuế nợ gốc do CQT xác định căn cứ cơ sở	**Cơ quan chủ trì soạn thảo xin giải trình như sau:** **– Về đề nghị xóa nợ gốc có giá trị nhỏ và tiền chậm nộp tương ứng:** Ngoài chính sách xử lý lệ phí môn bài quy định riêng tại Điều 4, dự thảo không bổ sung cơ chế xóa nợ gốc theo ngưỡng giá trị. Khoản nợ nhỏ chưa đủ căn cứ xác định người nộp thuế không còn khả năng thực hiện nghĩa vụ. Việc bổ sung các ngưỡng 02 triệu đồng/doanh nghiệp và 01 triệu đồng/cá nhân

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		dữ liệu (CSDL) quản lý thuế; nếu quy định cơ quan thuế đối chiếu, xác nhận sẽ thêm thủ tục hành chính cho NNT vì sẽ được hiểu là phải có biên bản đối chiếu, xác nhận giữa CQT và NNT trong khi tại điểm b khoản 2 Điều 6 cũng không quy định thủ tục đối chiếu, xác nhận này.	cần được đánh giá đầy đủ về đối tượng, khả năng thu hồi, tác động ngân sách và sự công bằng với người đã hoàn thành nghĩa vụ. Điều 5 dự thảo lựa chọn cơ chế xóa tiền chậm nộp khi người nộp thuế đã nộp đủ nợ gốc và nộp hồ sơ hợp lệ đề nghị khôi phục hoặc chấm dứt hiệu lực mã số thuế, nhằm khuyến khích thu hồi nợ gốc và giải quyết tình trạng đăng ký thuế tồn đọng. **Do đó, đề nghị giữ điều kiện này như dự thảo.** Các khoản nợ đáp ứng điều kiện xóa theo pháp luật về quản lý thuế tiếp tục được xem xét, xử lý theo quy định tương ứng. **– Về việc xác định đã nộp đủ nợ gốc và thủ tục đối chiếu, xác nhận:** Tiếp thu ý kiến, dự thảo sau chỉnh lý không quy định người nộp thuế phải thực hiện thủ tục đối chiếu, xác nhận nợ riêng để được xóa tiền chậm nộp. Khoản 1 Điều 3 xác định nguyên tắc không phát sinh thủ tục hành chính riêng; khoản 3 Điều 6 quy định người nộp thuế không phải lập hồ sơ đề nghị xử lý xóa nợ, cơ quan quản lý thuế căn cứ cơ sở dữ liệu trên Hệ thống thông tin quản lý thuế để thực hiện. Theo đó, việc xác định người nộp thuế đã nộp đủ nợ gốc thuộc trách nhiệm rà soát, kiểm tra dữ liệu của cơ quan quản lý thuế trong quá trình giải quyết hồ sơ khôi phục hoặc chấm dứt hiệu lực mã số thuế; **không đặt thêm yêu cầu phải có biên bản đối chiếu hoặc văn bản xác nhận giữa cơ quan thuế và người nộp thuế làm điều kiện hưởng chính sách.** Trường hợp dữ liệu có sai lệch, việc tra soát, điều chỉnh được thực hiện theo quy định hiện hành.
Khoản 2 Điều 5: *Tiền thuế nợ gốc quy định tại Điều này là tiền thuế, tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính do cơ quan quản lý thuế thực hiện và các khoản thu*	Hội tư vấn và đại lý thuế TPHCM	Theo khoản 2 Điều.5, tiền thuế nợ gốc bao gồm cả tiền phạt vi phạm hành chính. Đề nghị quy định rõ tiền phạt được xác định theo mức đã giảm tại Nghị quyết của Chính phủ, và hướng dẫn trình tự thống nhất: NNT nộp hồ sơ khai thuế còn thiếu → cơ quan thuế ban hành quyết định xử phạt theo mức giảm → NNT nộp đủ nợ gốc và tiền phạt → cơ quan thuế xóa tiền chậm nộp và giải	**Cơ quan chủ trì soạn thảo xin giải trình như sau:** **– Về tiền phạt và trình tự thực hiện liên thông giữa hai Nghị quyết:** Cần phân biệt việc nộp bổ sung hồ sơ khai thuế của các kỳ trước khi ngừng hoạt động với việc phát sinh hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc nghĩa vụ thuế từ hoạt động sản xuất, kinh doanh trong thời gian ở trạng thái 03, 06.

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
khác theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 38 Luật Quản lý thuế, không bao gồm khoản nợ lệ phí môn bài được xóa theo Điều 4 Nghị quyết này.		quyết hồ sơ đăng ký thuế. Nếu không có hướng dẫn liên thông, NNT có thể phải thực hiện nhiều lượt thủ tục với các bộ phận khác nhau của cơ quan thuế. Đối với NNT có số nợ gốc lớn nhưng có thiện chí khắc phục, đề nghị cho phép nộp dần tiền thuế nợ gốc theo pháp luật quản lý thuế trong thời hạn áp dụng Nghị quyết; tiền chậm nộp được xác định đến ngày NNT nộp hồ sơ hợp lệ và có cam kết nộp dần, và được xóa khi NNT hoàn thành nộp đủ nợ gốc trước ngày 30/6/2028.	Trường hợp người nộp thuế thực tế phát sinh hoạt động hoặc nghĩa vụ thuế từ hoạt động sản xuất, kinh doanh trong thời gian này thì thuộc trường hợp loại trừ tại điểm b khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị quyết của Quốc hội, trừ hoạt động thanh lý tài sản, hàng hóa tồn kho. Việc thực hiện nghĩa vụ khai thuế và được áp dụng chính sách xử phạt tại Nghị quyết của Chính phủ, nếu đủ điều kiện, **không đồng nghĩa được xóa tiền chậm nộp theo Nghị quyết của Quốc hội.** Ngược lại, việc nộp bổ sung hồ sơ khai thuế của kỳ trước thời gian ngừng hoạt động không tự làm phát sinh căn cứ loại trừ. Đối với người nộp thuế thuộc đối tượng áp dụng, tiền phạt phải nộp được xác định theo quyết định xử phạt, quyết định điều chỉnh hoặc quyết định áp dụng chính sách giảm có hiệu lực của cơ quan có thẩm quyền; không yêu cầu nộp phần tiền phạt đã được giảm hợp pháp. Tiếp thu ý kiến, việc tổ chức thực hiện cần có hướng dẫn liên thông từ rà soát hồ sơ khai thuế, xác định nghĩa vụ và xử lý vi phạm đến nộp đủ nợ gốc, xóa tiền chậm nộp và giải quyết thủ tục mã số thuế; sử dụng chung hồ sơ, dữ liệu, không yêu cầu người nộp thuế thực hiện thêm thủ tục riêng để hưởng từng chính sách. **– Về nộp dần nợ gốc và thời điểm xác định tiền chậm nộp được xóa:** Dự thảo không yêu cầu người nộp thuế phải nộp nợ gốc một lần. Trường hợp thực hiện nộp dần theo pháp luật về quản lý thuế, đã nộp đủ nợ gốc và có hồ sơ hợp lệ đề nghị khôi phục hoặc chấm dứt hiệu lực mã số thuế được cơ quan thuế tiếp nhận chậm nhất ngày 30/6/2028 thì được xem xét xóa tiền chậm nộp nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện của Nghị quyết. Tuy nhiên, **đề nghị giữ thời điểm xác định tiền chậm nộp được xóa là ngày thực tế nộp đủ nợ gốc** theo điểm a khoản 1 Điều 5, không chuyển sang ngày nộp hồ sơ và cam kết nộp dần. Hồ sơ và cam kết chưa thay thế việc hoàn thành nghĩa vụ; quy định như dự thảo bảo đảm thống nhất giữa người nộp một lần và người nộp nhiều lần, đồng thời gắn việc xóa tiền chậm

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			nộp với kết quả thu hồi đủ nợ gốc.
Khoản 2 Điều 5: Bổ sung cơ chế khoanh nợ, xóa nợ thuế gốc vô vọng và xử lý nợ thuế gốc quy mô nhỏ	VCCI	Khoản 2 Điều 5 Dự thảo Nghị quyết của Quốc hội quy định điều kiện bắt buộc để người nộp thuế ở trạng thái 03 và 06 được xóa tiền chậm nộp là phải **nộp đủ 100% số tiền thuế nợ gốc** chậm nhất vào ngày 30/6/2028. Quy định này thể hiện nguyên tắc "đánh đổi tài chính" chặt chẽ nhằm bảo vệ nguồn thu ngân sách và ngăn chặn rủi ro đạo đức (*Moral Hazard*). Tuy nhiên, nếu áp dụng tuyệt đối điều kiện này cho mọi đối tượng sẽ tạo ra điểm nghẽn không thể vượt qua: ***Một là, đối với các khoản nợ thuế gốc "vô vọng" không còn khả năng thu hồi trên thực tế.*** Đó là các trường hợp cá nhân kinh doanh, chủ hộ kinh doanh, người đại diện theo pháp luật đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự; hoặc các doanh nghiệp đã hoàn tất việc xử lý, thanh lý toàn bộ tài sản theo quy định của Luật Phục hồi, phá sản năm 2025 (Luật số 142/2025/QH15) mà ngân sách nhà nước không còn nguồn nào để phân chia thu hồi nợ. Nhóm này hoàn toàn không còn chủ thể hay nguồn tài chính để nộp nợ gốc. Nếu ép điều kiện nộp 100% nợ gốc thì các mã số thuế này vĩnh viễn tồn tại trên hệ thống, vô hiệu hóa mục tiêu làm sạch dữ liệu quốc gia. ***Hai là, thông lệ xử lý nợ thuế quốc tế dựa trên khả năng thanh toán thực tế.*** Sở Thuế vụ Hoa Kỳ (*IRS*) thực hiện rất thành công Chương trình Thỏa hiệp Nộp thuế (*Offer in Compromise - OIC*) theo Mục 7122 Bộ luật Thuế vụ nội địa (*26 U.S. Code § 7122*): IRS chấp thuận giải quyết dứt điểm toàn bộ nghĩa vụ thuế (bao gồm cả nợ gốc) trên cơ sở phân tích Giá trị tài sản ròng có thể thu hồi thực tế (*Net Realizable Value*) và dòng tiền tương lai của người nộp thuế. Nếu người nộp thuế thực sự mất khả năng thanh toán do biến cố khách quan, IRS sẽ xử lý dứt điểm thay vì tiếp tục theo đuổi các khoản nợ không	**Cơ quan chủ trì soạn thảo xin giải trình như sau:** **1. Về đề xuất bổ sung cơ chế khoanh nợ và xóa toàn bộ nợ gốc, tiền phạt, tiền chậm nộp** Pháp luật về quản lý thuế đã quy định cơ chế khoanh nợ, xóa nợ đối với các trường hợp đáp ứng điều kiện. Việc người nộp thuế ở trạng thái ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế (trạng thái 03) hoặc không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký (trạng thái 06) là thông tin phục vụ xác định tình trạng quản lý, **không đủ để kết luận người nộp thuế không còn tài sản hoặc không còn khả năng thực hiện nghĩa vụ.** Điều 21 Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 đã quy định xóa tiền thuế nợ đối với cá nhân đã chết, bị Tòa án tuyên bố đã chết hoặc mất năng lực hành vi dân sự mà không có tài sản; doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, đã thực hiện thanh toán các khoản nợ theo quy định mà không còn tài sản; và các trường hợp khác đáp ứng điều kiện luật định. Các trường hợp này được xem xét theo cơ chế của Luật, không phải thực hiện điều kiện nộp đủ nợ gốc tại Điều 5 dự thảo để được xem xét xóa nợ. Cần phân biệt nghĩa vụ của cá nhân với nghĩa vụ của doanh nghiệp. Việc người đại diện theo pháp luật chết, mất tích hoặc mất năng lực hành vi dân sự không đồng nghĩa doanh nghiệp không còn tài sản hoặc không còn khả năng thanh toán. Vì vậy, không phù hợp nếu chỉ căn cứ tình trạng của người đại diện để xóa toàn bộ nghĩa vụ của doanh nghiệp. Đồng thời, Nghị quyết số 94/2019/QH14 quy định **khoanh nợ tiền thuế, xóa nợ tiền phạt chậm nộp và tiền chậm nộp**, không quy định xóa nợ thuế gốc như ý kiến viện dẫn. Do đó, đề nghị không bổ sung cơ chế xóa toàn bộ nghĩa vụ theo nhóm đối tượng nêu tại kiến nghị; các trường hợp đủ điều kiện khoanh nợ, xóa nợ tiếp tục được xử lý theo pháp luật về quản

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		thể thu hồi. Tại Việt Nam, Quốc hội khóa XIV cũng đã ban hành Nghị quyết số 94/2019/QH14 cho phép xóa nợ tiền thuế gốc đối với các trường hợp bất khả kháng tương tự. ***Ba là, đối với các khoản nợ thuế gốc quy mô nhỏ của doanh nghiệp siêu nhỏ, hộ kinh doanh.*** Nhiều hộ kinh doanh, doanh nghiệp khởi nghiệp thất bại chỉ còn nợ khoản thuế gốc nhỏ (dưới 10 triệu đến vài chục triệu đồng) từ nhiều năm trước nhưng nay đã giải tán, không còn tài sản kê biên. Chi phí quản lý, theo dõi và cưỡng chế của cơ quan thuế đối với các khoản nợ này qua nhiều năm thậm chí còn lớn hơn giá trị khoản nợ. Vì vậy, VCCI kiến nghị Cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung vào Điều 5 Dự thảo Nghị quyết của Quốc hội: **(1) Bổ sung cơ chế khoanh nợ và xóa toàn bộ nợ thuế gốc, tiền phạt, tiền chậm nộp** đối với: *"Người nộp thuế thuộc trạng thái 03, trạng thái 06 mà người đại diện theo pháp luật hoặc chủ cơ sở kinh doanh đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự (có giấy chứng tử hoặc quyết định có hiệu lực của Tòa án); hoặc kết thúc thi hành theo quyết định tuyên bố phá sản của Tòa án."* **(2) Nghiên cứu cơ chế xử lý nợ thuế gốc quy mô nhỏ:** Xem xét cho phép xóa các khoản nợ thuế gốc có giá trị dưới **20 triệu đồng** đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh và dưới **50 triệu đồng** đối với doanh nghiệp siêu nhỏ đã ngừng hoạt động trên 05 năm, sau khi cơ quan thuế đã thực hiện các biện pháp xác minh tài sản nhưng không còn khả năng thu hồi.	lý thuế. **2. Về đề xuất xóa khoản nợ gốc nhỏ theo ngưỡng giá trị** Tiền thuế nợ gốc là nghĩa vụ đã được xác định theo pháp luật. Việc khoản nợ có giá trị nhỏ hoặc người nộp thuế đã ngừng hoạt động trên 05 năm chưa đủ để xác định khoản nợ không còn khả năng thu hồi. Các ngưỡng 20 triệu đồng và 50 triệu đồng cần được đánh giá trên cơ sở số lượng đối tượng, tài sản và khả năng thanh toán, chi phí thu hồi, tác động ngân sách và nguy cơ lợi dụng chính sách. Ngoài chính sách xử lý lệ phí môn bài được quy định riêng tại Điều 4, dự thảo Nghị quyết lựa chọn **xóa tiền chậm nộp có điều kiện**, gắn với việc người nộp thuế đã nộp đủ nợ gốc và nộp hồ sơ hợp lệ đề nghị khôi phục hoặc chấm dứt hiệu lực mã số thuế. Cơ chế này nhằm tăng khả năng thu hồi nợ gốc, khuyến khích người nộp thuế quay lại giải quyết nghĩa vụ và tình trạng đăng ký thuế tồn đọng. Kinh nghiệm Hoa Kỳ về *Offer in Compromise* cho phép giải quyết nghĩa vụ thấp hơn số phải nộp, nhưng phải thẩm định cụ thể tài sản, thu nhập, chi phí, khả năng thu hồi và điều kiện tuân thủ; không tự động xóa nợ theo giá trị khoản nợ hoặc tình trạng ngừng hoạt động. Vì vậy, kinh nghiệm này cần được nghiên cứu trong tổng thể cơ chế quản lý nợ, chưa đủ cơ sở để áp dụng trực tiếp các ngưỡng theo kiến nghị. Do đó, đề nghị chưa bổ sung chính sách xóa nợ gốc theo ngưỡng tiền tại Nghị quyết này. Nội dung xử lý khoản nợ nhỏ, chi phí thu hồi không hiệu quả được tiếp tục nghiên cứu trên cơ sở đánh giá đầy đủ, bảo đảm công bằng với người đã hoàn thành nghĩa vụ và phòng ngừa tâm lý chây ỳ. **3. Về hoàn thiện cơ chế quản lý lâu dài, phòng ngừa tái diễn tồn đọng** Cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp thu yêu cầu gắn xử lý tồn đọng với hoàn thiện cơ chế quản lý thường xuyên. Tuy nhiên, cần phân biệt khoản nghĩa vụ xác định sai phải điều chỉnh, khoản không có khả năng thu hồi và khoản còn có khả năng thu; không đồng nhất toàn bộ số nợ đang theo dõi với "nợ ảo".

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			Việc áp dụng cơ chế giải thể mặc định hoặc xóa tên bắt buộc sau 03–05 năm ảnh hưởng đến tư cách pháp lý, quyền của chủ nợ, người lao động, chủ sở hữu và trách nhiệm lưu giữ, cung cấp thông tin. Do đó, cần đánh giá tổng thể, chưa nên ấn định ngay mô hình và thời hạn cụ thể trong Nghị quyết. Tương tự, việc miễn hồ sơ khai thuế phải gắn với tính chất từng nghĩa vụ; không phát sinh hoạt động kinh doanh chưa đồng nghĩa không phát sinh mọi nghĩa vụ thuế. Theo đó, tiếp thu theo hướng Chính phủ tổng kết thực hiện Nghị quyết, rà soát và đề xuất hoàn thiện pháp luật về quản lý thuế, đăng ký kinh doanh và chấm dứt hoạt động; tăng cường liên thông dữ liệu, phân loại rủi ro, đơn giản hóa nghĩa vụ báo cáo phù hợp với thực tế, đồng thời bảo lưu nghĩa vụ chưa được xử lý và thông tin lịch sử. Việc nghiên cứu sửa đổi luật được thực hiện trên cơ sở kết quả rà soát, đánh giá tác động và theo thẩm quyền.
Khoản 3 Điều 5 – Khoản đã được xóa: *"3. Người nộp thuế đã được xóa tiền chậm nộp theo Nghị quyết số 94/2019/QH14, khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này thì cơ quan có thẩm quyền đã quyết định xóa nợ theo Nghị quyết số 94/2019/QH14 không phải thực hiện thủ tục hủy quyết định xóa tiền chậm nộp đã được ban hành. "*	Thuế thành phố Hà Nội	Đề nghị bổ sung trường hợp đã được xóa tiền chậm nộp theo Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14, ngoài Nghị quyết số 94/2019/QH14, vào nhóm không phải hủy quyết định xóa nợ đã ban hành khi đáp ứng điều kiện khoản 2 Điều 5. Lý do: Đảm bảo bao quát đầy đủ các trường hợp đã được xóa tiền chậm nộp theo quy định.	**Tiếp thu và hoàn thiện tại khoản 2 Điều 5 như sau:** *"2. Người nộp thuế thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này đã được xử lý xóa tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp theo Nghị quyết số 94/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội thì không phải thực hiện quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 94/2019/QH14."*
	Thuế tỉnh Nghệ An	Đề nghị xem xét lại quy định tại khoản 3 Điều 5: Lý do: Theo khoản 5 Điều 20 của Thông tư 69/2020/TT-BTC Quy định hồ sơ và trình tự, thủ tục xử lý nợ theo Nghị quyết số 94/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội *"5. Cơ quan quản lý thuế nơi người nộp thuế nợ tiền thuế có trách nhiệm thực hiện tính tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế và thu vào ngân sách nhà nước khoản nợ đã được khoanh nợ, xóa nợ."* Quyết định xóa tiền chậm nộp, tiền phạt chậm nộp theo	Theo cơ chế tại Nghị quyết số 94/2019/QH14 và Thông tư số 69/2020/TT-BTC, người nộp thuế đã được xóa tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp khi quay lại sản xuất, kinh doanh có thể thuộc trường hợp phải hủy quyết định xóa nợ, tính lại tiền chậm nộp và thu hồi nghĩa vụ theo quy định. Đây chính là nội dung dự thảo đề xuất Quốc hội xem xét áp dụng chính sách đặc thù khác với cơ chế trước đây. Thứ nhất, về thẩm quyền, việc xóa nợ theo Nghị quyết số 94/2019/QH14 không chỉ thuộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh mà được phân định theo đối tượng và số tiền. Dự thảo

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		NQ94 thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh, khác với thẩm quyền của Nghị quyết này quy định tại khoản 1 Điều 6, đồng thời xóa theo Nghị quyết 94, sau khi khôi phục MST cần nộp lại số tiền chậm nộp vào NSNN (không phải xóa vĩnh viễn như theo quy định tại Nghị quyết này)	không giao cơ quan quản lý thuế cấp dưới sửa đổi hoặc hủy quyết định đã được cấp có thẩm quyền ban hành. Thay vào đó, Quốc hội trực tiếp quyết định việc kế thừa kết quả xóa nợ đã thực hiện đúng quy định đối với người nộp thuế đáp ứng đầy đủ điều kiện của chính sách mới. Vì vậy, sự khác nhau về thẩm quyền ban hành quyết định trước đây và thẩm quyền tổ chức thực hiện Nghị quyết mới không cản trở việc áp dụng quy định này. Thứ hai, về nghĩa vụ khi quay lại kinh doanh, cơ chế trước đây đặt trọng tâm vào xử lý nợ đối với người nộp thuế không còn khả năng nộp ngân sách; chính sách mới gắn việc xóa tiền chậm nộp với hoàn thành nợ gốc phải nộp và nộp hồ sơ hợp lệ đề nghị khôi phục hoặc chấm dứt hiệu lực mã số thuế. Do đó, nếu người nộp thuế đáp ứng đầy đủ điều kiện mới nhưng vẫn phải thực hiện thủ tục thu hồi khoản tiền chậm nộp đã được xóa đúng quy định rồi tiếp tục xem xét xử lý theo Nghị quyết mới thì phát sinh thêm thủ tục đối với cùng khoản nghĩa vụ. Thứ ba, khoản 5 Điều 20 Thông tư số 69/2020/TT-BTC thuộc trình tự, thủ tục hủy khoanh nợ, hủy xóa nợ. Khi Quốc hội quy định ngoại lệ đối với việc hủy quyết định, thu hồi khoản đã xóa chỉ vì người nộp thuế quay lại kinh doanh, việc tổ chức thực hiện phải tuân theo ngoại lệ đó. Quy định hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 94/2019/QH14 không phải là căn cứ để tiếp tục yêu cầu thu hồi trái với chính sách mới được Quốc hội quyết định. **Cơ quan soạn thảo đã rà soát và chỉnh lý khoản 2 Điều 5 dự thảo Nghị quyết như sau:** *"2. Người nộp thuế thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này đã được xử lý xóa tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp theo Nghị quyết số 94/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội thì không phải thực hiện quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 94/2019/QH14."*
Điều 6:	Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Hưng Yên	Đề nghị quy định rõ trách nhiệm của cơ quan thuế, cơ quan đăng ký kinh doanh và các cơ quan có liên quan trong việc rà soát, xác minh và hậu kiểm; việc xử lý cần	**Cơ quan soạn thảo xin báo cáo như sau:** Toàn bộ nội dung Điều 6 đã được bỏ ra khỏi dự thảo do thuộc thẩm quyền của Chính phủ.

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		dựa trên dữ liệu quản lý thuế, hạn chế yêu cầu người nộp thuế thực hiện thêm thủ tục hành chính. Đồng thời, đề nghị bổ sung giải pháp phòng ngừa phát sinh nợ mới, như tăng cường kiểm soát từ khâu đăng ký doanh nghiệp, đăng ký thuế và xử lý kịp thời các trường hợp doanh nghiệp ngừng hoạt động; quy định biện pháp xử lý đối với hành vi lợi dụng chính sách.	
Về trình tự xử lý, công khai thông tin và xử lý sai sót (Điều 6)	Đại biểu Quốc hội TP Hà Nội	(1) - Có ý kiến đề nghị bổ sung tại điểm b khoản 2 Điều 6 cơ chế tra soát điện tử, chủ động hướng dẫn bổ sung dữ liệu còn thiếu trước khi quyết định không đủ điều kiện xóa tiền chậm nộp. - Có ý kiến đề nghị bổ sung khoản 5 Điều 6 đối với người nộp thuế đã ngừng hoạt động nhưng thiếu nguồn tài chính, sổ sách, chứng từ để hoàn tất thủ tục như sau: "Đối với người nộp thuế đã ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn tất thủ tục 5 thuế, cơ quan thuế chủ động đối chiếu dữ liệu quản lý thuế, hóa đơn điện tử, đăng ký kinh doanh để xác định nghĩa vụ; tiếp nhận giải trình, hướng dẫn bổ sung hồ sơ và xử lý nợ; phối hợp cơ quan đăng ký kinh doanh hướng dẫn thủ tục khôi phục hoặc chấm dứt hiệu lực mã số thuế, giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật; không mặc nhiên xóa nợ thuế gốc." - Có ý kiến đề nghị quy định rõ mục đích, phạm vi, thời hạn công khai (03 ngày làm việc kể từ khi có kết quả) và trách nhiệm đính chính; đối với người nộp thuế là cá nhân chỉ công khai địa chỉ đến cấp xã và che một phần số định danh cá nhân, bảo đảm pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân. - Có ý kiến đề nghị bổ sung tại khoản 3 Điều 6 cơ chế bảo vệ công chức thực hiện đúng quy trình, căn cứ dữ liệu chính thức không phải chịu trách nhiệm về sai lệch dữ liệu khách quan, đồng thời xử lý nghiêm hành vi cố ý vi phạm, trục lợi. - Có ý kiến đề nghị bổ sung tại khoản 4 Điều 6 thủ tục thông báo, cho người nộp thuế giải trình (05 ngày làm việc) trước khi thu hồi, điều chỉnh kết quả xóa nợ; phân biệt sai sót do người nộp thuế gian dối (khôi phục toàn	**(1) Về ý kiến 1, Cơ quan chủ trì soạn thảo xin giải trình như sau:** – Về tra soát dữ liệu, hướng dẫn bổ sung trước khi xác định không đủ điều kiện: Theo khoản 3 Điều 6 dự thảo NQ, cơ quan quản lý thuế căn cứ dữ liệu trên Hệ thống thông tin quản lý thuế để xử lý, không yêu cầu hồ sơ đề nghị xóa nợ riêng. Khi thông tin thiếu hoặc không thống nhất, cơ quan quản lý thuế sẽ chủ động tra soát, đối chiếu với dữ liệu hóa đơn, đăng ký kinh doanh và nguồn thông tin hợp pháp khác; thông báo nội dung cần làm rõ, tiếp nhận giải trình trước khi kết luận. Không đồng nhất việc thiếu dữ liệu trên hệ thống với việc người nộp thuế không đáp ứng điều kiện. – Về hỗ trợ người đã ngừng hoạt động, thiếu tài chính, sổ sách, chứng từ: Tiếp thu trong tổ chức thực hiện theo hướng cơ quan thuế chủ động rà soát nghĩa vụ, hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ và phối hợp cơ quan đăng ký kinh doanh xử lý thủ tục liên quan theo thẩm quyền. Trường hợp không còn khả năng thanh toán được phân loại, xem xét theo cơ chế xử lý nợ hiện hành; thiếu tài chính, sổ sách hoặc chứng từ không tự là căn cứ xóa nợ gốc hay miễn các điều kiện của Nghị quyết. Nội dung này sẽ được hướng dẫn thống nhất, không hình thành thủ tục hỗ trợ riêng. – Về công khai kết quả và bảo vệ dữ liệu cá nhân: Khoản 3 Điều 6 đã quy định công khai kết quả và thông tin cho người nộp thuế qua tài khoản giao dịch thuế điện tử, nếu có. Tiếp thu yêu cầu xác định rõ nội dung, phạm vi, thời gian đăng tải và trách nhiệm đính chính; chỉ công khai thông tin cần

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		bộ, xử phạt), sai sót do dữ liệu, lỗi hệ thống của cơ quan nhà nước (không tính tiền chậm nộp, không xử phạt) và sai lệch một phần (chỉ điều chỉnh phần chênh lệch). (2) - Có ý kiến đề nghị quy định thời hạn tối đa để cơ quan thuế kiểm tra, thu hồi kết quả xóa nợ không đúng (khoản 1 Điều 7 hiện không giới hạn), phù hợp với thời hiệu theo pháp luật về quản lý thuế.	thiết để minh bạch, giám sát kết quả, bảo đảm quy định về bảo mật thông tin người nộp thuế và bảo vệ dữ liệu cá nhân. Đề nghị không ấn định riêng thời hạn 03 ngày hoặc phương thức che thông tin trong Nghị quyết khi chưa rà soát đầy đủ quy định liên quan. Hướng dẫn thực hiện phải phân biệt thông tin công khai với thông tin gửi riêng cho người nộp thuế, tránh công bố quá mức cần thiết. - Về trách nhiệm và bảo vệ công chức: Luật QLT đã có quy định về bảo vệ công chức thực hiện đúng chức trách, quy trình và căn cứ hợp pháp. Tuy nhiên, việc sử dụng dữ liệu chính thức không đồng nghĩa được miễn trách nhiệm kiểm tra, xử lý dấu hiệu sai lệch thuộc phạm vi nhiệm vụ. Trách nhiệm phải được xác định theo hành vi, lỗi, thẩm quyền và điều kiện thực hiện; không quy trách nhiệm chỉ vì có sai lệch khách quan, đồng thời xử lý nghiêm hành vi cố ý làm sai, bỏ qua dấu hiệu bất thường hoặc trục lợi. Đề nghị thực hiện theo pháp luật hiện hành, không bổ sung cơ chế miễn trách nhiệm chung. – Về thông báo, giải trình và điều chỉnh kết quả xóa nợ: Tiếp thu yêu cầu thông báo rõ căn cứ, khoản tiền dự kiến phục hồi, điều chỉnh và tạo điều kiện để người nộp thuế giải trình trước khi quyết định. Trường hợp sai lệch một phần thì chỉ điều chỉnh phần xử lý không đúng, không mặc nhiên phục hồi toàn bộ kết quả. Cần phân biệt phục hồi nghĩa vụ với tính tiền chậm nộp và xử phạt. Người nộp thuế gian dối bị xử lý theo tính chất, mức độ vi phạm; sai sót do dữ liệu hoặc hệ thống phải được xác minh trách nhiệm, không tự động quy lỗi cho người nộp thuế. Tuy nhiên, không thể từ nguyên nhân sai sót suy ra đương nhiên miễn toàn bộ tiền chậm nộp hoặc tiền phạt. Đề nghị chưa bổ sung thời hạn giải trình cố định 05 ngày và cơ chế miễn chung; cụ thể hóa trình tự phù hợp trong tổ chức thực hiện, bảo đảm quyền giải trình, khiếu nại và xử lý đúng căn cứ pháp luật. **(2) Về ý kiến 2, Cơ quan chủ trì soạn thảo xin giải trình như sau:** Dự thảo NQ quy định tại khoản 4 Điều 6 trách nhiệm phục hồi

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			số tiền thuế nợ đã xử lý xóa khi phát hiện người nộp thuế thực tế không đáp ứng điều kiện. Thời hạn áp dụng chính sách đến hết ngày 30/6/2028 là thời hạn để thực hiện chính sách, không phải thời điểm chấm dứt trách nhiệm kiểm tra, xử lý kết quả xóa nợ không đúng. Cần phân biệt thời hạn kiểm tra, xử lý kết quả xóa nợ với thời hiệu xử phạt và thời hạn xác định, thu hồi nghĩa vụ thuế; không thể áp dụng chung một thời hiệu cho các hoạt động này. Nếu ấn định thời hạn tuyệt đối mà chưa phân biệt nguyên nhân, tính chất sai phạm thì có thể bỏ sót trường hợp gian lận, che giấu thông tin chỉ được phát hiện sau đó. Do đó, đề nghị chưa bổ sung một thời hạn tối đa chung theo kiến nghị. Việc kiểm tra, phục hồi khoản nợ phải thực hiện đúng căn cứ, thẩm quyền, trình tự và thời hạn tương ứng của pháp luật; thông báo rõ lý do, số tiền để người nộp thuế thực hiện quyền giải trình, khiếu nại. Khoản đã được xóa đúng đối tượng, đúng điều kiện không bị phục hồi chỉ do thay đổi cách đánh giá hoặc cách áp dụng sau này, bảo đảm tính ổn định của kết quả xử lý hợp pháp.
Điều 6: Thẩm quyền và trình tự xử lý tiền thuế nợ	Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Lạng Sơn	Đề nghị quy định rõ trách nhiệm của cơ quan thuế, cơ quan đăng ký kinh doanh và các cơ quan có liên quan trong việc rà soát, xác minh và hậu kiểm; việc xử lý cần dựa trên dữ liệu quản lý thuế, hạn chế yêu cầu người nộp thuế thực hiện thêm thủ tục hành chính. Đồng thời, đề nghị bổ sung giải pháp phòng ngừa phát sinh nợ mới và quy định biện pháp xử lý đối với hành vi lợi dụng chính sách.	**– Về trách nhiệm rà soát, xác minh, hậu kiểm và hạn chế thủ tục hành chính:** Dự thảo Nghị quyết đã được chỉnh lý lại không giữ điều riêng về thẩm quyền, trình tự như bản lấy ý kiến mà chỉnh lý tại Khoản 3 Điều 6 quy định cơ quan quản lý thuế căn cứ dữ liệu trên Hệ thống thông tin quản lý thuế để xử lý, công khai kết quả; người nộp thuế không phải lập hồ sơ đề nghị xóa nợ riêng. Tiếp thu ý kiến, trong tổ chức thực hiện, cơ quan thuế chủ trì rà soát đối tượng, khoản nợ và điều kiện; cơ quan đăng ký kinh doanh phối hợp đối chiếu tình trạng pháp lý; các cơ quan liên quan xác minh, cung cấp thông tin theo chức năng, thẩm quyền. Việc hậu kiểm thực hiện theo rủi ro, lưu giữ đầy đủ căn cứ và lịch sử xử lý; không yêu cầu người nộp thuế xin xác

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			nhận thông tin thuộc trách nhiệm trao đổi giữa các cơ quan. **– Về phòng ngừa phát sinh nợ mới và xử lý lợi dụng chính sách:** Cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp thu để triển khai đồng bộ việc xác thực thông tin đăng ký, liên thông dữ liệu, cảnh báo sớm và xử lý kịp thời trường hợp ngừng hoạt động; phân loại, theo dõi nghĩa vụ chưa được xử lý, tránh tiếp tục tích lũy tồn đọng. Khoản 4 Điều 6 đã quy định phục hồi số nợ đã xử lý xóa khi phát hiện người nộp thuế thực tế không đáp ứng điều kiện; khoản 5 giao Chính phủ xử lý nghiêm hành vi lợi dụng chính sách để trốn thuế, gian lận thuế hoặc chiếm đoạt tiền thuế. Việc phục hồi nghĩa vụ và xử lý trách nhiệm phải căn cứ tính chất, mức độ vi phạm và quy định pháp luật tương ứng.
Về cơ chế bảo vệ bí mật thông tin theo chuẩn mực quốc tế EoIR (Khoản 3 Điều 6 và Điều 7 Dự thảo)	Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Lai Châu	Khoản 3 Điều 6 Dự thảo Nghị quyết của Quốc hội quy định trách nhiệm của cơ quan thuế trong việc lưu giữ cơ sở dữ liệu, chứng từ và lịch sử điều chỉnh để phục vụ kiểm tra, giám sát và trao đổi thông tin theo quy định (EoIR). Tuy nhiên, quy định này mới dừng ở nghĩa vụ lưu giữ dữ liệu một chiều của cơ quan quản lý phục vụ yêu cầu của Diễn đàn toàn cầu (Global Forum - GF), mà chưa quy định cơ chế bảo vệ bí mật kinh doanh và dữ liệu cá nhân của người nộp thuế khi thu thập, chuyển giao thông tin ra nước ngoài. Để bảo đảm sự cân bằng giữa nghĩa vụ hợp tác quốc tế và quyền bảo vệ dữ liệu hợp pháp của người nộp thuế tại Việt Nam, đề nghị bổ sung thêm một khoản vào Điều 6 (hoặc Điều 7) quy định rõ: "Việc thu thập, lưu trữ và trao đổi thông tin người nộp thuế với cơ quan thuế nước ngoài theo cơ chế EoIR phải tuân thủ quy định về bảo mật thông tin của Luật Quản lý thuế và Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân. Trường hợp thông tin yêu cầu trao đổi chứa bí mật thương mại, công nghệ nhạy cảm, cơ quan thuế có trách nhiệm thông báo cho người nộp thuế trước khi chuyển giao."	**Cơ quan chủ trì soạn thảo xin giải trình như sau:** Cơ quan chủ trì soạn thảo thống nhất yêu cầu bảo vệ bí mật kinh doanh, dữ liệu cá nhân và thông tin hợp pháp của người nộp thuế. Tuy nhiên, việc lưu giữ dữ liệu phục vụ xử lý nợ không tự tạo căn cứ chuyển giao thông tin ra nước ngoài. Hoạt động trao đổi thông tin phải tuân thủ pháp luật về quản lý thuế, bảo vệ dữ liệu cá nhân và điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế có liên quan. Điều 7 Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 đã quy định trách nhiệm bảo mật; căn cứ cung cấp thông tin cho cơ quan quản lý thuế nước ngoài; yêu cầu sử dụng đúng mục đích và bảo mật đối với cơ quan, tổ chức được cung cấp thông tin. Các yêu cầu này tiếp tục áp dụng khi thực hiện Nghị quyết, không phụ thuộc việc có nhắc lại trong dự thảo hay không. Đối với đề nghị bắt buộc thông báo trước khi chuyển giao thông tin chứa bí mật thương mại, công nghệ nhạy cảm, đề nghị không bổ sung theo hướng áp dụng chung. Cần phân biệt nghĩa vụ bảo mật với căn cứ hạn chế hoặc từ chối cung cấp thông tin. Cơ quan có thẩm quyền phải đánh giá tính chất thông tin và giới hạn trao đổi theo khuôn khổ pháp lý áp dụng.

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			không chỉ căn cứ việc người nộp thuế xác định thông tin là bí mật. Chuẩn mực trao đổi thông tin theo yêu cầu ghi nhận quyền và biện pháp bảo vệ người nộp thuế, nhưng thủ tục thông báo không được cản trở hoặc trì hoãn bất hợp lý việc trao đổi; phải có ngoại lệ phù hợp, như trường hợp khẩn cấp hoặc thông báo có thể ảnh hưởng đến quá trình xác minh. Vì vậy, nghĩa vụ thông báo trước vô điều kiện có thể làm giảm hiệu quả hợp tác quốc tế. Do đó, đề nghị không bổ sung cơ chế thông báo trước riêng tại Nghị quyết về xử lý nợ. Tiếp thu yêu cầu tăng cường kiểm soát trong tổ chức thực hiện, bảo đảm đúng thẩm quyền, mục đích, phạm vi thông tin, phương thức chuyển giao an toàn và trách nhiệm bảo mật của bên tiếp nhận theo quy định áp dụng.
Khoản 2 Điều 6: *b.3) Sau khi điều chỉnh giảm tiền chậm nộp, cơ quan thuế giải quyết việc khôi phục mã số thuế hoặc chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế. Thời gian xử lý xóa tiền chậm nộp được thực hiện trong quá trình giải quyết hồ sơ đăng ký thuế và không làm kéo dài thời hạn giải quyết hồ sơ theo quy định;*	Đoàn đại biểu Quốc hội TP Bắc Ninh	Tại điểm b.3 khoản 2 Điều 6, dự thảo sử dụng cụm từ ***"Sau khi điều chỉnh giảm tiền chậm nộp"***, mang tính nghiệp vụ, dễ dẫn đến cách hiểu chỉ giảm một phần tiền chậm nộp. Đề nghị thay bằng cụm từ ***"Sau khi thực hiện xóa tiền chậm nộp theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết này"*** để thể hiện đúng bản chất chính sách, bảo đảm thống nhất với Điều 5 và giúp người nộp thuế dễ hiểu, dễ thực hiện.	Cơ quan chủ trì soạn thảo đã tiếp thu bỏ Điều 6 khỏi nội dung dự thảo Nghị quyết nhằm đảm bảo đúng thẩm quyền.
Tiết a.2 khoản 2 Điều 6 - Điều 6 đã được xóa: *a.2) Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi*	Thuế tỉnh Nghệ An	Đề nghị bỏ phần này, lý do quyết định cưỡng chế chỉ chấm dứt theo quy định tại khoản 2 Điều 49 Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15, nên điều này chưa đúng theo quy định tại Luật Quản lý thuế	Cơ quan chủ trì soạn thảo đã tiếp thu bỏ Điều này khỏi nội dung dự thảo Nghị quyết nhằm đảm bảo đúng thẩm quyền.

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
hành, cơ quan thuế có trách nhiệm hoàn thành việc xử lý xóa trên Hệ thống thông tin quản lý thuế và ban hành quyết định xóa nợ; *Trường hợp người nộp thuế đang bị áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế đối với số tiền nợ lệ phí môn bài, tiền chậm nộp lệ phí môn bài thuộc phạm vi áp dụng của Nghị quyết này, cơ quan thuế thực hiện chấm dứt hiệu lực của biện pháp cưỡng chế đang áp dụng đối với số tiền thuế nợ đã được xử lý xóa;*			
Tiết b.4 khoản 2 Điều 6 - Điều 6 đã được xóa: *b.4) Cơ quan thuế thông báo kết quả xử lý tiền chậm nộp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt, theo phương thức quy định tại điểm a.3 khoản này. Trường hợp không đủ điều kiện xóa tiền chậm nộp, cơ quan thuế thông báo rõ lý do cho người nộp thuế. Định kỳ hàng*	Thuế tỉnh Nghệ An	**Đề nghị sửa đổi:** *"b.4) Cơ quan thuế thông báo kết quả xử lý tiền chậm nộp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt, cơ quan thuế thông báo kết quả qua tài khoản điện tử của người nộp thuế. Trường hợp không đủ điều kiện xóa tiền chậm nộp, cơ quan thuế thông báo rõ lý do cho người nộp thuế. Định kỳ hàng tháng, cơ quan thuế công khai danh sách người nộp thuế được xử lý trên Trang thông tin điện tử của cơ quan thuế, gồm: tên người nộp thuế; mã số thuế; địa chỉ; số tiền chậm nộp được xử lý."* **Lý do:** Sẽ logic và phù hợp với điểm a.3 quy định về phần khác.	Cơ quan chủ trì soạn thảo đã tiếp thu bỏ Điều này khỏi nội dung dự thảo Nghị quyết nhằm đảm bảo đúng thẩm quyền của Quốc hội.

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
tháng, cơ quan thuế công khai danh sách người nộp thuế được xử lý trên Trang thông tin điện tử của cơ quan thuế, gồm: tên người nộp thuế; mã số thuế; địa chỉ; số tiền chậm nộp được xử lý.			
Khoản 4 Điều 6 - Điều này đã được xóa: *"4. Trường hợp phát hiện việc xóa nợ không đúng đối tượng, điều kiện hoặc số tiền, Thủ trưởng cơ quan thuế có thẩm quyền xử lý theo khoản 1 Điều này ban hành quyết định thu hồi hoặc điều chỉnh kết quả xử lý; khôi phục khoản nợ đã xóa không đúng và xác định lại tiền chậm nộp theo pháp luật về quản lý thuế. Cơ quan thuế thông báo quyết định cho người nộp thuế, cập nhật hệ thống, điều chỉnh thông tin đã công khai và xử lý hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật."*	Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Cao Bằng	- Thời hạn cơ quan thuế phải ban hành quyết định thu hồi, điều chỉnh kể từ khi phát hiện việc xóa nợ không đúng; thời hạn xem xét lại kết quả xóa nợ thực hiện theo pháp luật về quản lý thuế; giới hạn thời hạn này không áp dụng đối với trường hợp người nộp thuế cung cấp thông tin sai sự thật hoặc có hành vi gian lận. - Khi khôi phục khoản nợ đã xóa không đúng, phân biệt tiền chậm nộp phát sinh trước quyết định xóa nợ với tiền chậm nộp phát sinh trong thời gian người nộp thuế ngay tình thực hiện theo quyết định của cơ quan thuế; trường hợp người nộp thuế cung cấp thông tin sai lệch hoặc thông đồng thì xử lý theo quy định của pháp luật.	Cơ quan soạn thảo đã rà soát chỉnh lý bỏ nội dung này ra khỏi dự thảo Nghị quyết do thuộc thẩm quyền quy định của Chính phủ. Theo đó, trình tự xử lý sẽ được quy định cụ thể tại văn bản hướng dẫn Nghị quyết này.
Khoản 4 Điều 6 - Điều này đã được xóa: *"4. Trường hợp phát hiện việc xóa nợ không đúng đối tượng, điều kiện hoặc số tiền, Thủ trưởng cơ*	Thuế tỉnh Nghệ An	**Đề xuất sửa đổi**: Bỏ cụm từ *"xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật"* **Lý do:** Phần này không quy định hành vi vi phạm của NNT.	Cơ quan chủ trì soạn thảo đã tiếp thu bỏ Điều này khỏi nội dung dự thảo Nghị quyết nhằm đảm bảo đúng thẩm quyền của Quốc hội.

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CỤ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
quan thuế có thẩm quyền xử lý theo khoản 1 Điều này ban hành quyết định thu hồi hoặc điều chỉnh kết quả xử lý; khôi phục khoản nợ đã xóa không đúng và xác định lại tiền chậm nộp theo pháp luật về quản lý thuế. Cơ quan thuế thông báo quyết định cho người nộp thuế, cập nhật hệ thống, điều chỉnh thông tin đã công khai và xử lý hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật."			
Điều 6: Thẩm quyền và trình tự xử lý tiền thuế nợ	Hội tư vấn thuế Việt Nam	Đề xuất bổ sung điểm c đối với NNT 03, NNT 06 có số tiền thuế nợ gốc nhỏ (đến 02 triệu đồng/doanh nghiệp, 01 triệu đồng/cá nhân) và đã không hoạt động thời gian từ 10 năm trở lên thì CQT căn cứ CSDL quản lý thuế để ra quyết định xóa nợ và chấm dứt hiệu lực MST, không yêu cầu NNT phải làm thủ tục chấm dứt hiệu lực MST. Đồng thời, bổ sung quy định về việc cơ quan thuế tất toán tự động các khoản nộp thừa nhỏ dưới 50 ngàn đồng, không hoàn trả và không yêu cầu NNT phải từ chối nhận khoản nộp thừa để giảm thiểu các thủ tục hành chính không cần thiết với NNT.	**Cơ quan chủ trì soạn thảo xin giải trình như sau:** **– Về đề xuất xóa nợ gốc nhỏ và chủ động chấm dứt hiệu lực mã số thuế:** Giá trị nợ nhỏ và thời gian không hoạt động từ 10 năm trở lên chưa đủ căn cứ xác định khoản nợ không còn khả năng thu hồi. Đồng thời, thời gian không hoạt động không đồng nhất với tuổi nợ; dữ liệu về trạng thái mã số thuế chưa phản ánh đầy đủ tình trạng tài sản, nghĩa vụ và trách nhiệm của các chủ thể có liên quan. Ngoài chính sách xử lý lệ phí môn bài tại Điều 4, dự thảo không bổ sung cơ chế xóa nợ gốc theo ngưỡng giá trị. Việc cho phép đồng thời xóa nợ gốc và chấm dứt hiệu lực mã số thuế chỉ dựa trên các tiêu chí nêu tại kiến nghị sẽ mở rộng đáng kể phạm vi chính sách, cần được đánh giá đầy đủ về tác động ngân sách, khả năng thu hồi và nguy cơ lợi dụng. **Do đó, đề nghị không bổ sung nội dung này vào dự thảo Nghị quyết của Quốc hội.** Các khoản nợ đáp ứng điều kiện xóa theo pháp luật về quản lý thuế được xử lý theo quy định tương ứng; cơ chế chủ động chấm dứt hiệu lực mã số thuế tồn đọng lâu năm được xem xét tại dự thảo Nghị quyết của Chính

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			phủ, với điều kiện và trách nhiệm xác minh cụ thể. **– Về đề xuất tự động tất toán khoản nộp thừa dưới 50.000 đồng:** Cơ quan chủ trì soạn thảo ghi nhận mục tiêu giảm chi phí xử lý các khoản nộp thừa nhỏ. Tuy nhiên, **khoản nộp thừa là quyền lợi tài chính của người nộp thuế, khác với khoản nợ ngân sách cần xử lý**. Việc tự động tất toán, không hoàn trả dù người nộp thuế chưa thể hiện ý chí từ bỏ có thể làm chấm dứt quyền lợi này, nên cần căn cứ pháp lý và cơ chế bảo đảm quyền được biết, tra soát, đề nghị xử lý. Nội dung này nằm ngoài phạm vi xử lý tiền thuế nợ của dự thảo Nghị quyết. Vì vậy, đề nghị chưa bổ sung theo kiến nghị; tiếp thu để nghiên cứu cơ chế xử lý khoản nộp thừa nhỏ trong tổng thể pháp luật về quản lý thuế, ưu tiên tự động hóa việc thông báo, đối chiếu và bù trừ khi đủ điều kiện, giảm thủ tục nhưng vẫn bảo đảm quyền lợi của người nộp thuế.
Điều 6: Thẩm quyền và trình tự xử lý tiền thuế nợ	Hội tư vấn và đại lý thuế TPHCM	Điểm a.3 và b.4 khoản 2 Điều 6 quy định thông báo kết quả qua tài khoản giao dịch thuế điện tử của NNT. Tuy nhiên, phần lớn NNT trạng thái 03, 06 đã không còn chữ ký số, không còn khả năng đăng nhập tài khoản thuế điện tử. HTCAA đề nghị bổ sung phương thức thông báo qua thư điện tử, số điện thoại của người đại diện theo pháp luật đã đăng ký hoặc định danh điện tử VNeID, đồng thời cho phép tra cứu kết quả trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan thuế theo mã số thuế. Đối với khoản 4 Điều 6 về thu hồi kết quả xóa nợ không đúng, đề nghị phân định rõ hai trường hợp: (i) sai sót do NNT khai báo không trung thực, gian lận thì khôi phục khoản nợ, tính lại tiền chậm nộp và xử lý vi phạm; (ii) sai sót do cơ quan thuế hoặc lỗi dữ liệu hệ thống thì chỉ khôi phục khoản nợ gốc, không tính tiền chậm nộp cho khoảng thời gian từ khi xóa đến khi thu hồi. Đồng thời, đề nghị xác định thời hạn tối đa để thực hiện việc thu hồi, phù hợp với thời hiệu quy định tại Luật Quản lý thuế, nhằm bảo đảm sự ổn định của quan hệ pháp lý.	**Cơ quan chủ trì soạn thảo xin giải trình như sau:** **– Về phương thức thông báo, tra cứu kết quả:** Tiếp thu ý kiến, khoản 3 Điều 6 dự thảo Nghị quyết đã quy định công khai kết quả xử lý xóa nợ trên Trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý thuế và gửi thông tin qua tài khoản giao dịch thuế điện tử của người nộp thuế **nếu có**. Như vậy, việc tiếp cận kết quả không phụ thuộc hoàn toàn vào khả năng sử dụng tài khoản thuế điện tử. Trong tổ chức thực hiện, cơ quan thuế hướng dẫn tra cứu theo mã số thuế và sử dụng thêm thư điện tử, số điện thoại đã đăng ký để thông báo, hỗ trợ tiếp cận kết quả. Việc gửi thông tin qua VNeID được triển khai phù hợp với khả năng kết nối, xác thực và bảo đảm an toàn thông tin; không đặt thêm yêu cầu người nộp thuế phải đăng ký phương thức nhận thông báo để được hưởng chính sách. **– Về phục hồi khoản nợ đã xử lý xóa không đúng điều kiện:** Khoản 4 Điều 6 dự thảo quy định phục hồi số tiền thuế nợ đã xử lý xóa khi phát hiện người nộp thuế thực tế không đáp ứng

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			điều kiện. Việc phục hồi nhằm xác định đúng nghĩa vụ, **không đồng nghĩa mọi trường hợp đều bị xử phạt hoặc tự động tính lại tiền chậm nộp như nhau.** Cơ quan chủ trì soạn thảo ghi nhận yêu cầu phân biệt nguyên nhân sai sót. Trường hợp người nộp thuế khai báo không trung thực, gian lận thì ngoài phục hồi khoản nợ, việc tính tiền chậm nộp và xử lý vi phạm được thực hiện theo căn cứ, điều kiện của pháp luật. Trường hợp sai sót thuộc cơ quan thuế hoặc dữ liệu hệ thống, phải xác định rõ trách nhiệm và xử lý hậu quả theo quy định, không mặc nhiên quy lỗi cho người nộp thuế. Tuy nhiên, đề xuất "chỉ khôi phục nợ gốc" chưa phù hợp vì khoản đã được xóa có thể là lệ phí môn bài, tiền chậm nộp hoặc cả hai. Việc phục hồi phải xác định đúng **loại khoản nợ và số tiền đã xử lý sai**; còn việc không tính tiền chậm nộp trong thời gian từ khi xóa đến khi phục hồi là một chính sách riêng, cần được đánh giá và quy định rõ nếu bổ sung, không thể suy ra từ nguyên tắc phân định lỗi. **– Về thời hạn phục hồi khoản nợ:** Cần phân biệt thời hạn phát hiện, xử lý quyết định xóa nợ không đúng với thời hiệu xử phạt và thời hạn xác định, thu hồi nghĩa vụ thuế. Do đó, chưa phù hợp để áp dụng một thời hạn tối đa chung cho mọi trường hợp, nhất là trường hợp gian lận hoặc che giấu thông tin.
Điểm a.2 khoản 2 Điều 6: *Trường hợp người nộp thuế đang bị áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế đối với số tiền nợ lệ phí môn bài, tiền chậm nộp lệ phí môn bài thuộc phạm vi áp dụng của Nghị quyết này, cơ quan thuế thực hiện chấm dứt hiệu lực của*	Hội tư vấn và đại lý thuế TPHCM	Điểm a.2 khoản 2 Điều 6 mới quy định chấm dứt hiệu lực "biện pháp cưỡng chế" đối với số nợ đã xóa. Trên thực tế, biện pháp gây khó khăn lớn nhất cho người đại diện theo pháp luật của NNT trạng thái 03, 06 là tạm hoãn xuất cảnh, vốn không phải là biện pháp cưỡng chế. Để tránh cách hiểu khác nhau tại cơ sở, HTCAA kiến nghị bổ sung điểm a.2 khoản 2 Điều 6 theo hướng: *"Trường hợp người nộp thuế đang bị áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế hoặc người đại diện theo pháp luật đang bị áp dụng biện pháp tạm hoãn xuất cảnh đối với số tiền nợ lệ phí môn bài, tiền chậm nộp lệ phí môn bài thuộc phạm*	**Cơ quan chủ trì soạn thảo xin giải trình như sau:** **– Về chấm dứt biện pháp cưỡng chế và hủy bỏ tạm hoãn xuất cảnh:** Cơ quan chủ trì soạn thảo ghi nhận yêu cầu phân biệt biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế với biện pháp tạm hoãn xuất cảnh, bảo đảm xử lý kịp thời khi căn cứ áp dụng không còn. Dự thảo Nghị quyết đã chỉnh lý khoản 3 Điều 3, quy định cơ quan quản lý thuế có trách nhiệm kịp thời xác định khoản nợ đủ điều kiện xử lý xóa để không áp dụng biện pháp cưỡng chế đối với khoản nợ đó. Sau khi xử lý xóa nợ, cơ quan thuế phải cập nhật nghĩa vụ còn phải nộp, rà soát căn cứ duy trì biện

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
biện pháp cưỡng chế đang áp dụng đối với số tiền thuế nợ đã được xử lý xóa;		*vì áp dụng của Nghị quyết này, cơ quan thuế thực hiện chấm dứt hiệu lực của biện pháp cưỡng chế và đề nghị hủy bỏ biện pháp tạm hoãn xuất cảnh trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày xử lý xóa nợ, nếu người nộp thuế không còn khoản nợ khác thuộc diện phải áp dụng các biện pháp này."* Đồng thời, đối với NNT nộp hồ sơ khôi phục hoặc chấm dứt hiệu lực mã số thuế trong thời hạn 06 tháng cơ quan thuế đang xử lý xóa nợ, đề nghị quy định cơ quan thuế ưu tiên xử lý xóa ngay khi tiếp nhận hồ sơ, không để NNT phải chờ kết quả xử lý tập trung mới được giải quyết hồ sơ đăng ký thuế.	pháp cưỡng chế và tạm hoãn xuất cảnh để xử lý theo thẩm quyền, trình tự và thời hạn của pháp luật về quản lý thuế. Việc xóa một khoản nợ không đương nhiên dẫn đến chấm dứt toàn bộ các biện pháp đang áp dụng nếu vẫn còn căn cứ hợp pháp khác. Ngược lại, **khi không còn đáp ứng điều kiện áp dụng thì phải kịp thời chấm dứt biện pháp cưỡng chế hoặc thực hiện hủy bỏ tạm hoãn xuất cảnh**, không tiếp tục duy trì chỉ vì chưa cập nhật kết quả xử lý nợ. Do đó, tiếp thu yêu cầu hướng dẫn rõ, thống nhất trong tổ chức thực hiện; không quy định một thời hạn chung 03 ngày làm việc cho các biện pháp có căn cứ, thẩm quyền và trình tự xử lý khác nhau. **– Về ưu tiên xử lý khi người nộp thuế nộp hồ sơ khôi phục hoặc chấm dứt hiệu lực mã số thuế:** Dự thảo Nghị quyết sau chỉnh lý không còn quy định thời hạn xử lý tập trung 06 tháng như nội dung được góp ý. Khoản 3 Điều 6 quy định cơ quan quản lý thuế căn cứ dữ liệu quản lý để xử lý xóa nợ, người nộp thuế không phải lập hồ sơ đề nghị riêng. Tiếp thu ý kiến, việc tổ chức thực hiện phải gắn xử lý xóa nợ với giải quyết hồ sơ khôi phục hoặc chấm dứt hiệu lực mã số thuế, bảo đảm hoàn thành trong thời hạn giải quyết hồ sơ theo quy định; **không yêu cầu người nộp thuế chờ đợt xử lý tập trung**, trừ trường hợp phải chờ xác minh, kết luận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Nghị quyết.
Về hiệu lực thi hành, chuyển tiếp và tổ chức thực hiện (Điều 7)	Đoàn đại biểu Quốc hội TP Hà Nội	- Có ý kiến đề nghị sửa khoản 3 Điều 7 để hồ sơ nộp sát ngày 30/6/2028 vẫn được nộp nợ gốc, tiền phạt theo thông báo, quyết định ban hành trong thời hạn giải quyết hồ sơ như sau: *"3. Trường hợp chậm nhất vào ngày 30 tháng 6 năm 2028, người nộp thuế đã nộp đầy đủ hồ sơ hợp lệ được cơ quan thuế tiếp nhận theo điểm a khoản 2 Điều 5 và hoàn thành việc thanh toán đủ tiền thuế nợ gốc theo thông báo xác nhận nợ hoặc quyết định xử phạt của cơ quan thuế trong thời hạn giải quyết hồ sơ, nhưng cơ*	(1) Về ý kiến 1, Cơ quan chủ trì soạn thảo xin giải trình như sau: Cơ quan chủ trì soạn thảo ghi nhận tình huống người nộp thuế nộp hồ sơ sát ngày 30/6/2028 nhưng số nghĩa vụ còn phải nộp chỉ được cơ quan thuế xác định sau đó. Tuy nhiên, khoản 1 Điều 5 và khoản 2 Điều 6 dự thảo ngày 04/11 quy định hai điều kiện phải hoàn thành chậm nhất ngày 30/6/2028: nộp đủ nợ gốc và có hồ sơ hợp lệ được cơ quan thuế tiếp nhận. Cơ chế chuyển tiếp cho phép cơ quan thuế hoàn tất việc giải quyết sau thời điểm này, không kéo dài thời

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		quan thuế chưa hoàn thành việc xử lý tiền chậm nộp hoặc giải quyết hồ sơ khôi phục mã số thuế, chấm dứt hiệu lực mã số thuế, thì cơ quan thuế tiếp tục giải quyết theo Nghị quyết này." - Có ý kiến đề nghị bổ sung thời hạn hoàn thành xử lý hồ sơ chuyển tiếp không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày 01/7/2028; quy định trách nhiệm chia sẻ, liên thông dữ liệu giữa cơ quan thuế, cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan công an; trách nhiệm người đứng đầu, công chức và cơ chế giám sát, chống những nhiễu	gian đáp ứng điều kiện của người nộp thuế. Nếu cho phép thanh toán theo thông báo hoặc quyết định ban hành trong thời hạn giải quyết hồ sơ sau ngày 30/6/2028 thì sẽ mở rộng thời hạn hưởng chính sách, đồng thời khiến hạn thanh toán khác nhau tùy tiến độ xử lý từng hồ sơ. Do đó, đề nghị giữ thời hạn như dự thảo, không sửa theo nội dung kiến nghị. Để hạn chế vướng mắc, cơ quan thuế phải chủ động thông tin nghĩa vụ, tra soát dữ liệu và hướng dẫn người nộp thuế hoàn thành sớm; tăng cường hỗ trợ trước khi kết thúc thời hạn áp dụng. Trường hợp chậm xác định nghĩa vụ do lỗi của cơ quan thuế phải được xem xét, xử lý trách nhiệm và quyền lợi liên quan theo pháp luật, không mặc nhiên coi việc nộp hồ sơ đúng hạn là đã đáp ứng điều kiện nộp đủ nợ gốc.
Khoản 2 điều 7: *2. Người nộp thuế thuộc trường hợp phải khai, nộp lệ phí môn bài đối với nghĩa vụ phát sinh đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025 nhưng chưa thực hiện khai, nộp và chưa được hạch toán trên Hệ thống thông tin quản lý thuế thì không phải khai, nộp lệ phí môn bài và không bị tính tiền chậm nộp đối với nghĩa vụ này.*	Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Cao Bằng	Khoản 2 Điều 7 miễn khai, nộp lệ phí môn bài và không tính tiền chậm nộp đối với nghĩa vụ chưa khai; Điều 4 xóa nợ lệ phí môn bài và tiền chậm nộp. Tuy nhiên, dự thảo chưa xác định việc xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi chưa khai lệ phí môn bài, cũng như các quyết định xử phạt liên quan đã ban hành nhưng chưa thi hành. Theo khoản 2 Điều 5, tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính được tính vào tiền thuế nợ gốc, nên nội dung này ảnh hưởng trực tiếp đến điều kiện được xóa tiền chậm nộp của người nộp thuế ở trạng thái 03; 06. Đề nghị bổ sung quy định cụ thể.	**Tiếp thu** ý kiến đại biểu, cơ quan soạn thảo đã chỉnh lý quy định theo hướng người nộp thuế thuộc đối tượng áp dụng có nghĩa vụ lệ phí môn bài phát sinh đến hết ngày 31/12/2025 nhưng chưa khai, nộp và chưa được hạch toán trên Hệ thống thông tin quản lý thuế thì không phải khai, nộp và không bị tính tiền chậm nộp đối với nghĩa vụ này. Quy định nhằm tránh yêu cầu người nộp thuế thực hiện kê khai, xác lập thêm nghĩa vụ chỉ để xử lý theo chính sách đặc thù. Đối với xử phạt vi phạm hành chính, cần phân biệt nghĩa vụ được xử lý theo Nghị quyết với trách nhiệm đối với hành vi vi phạm đã phát sinh. Dự thảo không quy định cơ chế miễn, giảm riêng tiền phạt đối với hành vi chưa khai lệ phí môn bài. Việc xác định có xử phạt hay không, cũng như thi hành, miễn, giảm hoặc sửa đổi, hủy bỏ quyết định xử phạt đã ban hành, được thực hiện theo pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và pháp luật có liên quan, trên cơ sở hồ sơ cụ thể; không mặc nhiên phát sinh chỉ từ việc người nộp thuế được xử lý nghĩa vụ lệ phí môn bài theo Nghị quyết. Để làm rõ mối liên hệ với điều kiện xóa tiền chậm nộp, khoản tiền phạt còn phải thi hành sau khi đã xem xét, xử lý theo pháp luật được tính vào nghĩa vụ phải nộp đủ theo Nghị quyết. Khoản tiền phạt đã được miễn, giảm hoặc được điều

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			chỉnh do sửa đổi, hủy bỏ quyết định theo đúng thẩm quyền phải được cập nhật tương ứng, không tiếp tục tính phần nghĩa vụ không còn phải thi hành vào điều kiện xóa tiền chậm nộp. Việc xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi chưa thực hiện nghĩa vụ khai lệ phí môn bài và việc xử lý quyết định xử phạt đã ban hành được thực hiện theo pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và pháp luật có liên quan. Số tiền phạt được xác định vào nghĩa vụ tiền thuế nợ gốc phải nộp đủ để xem xét xóa tiền chậm nộp theo Nghị quyết này. **Cơ quan soạn thảo đã rà soát và chỉnh lý nội dung, kỹ thuật đưa lên khoản 3 Điều 4 dự thảo Nghị quyết như sau:** *3. Người nộp thuế quy định tại Điều 2 Nghị quyết này có nghĩa vụ khai, nộp lệ phí môn bài phát sinh đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025 nhưng chưa thực hiện khai, nộp và chưa được hạch toán trên Hệ thống thông tin quản lý thuế thì không phải khai, nộp lệ phí môn bài và không bị tính tiền chậm nộp đối với nghĩa vụ này.*
Điều 7. Tổ chức thực hiện	Thuế tỉnh Hà Tĩnh	- Đề nghị nghiên cứu bổ sung vào Điều 7 dự thảo Nghị quyết của Quốc hội nội dung cụ thể như sau: *"Đối với số tiền nợ gốc hoặc tiền phạt mà người nộp thuế đã nộp tương ứng với khoản tiền chậm nộp/tiền phạt được xóa theo quy định tại Nghị quyết này sau thời điểm người nộp thuế đã thực hiện nghĩa vụ, Cơ quan thuế tiếp tục giải quyết thủ tục chấm dứt hiệu lực hoặc khôi phục mã số thuế mà không được hoàn trả; trường hợp đã nộp thừa so với nợ gốc hoặc tiền phạt đã tính, cơ quan thuế thực hiện rà soát để bù trừ vào các khoản thu ngân sách khác còn nợ (nếu có) của người nộp thuế hoặc hoàn trả theo quy định của Luật Quản lý thuế.* Lý do: Để chính sách kín kẽ, công bằng và khả thi khi triển khai trong thực tiễn.	**Cơ quan chủ trì soạn thảo xin giải trình như sau:** Nội dung kiến nghị đã được thể hiện về nguyên tắc tại khoản 3 Điều 3 dự thảo ngày 04/11: chỉ xử lý xóa đối với số tiền thuộc phạm vi, đáp ứng đầy đủ điều kiện và chưa nộp vào ngân sách nhà nước tại thời điểm cơ quan quản lý thuế thực hiện xử lý xóa nợ. Việc xóa tiền chậm nộp không làm giảm hoặc xác định lại khoản nợ gốc, tiền phạt vi phạm hành chính đã nộp đúng quy định, nên không tự làm phát sinh khoản nộp thừa để hoàn trả hoặc bù trừ. Cơ quan thuế tiếp tục giải quyết thủ tục khôi phục hoặc chấm dứt hiệu lực mã số thuế khi người nộp thuế đáp ứng đầy đủ điều kiện. Trường hợp thực tế có khoản nộp thừa, nộp nhầm hoặc khoản thu không đúng quy định, cơ quan thuế thực hiện tra soát, điều chỉnh và xử lý theo pháp luật về quản lý thuế. Nguyên tắc giới hạn phạm vi xóa nợ tại Nghị quyết không hạn chế quyền được xử lý các khoản này của người nộp thuế. Đồng thời, cách diễn đạt "tiền chậm nộp/tiền phạt được xóa"

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			có thể gây nhầm lẫn giữa tiền phạt chậm nộp thuộc phạm vi Nghị quyết với tiền phạt vi phạm hành chính không thuộc chính sách xóa nợ này. Do đó, đề nghị không bổ sung một quy định riêng theo kiến nghị; giữ nguyên tắc tại khoản 3 Điều 3 và thực hiện xử lý khoản nộp thừa theo pháp luật về quản lý thuế, bảo đảm thống nhất, tránh cách hiểu mở rộng phạm vi chính sách.
Khoản 3 điều 7: *3. Trường hợp chậm nhất vào ngày 30 tháng 6 năm 2028, người nộp thuế đã nộp đầy đủ hồ sơ hợp lệ được cơ quan thuế tiếp nhận theo điểm a khoản 2 Điều 5 và đã đáp ứng điều kiện về thanh toán tiền thuế nợ gốc theo điểm b khoản 2 Điều 5, nhưng cơ quan thuế chưa hoàn thành việc xử lý tiền chậm nộp hoặc giải quyết hồ sơ khôi phục mã số thuế, chấm dứt hiệu lực mã số thuế, thì cơ quan thuế tiếp tục giải quyết theo Nghị quyết này.*	Thuế tỉnh Ninh Bình	Đề nghị bổ sung cụm từ "hoặc chưa giải quyết dứt điểm hồ sơ theo quy định" sau cụm từ "chưa hoàn thành việc xử lý tiền chậm nộp". Lý do: Nhằm quy định đầy đủ, rõ ràng hơn đối với trường hợp đến ngày 30/6/2028, người nộp thuế đã đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định nhưng cơ quan thuế chưa hoàn tất việc xử lý hồ sơ. Việc bổ sung nội dung này góp phần bảo đảm quyền lợi của người nộp thuế, đồng thời hạn chế phát sinh vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện.	**Cơ quan soạn thảo đã nghiên cứu chỉnh lý khoản 2 Điều 6 như sau:** *"2. Đối với các hồ sơ hợp lệ đề nghị khôi phục mã số thuế hoặc chấm dứt hiệu lực mã số thuế đã được cơ quan thuế tiếp nhận đến ngày 30 tháng 6 năm 2028 và người nộp thuế đã nộp đủ tiền thuế nợ gốc vào ngân sách nhà nước chậm nhất là ngày 30 tháng 6 năm 2028 mà cơ quan quản lý thuế chưa hoàn thành việc xử lý xóa tiền chậm nộp hoặc giải quyết thủ tục về khôi phục mã số thuế, chấm dứt hiệu lực mã số thuế thì cơ quan quản lý thuế tiếp tục giải quyết theo quy định của Nghị quyết này."*

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Tính bền vững thể chế sau ngày 30/6/2028: Luật hóa cơ chế "Giải thể mặc định" vào Luật Quản lý thuế (Điều 7 Dự thảo Nghị quyết của Quốc hội)	VCCI	Cả hai Dự thảo Nghị quyết đều xác định hiệu lực thi hành có thời hạn, kết thúc vào ngày **30 tháng 6 năm 2028**. Việc ấn định thời hạn hiệu lực cứng (*Sunset clause*) là hoàn toàn chuẩn xác nhằm thể hiện tính chất đặc thù, chỉ mở ra một lần để giải quyết khủng hoảng dữ liệu lịch sử và ngăn ngừa tâm lý ỷ lại (rủi ro đạo đức). Tuy nhiên, về mặt dài hạn, nếu không kịp thời sửa đổi các đạo luật gốc thì sau năm 2028 tình trạng này chắc chắn sẽ tái diễn. ***Một là, nguyên nhân sâu xa của sự tích tụ mã số thuế và nợ ảo.*** Tồn đọng hơn 2,51 triệu mã số thuế suốt nhiều năm qua là hệ quả tất yếu của việc thiếu vắng một "van xả tự động" trong hệ thống pháp luật. Pháp luật hiện hành buộc doanh nghiệp ngừng hoạt động vẫn phải nộp báo cáo định kỳ, khiến các khoản tiền phạt vi phạm hành chính và tiền phạt chậm nộp liên tục nhân lên theo thời gian trên sổ sách của cơ quan thuế, tạo ra khối nợ ảo khổng lồ. ***Hai là, kiến nghị hoàn thiện thể chế căn cơ.*** Để không bao giờ phải ban hành thêm các Nghị quyết đặc thù tương tự trong tương lai, giải pháp bền vững nhất là phải hoàn thiện chính sách ngay trong các đạo luật gốc. Vì vậy, VCCI kiến nghị Quốc hội bổ sung một khoản giao nhiệm vụ cho Chính phủ tại Điều 7 Dự thảo Nghị quyết của Quốc hội: *"Giao Chính phủ tổ chức tổng kết việc thực hiện Nghị quyết này; khẩn trương nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 và Luật Doanh nghiệp theo hướng: Luật hóa chính thức cơ chế 'Giải thể mặc định' (Deemed Dissolution) hoặc 'Xóa tên bắt buộc' (Compulsory Strike-off) sau thời hạn từ 03 đến 05 năm người nộp thuế không hoạt động và không nộp báo cáo; đồng thời luật hóa nguyên tắc miễn nộp hồ sơ khai thuế định kỳ đối với các kỳ không phát sinh hoạt động kinh doanh, nhằm thiết lập cơ chế tự làm sạch dữ*	**Cơ quan chủ trì soạn thảo xin giải trình như sau:** Cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp thu yêu cầu gắn xử lý tồn đọng với hoàn thiện cơ chế quản lý thường xuyên, phòng ngừa phát sinh mới. Tuy nhiên, tình trạng tồn đọng mã số thuế xuất phát từ nhiều nguyên nhân, gồm việc người nộp thuế tự ngừng hoạt động nhưng không hoàn tất thủ tục, nghĩa vụ còn thiếu, dữ liệu chưa đồng bộ và hạn chế trong phối hợp, tổ chức thực hiện. Vì vậy, chưa đủ cơ sở khẳng định nguyên nhân chỉ do thiếu cơ chế tự động xóa tên hoặc toàn bộ nghĩa vụ đang theo dõi là "nợ ảo". **Cơ chế giải thể mặc định hoặc xóa tên bắt buộc sau 03–05 năm cần được nghiên cứu, đánh giá tổng thể**, bởi việc chấm dứt tư cách pháp lý còn liên quan đến tài sản, quyền của chủ nợ, người lao động, trách nhiệm của chủ sở hữu và nghĩa vụ lưu giữ, cung cấp thông tin. Chỉ căn cứ thời gian không hoạt động, không nộp báo cáo để tự động giải thể có thể tạo điều kiện trốn tránh nghĩa vụ và làm mất khả năng xác minh, xử lý vi phạm. Tương tự, việc không phát sinh hoạt động kinh doanh chưa đồng nghĩa không phát sinh mọi nghĩa vụ thuế; phạm vi miễn khai cần được xác định theo từng trường hợp và loại nghĩa vụ. Theo khoản 5 Điều 6 dự thảo Nghị quyết, Chính phủ có trách nhiệm tổ chức thực hiện và báo cáo Quốc hội kết quả tại kỳ họp cuối năm 2028. **Việc tổng kết sẽ đánh giá nguyên nhân tồn đọng, hiệu quả chính sách và đề xuất hoàn thiện pháp luật**, đồng thời tăng cường liên thông dữ liệu, cảnh báo sớm, phân loại và xử lý kịp thời người nộp thuế ngừng hoạt động. Do đó, đề nghị **chưa quy định ngay trong Nghị quyết yêu cầu luật hóa mô hình giải thể mặc định, xóa tên bắt buộc với thời hạn 03–05 năm hoặc miễn khai chung cho mọi kỳ không hoạt động**. Việc lựa chọn giải pháp và đề xuất sửa đổi luật cần căn cứ kết quả tổng kết, đánh giá tác động, bảo đảm vừa đơn giản hóa thủ tục vừa bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các bên và quyền thu của Nhà nước.

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		liệu thường xuyên, liên tục của bộ máy hành chính nhà nước."	